



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 14+15

Ngày 10 tháng 02 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

20-12-2019	Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ban hành quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2
------------	---	---

(Đăng từ Công báo số 12+13 đến Công báo số 14+15)

Phụ lục số 04**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 THỊ XÃ PHỔ YÊN***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)***1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông***Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²*

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
I	ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT (Từ cầu Đa Phúc đến ngã ba Tân Hương (Km 33+350 - Km40+100))	
1	Từ cầu Đa Phúc đến đường vào xóm Thượng, xã Thuận Thành (Km33 + 400 - Km35 + 475)	6.000
2	Từ đường rẽ xóm Thượng, xã Thuận Thành đến cách đường rẽ UBND xã Trung Thành 150m (Km35+ 475 - Km37+ 270)	5.000
3	Từ cách đường rẽ vào UBND xã Trung Thành 150m đến giáp đất nhà ông Luân lớp (Km37 + 270 - Km37 + 957)	5.500
4	Từ đất nhà ông Luân lớp đến ngã ba Tân Hương (Km37 + 957 - Km40 + 100)	6.000
	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính K602	3.000
2	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Sơn	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc	3.500
2.2	Từ bờ kênh Núi Cốc đến Cầu Sơn	2.000
3	Từ đường Triệu Quang Phục (cầu vượt Đông Cao) đến đê Chã	3.000
4	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa thôn Thanh Hoa xã Trung Thành	2.000
5	Nhánh trục phụ từ Quốc lộ 3 đến đê Chã	
5.1	Từ đường sắt qua Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp Thái Nguyên (Trường Xây lắp điện cũ) đến hết đất xã Trung Thành	
5.1.1	Từ đường sắt đến Bãi sỏi	1.200
5.1.2	Từ Bãi sỏi đến giáp đất xã Tân Phú	1.600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5.2	Từ Trạm Y tế xã Đông Cao đến giáp đất xã Tân Hương	1.000
6	Từ Quốc lộ 3 (đường rẽ xóm Cẩm Trà) đến kênh Núi Cốc	1.000
7	Từ Quốc lộ 3 qua đình Thượng Giã đến đường Triệu Túc	
7.1	Quốc lộ 3 đến đình Thượng Giã	1.500
7.2	Từ đình Thượng Giã qua Nhà Văn hóa đến đường Triệu Túc	1.000
8	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa xóm Lai 1	
8.1	Từ Quốc lộ 3 đến Kênh Núi Cốc N19-21	1.500
8.2	Từ Kênh Núi Cốc đến đường nội đồng Lai Bíp	800
8.3	Từ đường nội đồng Lai Bíp đến Nhà Văn hóa xóm Lai 1	600
9	Từ Quốc lộ 3 qua ngã tư xóm Đoàn Kết đến đường Võ Thị Sáu	
9.1	Từ Quốc lộ 3 đến giáo họ Thượng Giã	1.500
9.2	Từ giáo họ Thượng Giã đến ngã tư xóm Đoàn Kết	1.000
9.3	Từ ngã tư xóm Đoàn Kết đến Nhà Văn hóa xóm Đoàn Kết	800
9.4	Từ Nhà Văn hóa xóm Đoàn Kết đến đường Võ Thị Sáu	1.500
10	Từ Quốc lộ 3 đến công Sur đoàn 312	3.000
11	Từ Quốc lộ 3 đi Đền Đồng Thụ đến đê Chã	1.000
12	Từ Quốc lộ 3 đến Sur đoàn 312 (đường đê Sông Công)	1.000
13	Từ Quốc lộ 3 đến đất nhà ông Đinh Văn Cương, xóm Phú Thịnh, Thuận Thành	2.000
14	Từ Quốc lộ 3 (Núi Sáo) đến Đường Ngâm	2.000
II	ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH (Từ ngã ba Tân Hương (Km40+100) đến Đường đi Tiên Phong (Km43))	
1	Từ ngã ba Tân Hương đến giáp đất Nam Tiến (Km40 + 100 - Km40 + 240)	6.000
2	Từ đất Nam Tiến đến đường rẽ vào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thị xã Phổ Yên (Km40 + 240 - Km41 + 486)	6.500
3	Từ đường rẽ vào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thị xã Phổ Yên đến giáp đất phường Ba Hàng (Km41 + 486 - Km42 + 268)	7.000
4	Từ đất phường Ba Hàng đến đường rẽ vào Viện 91 (Km42 + 268 - Km42 + 700)	11.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5	Từ đường rẽ vào Viện 91 đến đường rẽ trường Tiểu học Ba Hàng (Km42 + 700 - Km42 + 845)	14.500
6	Từ đường rẽ Trường Tiểu học Ba Hàng đến đường đi Tiên Phong (Km42 + 845 - Km43)	18.000
	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học Ba Hàng	6.500
2	Từ Quốc lộ 3 đi tổ dân phố Kim Thái, vào 200m	5.000
3	Từ Quốc lộ 3 đi nút giao Yên Bình	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu vượt đường sắt, xã Nam Tiến	5.000
3.2	Từ cầu vượt đường sắt đến ngã tư giao với đường Ba Hàng - Tiên Phong	5.000
3.3	Từ ngã tư giao với đường Ba Hàng - Tiên Phong đến khu xử lý nước thải Yên Bình	6.000
4	Từ Quốc lộ 3 đến Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã Phở Yên	2.000
5	Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học 1, xã Nam Tiến	2.000
III	ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG (Từ đường đi xã Tiên Phong (Km43) đến giáp đất phường Phố Cò, thành phố Sông Công (Km 45+ 900))	
1	Từ đường đi xã Tiên Phong đến đường rẽ vào Trường Đỗ Cận (Km43 - Km43 + 45)	18.000
2	Từ đường rẽ vào Trường Trung học cơ sở Đỗ Cận đến cách ngã tư Ba Hàng 100m (Km43 + 45 - Km43 + 350)	15.500
3	Từ cách ngã tư Ba Hàng 100 đến qua ngã tư Ba Hàng 100m (Km43 + 350 - Km43 + 550)	13.000
4	Từ qua ngã tư Ba Hàng 100m đến hết đất nhà ông Hòa Bỉ (đường rẽ chợ Ba Hàng cũ) (Km43 + 550 - Km43 + 705)	11.000
5	Từ hết đất nhà ông Hòa Bỉ (đường rẽ chợ Ba Hàng cũ) đến hết đất trụ sở Công an phường Ba Hàng (Km43 + 705 - Km44 + 208)	9.500
6	Từ giáp đất trụ sở Công an phường Ba Hàng đến đường rẽ Xí nghiệp Xi măng Đồng Tiến (Km44 + 208 - Km44 + 982)	7.000
7	Từ đường rẽ Xí nghiệp Xi măng Đồng Tiến đến giáp đất Sông Công (Km44 + 982 - Km45 + 950)	6.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến đòai Tên Lửa xóm Đài xã Đắc Sơn	1.200
2	Từ Quốc lộ 3 qua trạm điện đến Nhà Văn hóa xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến	1.400
3	Từ Quốc lộ 3 qua Nhà Văn hóa Đông Sinh đến đường sắt Hà Thái	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến (đoạn đi qua xóm Đông Sinh)	1.300
3.2	Từ Nhà Văn hóa xóm Đông Sinh đi Nhà Văn hóa xóm Chùa	800
3.3	Từ Nhà Văn hóa xóm Chùa đến đường sắt Hà Thái	600
4	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa xóm Ấm (mới) xã Hồng Tiến	2.000
5	Từ Quốc lộ 3 đến công trào trong xóm Đài xã Đắc Sơn	1.700
6	Từ Quốc lộ 3 đến Xí nghiệp Xi măng Đồng Tiến	2.300
7	Từ Quốc lộ 3 qua xóm Quán Vã đến giáp địa phận xã Đắc Sơn	
7.1	Từ Quốc lộ 3 qua xóm Quán Vã đến kênh Núi Cốc	1.000
7.2	Từ nương Núi Cốc, nhà bà Nguyễn đến giáp địa phận xã Đắc Sơn	800
8	Từ Quốc lộ 3, hai nhánh xóm Thành Lập đến Kho thuốc sâu cũ, khu Quán Vã	600
9	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa tổ dân phố 2 + 50m	2.300
10	Từ Quốc lộ 3, nhà ông Chỉnh qua nhà ông Tính đến nương Núi Cốc	900
11	Từ Quốc lộ 3 (cạnh nhà ông Thích tổ dân phố Thành Lập) đến Tỉnh lộ 261 đi Phú Bình	
11.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Nhà Văn hóa tổ dân phố Thành Lập	3.500
11.2	Từ giáp đất Nhà Văn hóa tổ dân phố Thành Lập đến Tỉnh lộ 261 đi Phú Bình (nhà ông Vạn)	2.500
12	Từ Quốc lộ 3 nhà ông Hòa Bỉ (đường rẽ chợ Ba Hàng cũ) đến giáp đất nhà ông Kiên tổ dân phố 3	
12.1	Từ Quốc lộ 3 nhà ông Hòa Bỉ (đường rẽ chợ Ba Hàng cũ) đến ngã ba (nhà ông Lưu)	4.000
12.2	Từ ngã ba (nhà ông Lưu) đến giáp đất nhà ông Kiên tổ dân phố 3	3.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
13	Từ Quốc lộ 3 đi Trường Mầm non Sơn Ca đến hết đất nhà bà Bình (tổ dân phố 4)	4.000
14	Từ Quốc lộ 3 đến Trung tâm Y tế thị xã	7.000
15	Từ Quốc lộ 3 qua Trường THCS Đỗ Cận đến đường Ba Hàng - Tiên Phong	7.000
16	Từ Quốc lộ 3 đi khu dân cư VIF (đoạn đã xong cơ sở hạ tầng)	5.500
IV	QUỐC LỘ 3 HÀ NỘI - THÁI NGUYÊN (Từ Km47 đến Km51 + 230m)	
1	Từ nhà bà Bình đến giáp đất Nhà máy cám Trư Đại (Km47 - Km47 + 250)	6.000
2	Từ Km50 đến Km51 + 230	5.500
	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Thư xóm Giếng, xã Hồng Tiến	
1.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	1.600
1.2	Từ đường sắt đến nhà ông Thư	1.200
1.3	Từ nhà ông Thư đến Tỉnh lộ 266	1.000
2	Từ nhà Tùng Nhung đến Nhà Văn hóa xóm Giếng	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 qua xóm Hiệp Đồng đến ngã ba xóm Chùa, xã Hồng Tiến	
3.1	Từ Quốc lộ 3, vào 500m	1.200
3.2	Từ qua 500m đến ngã ba xóm Chùa	700
V	ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG (Từ ngã tư Quốc lộ 3 cũ (Km43+500) đến Cầu Rẽo, phường Bãi Bông)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến ngã ba Xe Trâu	8.000
2	Từ ngã ba Xe Trâu đến đường sắt	5.500
3	Từ đường sắt đến hết chợ Hồng Tiến	6.000
4	Từ giáp đất chợ Hồng Tiến đến hết đất nhà ông Tiêu	4.500
5	Từ giáp đất nhà ông Tiêu đến Cầu Rẽo	4.000
	Trục phụ	
1	Từ nương Núi Cốc (giáp đất khu dân cư Hồng Diện) đến đường sắt	700

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ ngã ba Vòng Bi đến Nhà máy Vòng Bi	3.000
3	Từ Tỉnh lộ 261 (nhà bà Thung Đạt) đến đường sắt	700
4	Từ Tỉnh lộ 261 (nhà ông Luật Hậu) đi xóm Đồng Quang đến đầu cầu Đồng Tâm	1.200
5	Từ nhà ông Phương Hằng đến ngã tư nhà ông Thụ tổ dân phố Đại Đồng	1.500
6	Từ hết đất nhà ông Thụ qua nhà ông Vinh đến đất nhà ông Hùng tổ dân phố Đại Đồng	1.500
7	Từ ngã ba, nhà ông Vỹ Hằng đến đầu cầu Đại Thịnh	1.000
8	Từ nhà ông Thiều Đào đến nhà ông Ngọc, tổ dân phố Đại Thịnh	800
9	Từ nhà bà Vân, tổ dân phố Đại Xuân đến giáp đường sắt Hà Thái	1.000
10	Từ ngã ba hồ A5 đến ngã tư nhà ông Hoạch, tổ dân phố Đại Hưng	1.000
11	Từ ngã ba hồ A5 đến đường sắt Hà Thái	1.000
12	Từ Tỉnh lộ 261, nhà bà Vát đến nhà bà Bách, tổ dân phố Trung Tâm	1.000
13	Từ Tỉnh lộ 261, nhà bà Út đến ngã ba nhà ông Hoàng, tổ dân phố Thống Nhất	800
14	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Vân đến nhà ông Tiến, tổ dân phố Thống Nhất	1.000
15	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Thành đến nhà ông Tường, tổ dân phố Cầu Rẽo	1.000
16	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Tấn đến nhà ông Tuyên, tổ dân phố Cầu Rẽo	1.000
17	Đoạn từ nhà ông Bắc (Chấp), tổ dân phố Đại Đồng đến hết đất xã Đồng Tiến	2.000
18	Đoạn từ nhà ông Ước đến nhà ông Đặng, tổ dân phố Đại Cát	2.000
19	Đoạn từ Cầu Rẽo qua Nhà Văn hóa xóm Giếng đến ngã ba nhà ông Thư, xóm Giếng	
19.1	Đoạn từ Cầu Rẽo đến Nhà Văn hóa xóm Giếng	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
19.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa xóm Giếng đến ngã ba nhà ông Thư, xóm Giếng	800
19.3	Nhánh của trục phụ đoạn từ Cầu Rèo đến Nhà Văn hóa xóm Giếng: Từ Khu tái định cư xóm Ngoài đến Trường Tiểu học Hồng Tiến 2	700
VI	ĐƯỜNG ĐỖ CẠN (Từ Quốc lộ 3 đến chân Cầu Đầm, xã Đắc Sơn)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Khu dân cư VIF, phường Ba Hàng	7.500
2	Từ hết đất Khu dân cư VIF đến cầu Trâu II	5.000
3	Từ cầu Trâu II đến qua ngã ba Giếng Đồn 100m	2.500
4	Từ qua ngã ba Giếng Đồn 100m đến Cầu Đầm	1.700
	Trục phụ	
1	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Vy qua Nhà Văn hóa tổ dân phố Yên Ninh đến kênh Núi Cốc	1.500
2	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Uyên Cần đến ngã ba nhà ông Lưu, tổ dân phố 3	2.000
3	Nhánh rẽ cạnh nhà ông Kiên đến kênh mương Núi Cốc	1.000
4	Từ Tỉnh lộ 261, cạnh nhà ông Bình đến ngã ba nhà ông Luyến tổ dân phố 3	1.650
5	Từ Tỉnh lộ 261, cạnh nhà ông Dân qua tổ dân phố Yên Ninh đến gặp đường đi Bệnh viện Quân Y 91	1.650
6	Từ Tỉnh lộ 261 đến Trung tâm Cai nghiện	
6.1	Từ Tỉnh lộ 261 đến nhà ông Tàn Phái	1.200
6.2	Từ nhà ông Tàn Phái đến Trung tâm Cai nghiện	1.000
7	Tỉnh lộ 261 rẽ vào đến Nhà Văn hóa tổ dân phố Yên Trung	1.000
8	Từ Tỉnh lộ 261 đi tổ dân phố Đồng Năm, vào 250m	1.000
9	Từ ngõ rẽ cạnh UBND xã Đắc Sơn cũ, vào đến đò Tên Lửa	800
VII	TỈNH LỘ 274 ĐI VĨNH PHÚC (Từ Cầu Nhái đến đỉnh đèo Nhe)	
1	Từ Cầu Nhái đến hết đất nhà ông Phúc, xóm Thượng Vụ	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ giáp đất nhà ông Phúc xóm, Thượng Vụ đến Cầu Lai, xã Thành Công	1.500
3	Từ Cầu Lai, xã Thành Công đến cách ngã ba chợ Long Thành 50m	2.000
4	Từ cách ngã ba chợ Long Thành 50m đến qua ngã ba chợ Long Thành 50m	3.500
5	Từ qua ngã ba chợ Long Thành 50m đến Trường THCS xã Thành Công	2.000
6	Từ Trường THCS Thành Công đến hết nhà ông Toàn, xóm Xuân Dương	1.000
7	Từ giáp đất nhà ông Toàn, xóm Xuân Dương đến đỉnh đèo Nhe (hết địa phận xã Thành Công)	750
	Trục phụ	
1	Từ ngã ba bên Nhái đi xã Vạn Phái	
1.1	Từ ngã ba bên Nhái đến cách UBND xã Vạn Phái 200m	600
1.2	Từ cách UBND xã Vạn Phái 200m đến qua UBND xã Vạn Phái 200m	1.000
2	Từ đường 274 đi xóm Thượng Vụ 1, đến hết đất nhà ông Lâu	550
3	Từ ngã ba nhà ông Quang Chiến đến Trường Tiểu học Thành Công 2	700
4	Từ đường 274 đi xóm An Hòa, vào 200m	700
5	Ngã ba chợ Long Thành đi Hồ Suối Lạnh	
5.1	Từ ngã ba chợ Long Thành + 50m	3.500
5.2	Qua ngã ba chợ Long Thành 50 đến Gò Tròn	2.500
5.3	Từ Gò Tròn đến Gò Đồn	2.000
5.4	Từ Gò Đồn đến chân đập hồ Suối Lạnh	1.000
6	Ngã ba Gò Đồn đi làng Đanh	
6.1	Từ ngã ba Gò Đồn đến cách ngã ba làng Đanh 50m	550
6.2	Từ cách ngã ba làng Đanh 50m đến qua cổng làng Đanh 50m	700
7	Từ giáp đất xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, qua Nhà máy gạch Hồng Trang đến hết đất nhà ông Lưu Văn Hai, xóm Ao Sen	520

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
VIII	ĐƯỜNG LÝ NAM ĐẾ (Từ Quốc lộ 3 cũ (Km 43) đến chân cầu vượt Đồng Tiến)	
1	Từ Quốc lộ 3 cũ đến đường sắt	9.500
2	Từ đường sắt đến cách Quốc lộ 3 mới 100m	7.500
	Trục phụ	
1	Từ đường đi Tiên Phong, giáp đất ông Thoại đến đường vào Nhà máy Z131	
1.1	Từ đường đi Tiên Phong (giáp đất ông Thoại) đến nhà ông Bằng, tổ dân phố Đại Phong	2.600
1.2	Từ nhà ông Bằng, tổ dân phố Đại Phong đến đường Nguyễn Cấu (nhà ông Hưng tổ dân phố Đại Phong)	2.200
2	Từ đường đi Tiên Phong, cạnh nhà bà Ngân Dân đến nhà Hợp Xuân	5.500
3	Nhánh từ ngã ba nhà bà Vân, tổ dân phố Kim Thái đến hết đất nhà bà Sơn, tổ dân phố Kim Thái	3.500
4	Từ đường đi Tiên Phong đến sau ga Phở Yên (nhà ông Thắng thuê)	5.000
5	Từ đường đi Tiên Phong, nhà ông Đính Màu đến Nhà khách Z131	
5.1	Từ đường đi Tiên Phong, nhà ông Đính Màu đến cổng chính Z131	5.000
5.2	Từ cổng chính Z131 đến nhà khách Z131	3.500
6	Từ đường đi Tiên Phong, nhà ông Cường Chanh đến Trường Tiểu học Đồng Tiến	4.000
IX	ĐƯỜNG NGÔ GIA TỰ (Từ Quốc lộ 3 cũ (Km42+700) đến Bệnh viện Quân Y 91)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến qua bờ kênh Núi Cốc 100m	7.500
2	Từ qua bờ kênh Núi Cốc 100m đến Bệnh Viện Quân Y 91	6.000
	Trục phụ	
1	Từ nhà hàng 91 đi qua nhà ông Tâm sản xuất gạch đến giáp địa phận xã Nam Tiến	2.300
2	Từ cổng chính Bệnh viện Quân y 91 đến hết đất nhà ông Kế tổ dân phố Đầu Cầu	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
X	ĐƯỜNG ĐẶNG THÙY TRÂM (Từ đường Tỉnh lộ 261 (Km40+700) đến đường vào Bệnh Viện Quân Y 91)	
1	Toàn tuyến	3.000
XI	ĐƯỜNG NGUYỄN CẦU (Từ Quốc lộ 3 cũ (Km43+400) đến Khu dân cư Hồng Phong)	
1	Toàn tuyến	6.000
	Trục phụ	
1	Từ đèn thờ liệt sỹ đến đường sắt Hà Thái (đoạn đã xong hạ tầng)	5.000
XII	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI (Từ Tỉnh lộ 261 đi Phú Bình (Km42) đến cổng chính nhà máy Z131)	
1	Từ Tỉnh lộ 261 (Km42, ngã ba dốc Xe Trâu) + 120m	5.500
2	Từ qua ngã ba dốc Xe Trâu 120m đến ngã ba (nhà ông Trung Trạm)	5.000
XIII	ĐƯỜNG TRẦN NHẬT DUẬT (Từ Tỉnh lộ 261 (Km39+300) đến Cầu Nhái, xã Đắc Sơn)	
1	Từ đường Đỗ Cận (Km 42, Tỉnh lộ 261 cũ) + 100m	1.700
2	Từ qua 100m đến Cầu Nhái, xã Đắc Sơn	1.500
XIV	ĐƯỜNG TRẦN NGUYỄN HÃN (Từ Quốc lộ 3 cũ (Km41) đến UBND xã Nam Tiến)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến kênh Núi Cốc	2.500
2	Từ kênh Núi Cốc đến UBND xã Nam Tiến	2.000
XV	ĐƯỜNG TRIỆU QUANG PHỤC (Từ Quốc lộ 3 cũ (Km37) đến chân cầu vượt Đông Cao)	
1	Từ Quốc lộ 3 cũ đến đường sắt	3.500
2	Từ đường sắt đến chân cầu vượt Đông Cao	2.500
XVI	ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI (Từ Quốc lộ 3 cũ (Km37) đến đê Sông Công, xã Trung Thành)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến qua chợ Thanh Xuyên 50m	3.000
2	Từ qua chợ Thanh Xuyên 50m đến 250m	2.500
3	Từ qua chợ Thanh Xuyên 250m đến đê Sông Công xã Trung Thành (đê Tứ Thịnh)	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
XVII	ĐƯỜNG LÝ THIÊN BẢO (Từ Quốc lộ 3 (Km33+350) đến Công chui Phù Lôi, xã Thuận Thành)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết Công ty kinh doanh Than Bắc Thái (UBND xã Thuận Thành cũ)	2.000
2	Từ giáp Công ty kinh doanh Than Bắc Thái (UBND xã Thuận Thành cũ) đến công chui Phù Lôi	1.600
3	Từ công chui Phù Lôi đến công số 3 đê Chã Thuận Thành	800
	Trục phụ	
1	Đê Chã đến Tái định cư Phù Lôi	650
2	Đê Chã đến ngã tư nhà ông Phạm Bá Lơ	600
3	Từ nhà ông Phạm Bá Lơ đến nhà ông Thơm (trưởng xóm)	560
4	Từ nhà ông Thơm (trưởng xóm) đến đê Chã	600
XVIII	ĐƯỜNG TRIỆU TỨC (Từ Quốc lộ 3 (Công ty Sữa Km35+700) đến Công Táo, xã Thuận Thành)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt Hà Thái	2.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến công Táo, xã Thuận Thành	1.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2, số 4, vào 150m	800
2	Trạm bơm công Táo qua nhà ông Luật đến cây đa to, xóm Xây	560
3	Từ ngã ba dốc đèn Đồng Thụ đến nhà ông Giới	560
XIX	ĐƯỜNG PHẠM TU (Từ Quốc lộ 3 (Km40+100) đến UBND xã Tân Hương)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết nhà ông Lợi Thuận, xã Tân Hương	3.000
2	Từ giáp đất nhà ông Lợi Thuận, xã Tân Hương đến hết Trạm Y tế xã Tân Hương	2.500
3	Từ giáp Trạm Y tế xã Tân Hương đến UBND xã Tân Hương	3.000
	Trục phụ	
1	Từ Trạm Y tế xã đến hết Trường Tiểu học và Trung học cơ sở, xã Tân Hương	2.000
2	Từ UBND xã + 100m đến đất nhà ông Việt xóm Hương Đình 2	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Từ đất nhà ông Phúc, xóm Tân Long 3 đến đất nhà ông Cường, xóm Tân Trung	2.000
4	Từ đất nhà ông Cường, xóm Tân Trung đi Cẩm Na đến giáp đất xã Đông Cao	1.200
5	Từ đất nhà ông Phúc, xóm Tân Long 3 đến hết đất nhà ông Hào, xóm Đông	1.500
XX	ĐƯỜNG TRẦN KHÁNH DU' (Từ Quốc lộ 3 (Km40+100) đến cầu Bến Vạn, xã Nam Tiến)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến nghè ông Đại	1.500
2	Từ nghè ông Đại đến cầu Bến Vạn, xã Nam Tiến	800
XXI	MỘT SỐ ĐƯỜNG THUỘC PHƯỜNG ĐỒNG TIẾN	
1	Từ nút giao Yên Bình (đường gom) đến Nhà máy Samsung	4.000
2	Từ đường gom (nhà máy SamSung) qua cổng số 6 Sam Sung đến đường 47m	10.000
3	Từ Cầu Máng, tổ dân phố Vinh Xương đến đất ở nhà ông Tấn, tổ dân phố Vinh Xương	2.000
4	Từ nhà ông My, tổ dân phố Vinh Xương qua nhà ông Hải đến đường Gom	2.000
5	Từ nhà ông Sơn, tổ dân phố Vườn Dẫy đến ngã ba nhà bà Sâm, tổ dân phố Vườn Dẫy	1.500
6	Từ nhà ông Thoan, tổ dân phố Tân Hoa đến ngã ba Trạm điện Thanh Xuân	1.500
7	Từ nhà ông Huyền (Sơn), tổ dân phố Hoàng Thanh qua ngã ba Trạm điện Thanh Xuân đến đường 47m	2.000
8	Từ nhà ông Nhất qua Nhà Văn hóa tổ dân phố Tân Hoa cũ, đến khu tái định cư Tân Hoa	1.500
9	Từ nhà bà Huyền (Hung), ngã tư tổ dân phố Hoàng Vân qua nhà bà Phòng, tổ dân phố Hoàng Vân đến đường vành đai 5	1.000
10	Từ nhà ông Thuận, tổ dân phố Hoàng Vân đến đường vành đai 5	1.000
11	Từ nhà ông Cường, tổ dân phố Hoàng Thanh đến đường vành đai 5	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
12	Từ đường 47m đến nhà bà Huyền (Hung) ngã tư, tổ dân phố Hoàng Vân	2.500
13	Đoạn từ nhà ông Kế, tổ dân phố Hoàng Thanh đến nghĩa địa Đồng Sênh	
13.1	Từ nhà ông Kế tổ dân phố Hoàng Thanh đến ngã ba nhà ông Cường, tổ dân phố Hoàng Thanh	1.500
13.2	Từ ngã ba nhà ông Cường đến nghĩa địa Đồng Sênh	1.500
14	Từ nhà ông Lễ, tổ dân phố Hoàng Thanh đến nhà ông Ba (Đương), tổ dân phố Hoàng Thanh	800
15	Từ nhà ông Hương, tổ dân phố Hoàng Thanh đến nhà ông Ngọ (Lan), tổ dân phố Hoàng Thanh	1.000
16	Từ nhà bà Hoa (giáp đường sắt Hà - Thái) đến hết địa phận phường Đồng Tiến	2.000
17	Từ nhà ông Dũng, tổ dân phố Ga đến hết đất nhà ông Đức, tổ dân phố Ga	2.000
18	Từ nhà ông Tiến (Mười) tổ dân phố Ga đến đường sắt (nhà bà Nghi, tổ dân phố Đại Phong, phường Ba Hàng)	2.000
19	Từ nhà bà Trai, tổ dân phố Áp Bắc qua trạm bảo vệ Thực Vật đến đường vào Z131	2.500
20	Từ nhà ông Lập (Lê), tổ dân phố Áp Bắc đến nhà bà Hằng (Thăng)	2.500
21	Từ nhà bà Hằng (Thăng) đến nhà ông Lê (giáp đất Tân Hương)	2.500
22	Từ nhà bà Thúy qua nhà ông Thành đến nhà bà Hằng (Thăng)	1.600
23	Từ nhà ông Việt tổ dân phố Nam qua nhà ông Minh đến hết nhà ông Tiến tổ dân phố Áp Bắc	1.000
24	Từ nhà ông Cường (Lượng), tổ dân phố Nam qua nhà ông Hiếu đến nhà ông Thức, tổ dân phố Nam	800
25	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Đính Mầu) đến Nhà khách Z131	
25.1	Từ nhà ông Chiến (Chát) đến hết nhà ông Sơn, tổ dân phố Đình	2.000
25.2	Từ nhà ông Hợp (Đồ) qua nhà ông Tân đến ngã tư nhà ông Thơ (Sách)	2.000
25.3	Từ ngã ba nhà ông Tân đến nhà ông Liêm	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
25.4	Từ nhà ông Long (Vận) qua ngã tư nhà Thơ (Sách) đến nhà bà Lơ (Thu)	2.000
25.5	Từ ngã tư nhà Thơ (Sách) đến hết nhà ông Hành, tổ dân phố Giữa	2.000
25.6	Từ cổng chui đường cao tốc qua đình làng Thanh Quang đến ngã ba nhà ông Hạnh, tổ dân phố Chiến Thắng	2.500
25.7	Từ cổng chính Z131 đến hết Nhà Văn hóa tổ dân phố Chiến Thắng	3.000
25.8	Từ Nhà Văn hóa tổ dân phố Chiến Thắng đến hết nhà ông Dũng (Loan)	2.000
25.9	Từ Nhà Văn hóa tổ dân phố Chiến Thắng qua nhà ông Bộ đến ngã ba nhà ông Hạnh	2.000
25.10	Từ ngã ba nhà ông Hạnh đến chân Cầu Máng	1.800
25.11	Từ nhà bà Tiên, tổ dân phố Giữa đến hết khu tái định cư Chiến Thắng	1.800
25.12	Từ nhà ông Phụng, tổ dân phố Giữa đến nhà ông Xuân, tổ dân phố Giữa	2.000
25.13	Từ nhà bà Oanh (Khánh) chân cầu vượt đến hết nhà bà Chi, tổ dân phố Giữa	2.500
26	Từ đường đi Tiên Phong (ngã ba C203) đến Xưởng vật liệu nổ Z131	
26.1	Từ nhà ông Hào (Xuyên), tổ dân phố Tân Thành đến đường 47m	2.000
26.2	Từ nhà bà Khoa đến đập tràn Bình Tiến	2.000
26.3	Ngã ba nhà ông Vy, tổ dân phố Tân Thành đến nhà ông Dụng (Du)	800
26.4	Từ nhà ông Giang, tổ dân phố Tân Thành đến nhà bà Huyền (Hưng), ngã tư tổ dân phố Hoàng Vân	1.500
26.5	Từ ngã ba từ nhà ông Việt (Đạo) qua nhà ông Tiên, tổ dân phố Tân Thành đến đường 47m	2.000
26.6	Từ nhà ông Thuận, tổ dân phố Vườn Dẫy đến ngã tư nhà bà Sâm, tổ dân phố Vườn Dẫy	2.000
26.7	Từ ngã tư nhà bà Sâm, tổ dân phố Vườn Dẫy đến đường 47m	2.000
26.8	Từ nhà ông Hành, tổ dân phố Vườn Dẫy qua nhà ông Vui đến khu tái định cư Thanh Xuân	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
26.9	Từ nhà ông Uyên, tổ dân phố Con Trê đến hết đất Đồng Tiến	2.000
26.10	Từ nhà ông Uyên, tổ dân phố Con Trê qua nhà ông Thái đến hết đất nhà ông Ước, tổ dân phố Con Trê	1.500
26.11	Từ nhà bà Sừ, tổ dân phố Con Trê qua nhà ông Thê đến hết đất nhà ông My	1.500
XXII	TỈNH LỘ 261 THỊ XÃ PHỔ YÊN ĐI HUYỆN PHÚ BÌNH (Từ Cầu Rẽ đến hết đất thị xã Phổ Yên)	
1	Từ Cầu Rẽ đến đường rẽ Cống Thượng	4.000
2	Từ đường rẽ cống Thượng đến kênh giữa Núi Cốc	2.500
3	Từ kênh giữa Núi Cốc đến hết đất thị xã Phổ Yên, giáp đất huyện Phú Bình	2.000
	Trục phụ	
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ Tỉnh lộ 261 đến Tỉnh lộ 266	4.000
2	Ngã ba cống chui nhà ông Đình đi theo đường gom Quốc lộ 3 mới đến hết đất phường Bãi Bông, giáp phường Đồng Tiến (đường gom Quốc lộ 3 mới)	600
3	Đường 47m (đoạn từ Tỉnh lộ 261 đến Khu xử lý nước thải Yên Bình)	3.000
4	Đi xóm Cống Thượng đến đường 47m	800
5	Từ đường 47m đi xóm Liên Minh đến Hồ xóm Liên Minh	600
6	Đi Nhà Văn hóa xóm Hanh, đến nhà ông Dũng xóm Hanh	700
7	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Huân đến nhà ông Thông xóm Hanh	600
8	Từ Tỉnh lộ 261, đối diện đường 47m đến nhà ông Tiến, xóm Hanh	700
9	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Hiền (Liên) đến nhà bà Khang, xóm Hanh	700
10	Từ Tỉnh lộ 261, nhà ông Thắng (Duyên) đến nhà bà Huỳnh, xóm Hắng	800
11	Từ nhà bà Huỳnh qua nhà ông Đông xóm Hắng đến đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	700
12	Từ nhà bà Huỳnh, xóm Hắng qua nhà ông Minh Huệ đến giáp đất khu công nghiệp Diềm Thụy	700

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
XXIII	TỈNH LỘ 261 ĐI PHÚC THUẬN VÀ ĐI ĐẠI TỪ (Từ Cầu Đầm đến hết đất thị xã Phổ Yên)	
1	Từ Cầu Đầm đến đến cách UBND xã Minh Đức 150m	1.000
2	Từ cách UBND xã Minh Đức 150m đến qua UBND xã Minh Đức 150m	2.300
3	Từ qua UBND xã Minh Đức 150m đến hết địa phận xã Minh Đức	1.300
4	Từ giáp địa phận xã Minh Đức đến hết Hạng giao thông số 5	2.000
5	Từ Hạng giao thông số 5 đến cách chợ Bắc Sơn 50m	3.000
6	Từ cách chợ Bắc Sơn 50m đến qua chợ Bắc Sơn 50m	4.000
7	Từ qua chợ Bắc Sơn 50m đến qua đường rẽ UBND phường Bắc Sơn 300m	2.700
8	Từ qua đường rẽ UBND phường Bắc Sơn 300m đến cách chợ Phúc Thuận 50m	2.500
9	Từ cách chợ Phúc Thuận 50m đến qua chợ Phúc Thuận 50m	3.000
10	Từ qua chợ Phúc Thuận 50m đến qua cây đa Bến Đông 200m	2.500
11	Từ qua cây đa Bến Đông 200m đến cầu số 1	1.500
12	Từ cầu số 1 đến ngã ba đi xóm Quân Xóm	1.000
13	Từ ngã ba đi xóm Quân Xóm đến ngã ba rẽ Trường THCS Phúc Thuận	2.000
14	Từ ngã ba rẽ Trường Trung học cơ sở Phúc Thuận đến hết đất xã Phúc Thuận	1.000
	Trục phụ	
1	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi xóm Nhe, xã Thành Công	
1.1	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi tổ dân phố 3, phường Bắc Sơn, vào 500m	3.000
1.2	Từ qua Trung tâm Thương nghiệp 500m đến đập tràn Bến Cao	800
1.3	Từ đập tràn Bến Cao đến nhà ông Hoàng Văn Công xóm Nhe, xã Thành Công	600
2	Từ Trung tâm Thương nghiệp đến hết Trường THPT Bắc Sơn	2.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Từ ngã ba UBND phường Bắc Sơn đến Trạm biến thế Công ty Chè Bắc Sơn	1.500
4	Từ ngã ba chợ Phúc Thuận đi xóm Quân Cay, vào 400m	1.000
5	Từ Ngã ba chợ Phúc Thuận đi xóm Chăng, vào 400m	1.000
6	Đường rẽ đi Phúc Tân qua đập tràn đến hết địa phận Phúc Tân (tuyến đường WB3)	
6.1	Từ đường rẽ đi Phúc Tân đến đập tràn	1.000
6.2	Từ đập tràn đến hết đất Trường Tiểu học Phúc Thuận 2	700
6.3	Từ Trường tiểu học Phúc Thuận 2 đến hết đất xã Phúc Thuận	600
6.4	Từ giáp đất xã Phúc Thuận đến cách UBND xã Phúc Tân 500m	530
6.5	Từ cách UBND xã Phúc Tân 500m đến qua UBND xã Phúc Tân 500m	550
6.6	Từ qua UBND xã Phúc Tân 500m đến giáp đất xã Tân Cương	530
7	Ngã tư Đức Phú đi đèo Nhỡn	
7.1	Từ ngã tư Đức Phú đến đập tràn Trung Năng	1.000
7.2	Từ đập tràn Trung Năng đến đèo Nhỡn	700
8	Từ Tỉnh lộ 261 đi Đàm Ban, vào 200m	550
9	Từ Tỉnh lộ 261 đi đèo Vua Bà, vào 400m	550
10	Ngã ba Tỉnh lộ 261 đi Trường THCS Phúc Thuận, vào 200m	600
XXIV	TỈNH LỘ 266 ĐI HUYỆN PHÚ BÌNH (Từ ngã tư khu công nghiệp Sông Công I đến giáp đất huyện Phú Bình)	
1	Toàn tuyến	5.000
	Trục phụ	
1	Tỉnh lộ 266 qua khu tái định cư xóm Mãn Chiêm đến đất nhà ông Sáu	1.000
2	Từ đất nhà ông Sáu qua Nhà Văn hóa xóm Mãn Chiêm đến công chui đường cao tốc	600
3	Từ đất nhà ông Sáu đến đất nhà ông Khương xóm Mãn Chiêm	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
XXV	QUỐC LỘ 3 ĐI TIÊN PHONG (Từ ngã ba Kho dự trữ C203 đến bến đò Thù Lâm)	
1	Từ ngã ba Kho dự trữ C203 + 200m	5.000
2	Từ qua ngã ba Kho dự trữ C203 200m đến ngã tư nút giao nhau với đường vành đai 5	4.000
3	Từ ngã tư nút giao nhau với đường vành đai 5 đến ngã ba Cao Vương	3.000
4	Từ ngã ba Cao Vương đến giáp đất Tiên Phong	2.000
5	Từ cầu Tiên Phong đến hết đất nhà ông Hà Trọng Đại	1.200
6	Từ giáp đất nhà ông Hà Trọng Đại qua chợ Cầu Gò đến hết đất nhà ông Đào Văn Tiến	1.500
7	Từ giáp đất nhà ông Đào Văn Tiến đến qua ngã tư Nguyễn Hậu 100m	1.000
8	Từ qua ngã tư Nguyễn Hậu 100m đến bến đò Thù Lâm	800
	Trục phụ	
1	Từ đường đi Tiên Phong (ngã ba C203) đến đập tràn An Bình	
1.1	Từ ngã ba C203 vào 100m	3.500
1.2	Từ ngã ba C203 + 100m đến đập tràn An Bình	3.000
2	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Quán) đến nhà ông Năng, xóm Tân Long 2	1.000
3	Từ đường đi Tiên Phong (ngã ba Cao Vương) đến Km0 đê Chã	2.000
4	Từ biển di tích lịch sử bà Lưu Thị Phận Cổ Pháp - Hào Sơn đến giếng làng Yên Trung	700
5	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Văn Bình - Đại Tân đến đập tràn Bình Tiến	600
6	Từ đường đi Tiên Phong (trạm điện Trung Quân) qua ngã năm Giã Thù đến ngã năm Cầu Gò	700
7	Từ đường đi Tiên Phong đi thôn Giã Trung	
7.1	Từ đường đi Tiên Phong + 100m	1.000
7.2	Sau 100m đến hết đất nhà ông Dương Văn Huy, thôn Giã Trung	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
8	Từ ngã năm Cầu Gô + 100m qua đình Xuân Trù đến đình Thù Lâm	600
9	Từ hồ Giã Trung đến ngã ba xóm Đồng Thượng	600
10	Từ đường đi Tiên Phong (ngã ba nhà ông Đào Văn Tiến) đến chân đê Yên Trung (cổng Bò Đái)	
10.1	Từ đường đi Tiên Phong (ngã ba nhà ông Đào Văn Tiến) đến hết Trường Tiểu học Tiên Phong 2	1.000
10.2	Từ giáp Trường Tiểu học Tiên Phong 2 đến chân đê Yên Trung (cổng Bò Đái)	800
11	Từ ngã tư Nguyễn Hậu + 100m đến đình làng Nguyễn Hậu	600
12	Từ Trường Tiểu học Tiên Phong 2 đến trạm điện Hảo Sơn	600
XXVI	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 (Địa phận Phở Yên, đường 37m)	
1	Toàn tuyến	4.000
XXVII	CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ	
1	Khu tái định cư xóm Xây, xã Thuận Thành	
1.1	Lô 1 tiếp giáp tuyến từ Quốc lộ 3 đến đường sắt Hà Thái (đường rộng 7,5m)	2.000
1.2	Các đường quy hoạch còn lại	1.000
2	Khu tái định cư xóm Đình, xã Tân Phú (đường rộng 7,5m)	550
3	Khu tái định cư xóm Yên Gia, xã Tân Phú (đường rộng 7,5m)	550
4	Khu tái định cư xóm Trại, xã Tân Phú (đường rộng 7,5m)	550
5	Khu tái định cư xóm Tân Long 1, xóm Tân Long 2 xã Tân Hương (đường rộng 7,5m)	1.000
6	Khu tái định cư xóm Sứ, xóm Ao Đình xã Tân Hương (đường rộng 7,5m)	2.000
7	Khu dân cư tập trung xóm Sơn Trung, phường Bắc Sơn (đường rộng 3,5m - 5,0m)	800
8	Khu tái định cư khối Đồng Tâm, phường Bãi Bông (đường 7,5m)	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
9	Khu tái định cư tổ dân phố An Bình, tổ dân phố Thái Bình, phường Đồng Tiến (đường rộng 7,5m)	5.000
10	Khu tái định cư xã Nam Tiến (đường rộng 7,5m)	2.800
11	Khu tái định cư xã Hồng Tiến (khu tái định cư khu công nghiệp Yên Bình, đường rộng 7m)	2.500
12	Khu Tái định cư Chiến Thắng, phường Đồng Tiến (đường 7,5m)	1.800
13	Khu Tái định cư Thanh Xuân, phường Đồng Tiến (đường 7,5m)	4.000
14	Khu tái định cư Công Vỡ, phường Đồng Tiến (đường rộng 7,5m)	4.000
15	Khu tái định cư Tân Hoa, phường Đồng Tiến (đường rộng 7,5m)	3.000
16	Khu tái định cư Thanh Hoa, phường Đồng Tiến (đường 7,5m)	5.000
17	Khu dân cư Tân Đại Việt, phường Đồng Tiến (đường rộng 7,5m)	4.000
18	Khu tái định cư Bờ Hội, xã Thuận Thành (đường rộng 7,5m)	4.000
19	Khu tái định cư Phù Lôi, xã Thuận Thành (đường rộng 7,5m)	1.000
20	Khu tái định cư xóm Hắng, xã Hồng Tiến (đường rộng 7,5m)	2.000
21	Khu dân cư Phú Đại Cát	3.000
22	Khu Tái định cư Hồng Tiến 2 (đường rộng 7m)	700
23	Khu Tái định cư xóm Mãn Chiêm (đường rộng 7m)	1.000
24	Khu dân cư Hồng Diện (trừ các lô bóm Tỉnh lộ 261) (đường 7,5m)	2.000
25	Khu dân cư Tân Trung, xã Đắc Sơn (đường rộng 5,5m)	1.200
26	Khu dân cư Tân Tiến, xã Tân Hương (đường rộng 7,5m)	3.000

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các phường: Ba Hàng, Bãi Bông, Đồng Tiến, Bắc Sơn	550	520	490	460

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	500	470	440	410
Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận, Thành Công, Phúc Tân	470	440	410	380
Xã Vạn Phái	440	410	380	350

Phụ lục số 05**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN PHÚ BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
I	TRỤC QUỐC LỘ 37	
1	Từ giáp đất huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang đến cách ngã tư Cầu Ca 200m	3.500
2	Từ cách ngã tư Cầu Ca 200m đến qua ngã tư Cầu Ca 500m	5.000
3	Từ qua ngã tư Cầu Ca 500m đến cầu Chợ Đồn	3.000
4	Từ cầu Chợ Đồn đến hết đất xã Kha Sơn (giáp đất thị trấn Hương Sơn)	4.500
5	Từ giáp đất xã Kha Sơn đến cách đất Công an huyện 200m	6.000
6	Từ cách đất Công an huyện 200m đến hết đất Công an huyện	8.000
7	Từ giáp đất Công an huyện đến giáp đất Ngân hàng Chính sách xã hội	12.000
8	Từ đất Ngân hàng Chính sách xã hội đến qua ngã tư cầu Bằng chợ Úc Sơn 300m hướng đi Thái Nguyên	15.000
9	Từ qua ngã tư cầu Bằng chợ Úc Sơn 300m đến qua đất Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m	11.000
10	Từ qua đất Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đến hết đất thị trấn Hương Sơn (giáp đất xã Xuân Phương)	8.000
11	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đến công 5 cửa	7.000
12	Từ công 5 cửa đến Cầu Mây (hết địa phận xã Xuân Phương)	9.000
13	Từ Cầu Mây + 200m đi Thái Nguyên	4.500
14	Từ qua Cầu Mây 200m đến ngã ba đường rẽ vào xóm Chiễn 1	3.500
15	Từ ngã ba đường rẽ xóm Chiễn 1 đến ngã ba đường rẽ vào xóm Soi 1	4.000
16	Từ ngã ba đường rẽ xóm Soi 1 đến kênh qua đường rẽ vào xóm Đô	5.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
17	Từ giáp kênh qua đường rẽ vào xóm Đô đến đường rẽ xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy	4.000
18	Từ đường rẽ xóm Thuận Pháp đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Diềm Thụy	6.000
19	Từ đường rẽ vào Trường Tiểu học Diềm Thụy đến Cầu Hanh	5.000
20	Từ Cầu Hanh đến giáp đất xã Thượng Đình (hết đất xã Diềm Thụy)	4.000
21	Từ giáp đất xã Diềm Thụy đến qua đường rẽ UBND xã Thượng Đình 100m	3.000
22	Từ qua đường rẽ UBND xã Thượng Đình 100m đến đường rẽ Trường Tiểu học xã Thượng Đình	2.500
23	Từ đường rẽ Trường Tiểu học xã Thượng Đình đến qua Trường Quân sự Quân khu I 100m	3.000
24	Từ qua Trường Quân sự Quân khu I 100m đến hết đất xã Thượng Đình (giáp đất thành phố Sông Công)	2.800
II	THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN	
1	Từ Quốc lộ 37 (Công ty xô số Thái Nguyên) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	5.000
2	Từ Quốc lộ 37 (đường vào Huyện ủy) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	5.000
3	Từ Quốc lộ 37 (Bưu điện) đến hết đất Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình	5.000
4	Từ Quốc lộ 37 (Viện Kiểm sát cũ) đến gặp đường từ Trạm thuế cũ đi ngã ba cầu Vườn Nhanh	5.000
5	Từ Quốc lộ 37 (hiệu thuốc Phú Bình) đi tổ dân phố Hòa Bình	
5.1	Từ Quốc lộ 37 đi đường mới Khu dân cư số 1 đến sông Đào	6.000
5.2	Từ Quốc lộ 37 + 100m đi công làng tổ dân phố Hòa Bình	3.500
5.3	Từ Quốc lộ 37 + 100m đến ngã 3 tổ dân phố Hòa Bình (nhà ông Liệu)	2.500
6	Từ Quốc lộ 37 đi Trường Trung học cơ sở thị trấn Hương Sơn (đường đi tổ dân phố La Sơn) đến cầu Vườn Nhanh	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
6.1	Từ Quốc lộ 37 vào 80 m	3.000
6.2	Từ qua 80 m đến ngã tư vào đình La Sơn	2.500
6.3	Từ cầu Vườn Nhanh (sau UBND huyện) đến ngã tư Đình, Chùa La Sơn	3.000
7	Từ Quốc lộ 37 đi tổ dân phố Thom	
7.1	Từ Quốc lộ 37 đến giáp đất Sân vận động	3.000
7.2	Từ đất Sân vận động đến ngã ba đi tổ dân phố Thom	2.000
8	Từ Quốc lộ 37 đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	
8.1	Từ Quốc lộ 37 đi Ban Chỉ huy quân sự huyện, vào 30m	5.000
8.2	Từ qua 30m đến đất Ban Chỉ huy quân sự	4.000
9	Từ cầu Bằng đi xuôi sông Đào đi cầu Thùng - Lương Phú (qua UBND thị trấn Hương Sơn)	
9.1	Từ ngã tư Hương Sơn (cầu Bằng) đi xuôi sông Đào đến cầu Vòng cũ	7.000
9.2	Từ cầu Vòng cũ đến hết đất UBND thị trấn Hương Sơn	5.000
9.3	Từ hết đất UBND thị trấn Hương Sơn đến hết đất thị trấn Hương Sơn	2.500
10	Từ cầu Vòng cũ đi tổ dân phố Hòa Bình	
10.1	Từ cầu Vòng cũ đến gặp đường nội thị khu dân cư số 1, thị trấn Hương Sơn	3.000
10.2	Đoạn còn lại đến ngã 3 tổ dân phố Hòa Bình	2.500
11	Từ cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ), đi ngược dòng chảy đến hết đất thị trấn Hương Sơn	
11.1	Từ đầu cầu Bằng Úc Sơn (+) 300m	4.000
11.2	Từ qua cầu Bằng Úc Sơn 300m đến 500m	3.000
11.3	Từ qua cầu Bằng Úc Sơn 500m đến cách cầu Đoàn Kết 100m	1.500
11.4	Từ cách cầu Đoàn Kết 100m đến qua cầu Đoàn Kết 100m	2.300
11.5	Từ qua cầu Đoàn Kết 100m đến hết đất thị trấn Hương Sơn	1.000
12	Từ cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) đi xuôi dòng chảy	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
12.1	Từ cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) đi xuôi đến cầu Úc Sơn 2	3.000
12.2	Từ cầu Úc Sơn 2 đến hết khu dân cư số 2 thị trấn Hương Sơn	2.500
12.3	Từ hết đất khu dân cư số 2, thị trấn Hương Sơn đến đường vào trạm bơm Đình Xước	2.500
12.4	Từ đường rẽ vào trạm bơm Đình Xước đến cầu Mỹ Sơn	600
13	Từ cầu Bằng Úc Sơn đi xã Tân Thành (đường tỉnh lộ 269B)	
13.1	Từ cầu Bằng Úc Sơn (+)100m	8.000
13.2	Từ qua cầu Bằng Úc Sơn 100m đến 400m	6.000
13.3	Từ qua cầu Bằng Úc Sơn 400m đến 600m	4.500
13.4	Từ qua cầu Bằng Úc Sơn 600m đến 1.000m	4.000
13.5	Đoạn còn lại từ qua cầu Bằng Úc Sơn 1.000m đến hết đất thị trấn (giáp đất xã Tân Hòa)	2.500
14	Từ ngã ba Đình, Chùa La Sơn đi xã Xuân Phương đến hết đất thị trấn Hương Sơn	1.000
15	Vị trí đất phía sau giáp đất chợ Úc Sơn từ phía Đông đến phía Bắc chợ (phía Đông giáp bờ sông, phía Bắc cách đường đi xã Tân Thành 20m)	2.000
16	Đường vào Khu xử lý rác thải thị trấn Hương Sơn	
16.1	Từ đường Úc Sơn - Tân Thành (+) 200m	2.500
16.2	Qua 200m đến ngã ba Đình Úc Sơn	1.500
16.3	Từ ngã ba Đình Úc Sơn đến ngã ba Đoàn Kết	600
17	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trường Mầm non Cụm trung tâm thị trấn Hương Sơn	2.500
18	Từ Quốc lộ 37 đi qua Đình Làng Cả đến cống Dọc	
18.1	Từ Quốc lộ 37 đến kênh N2	2.500
18.2	Từ kênh N2 đến ngã tư cống Quán	1.500
18.3	Từ ngã tư cống Quán đến cống Dọc	1.000
18.4	Từ cống Dọc đến giáp đất xã Xuân Phương	700
19	Từ Quốc lộ 37 (Cầu Gò) đi ngã ba Bãi Đình	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
19.1	Từ Quốc lộ 37 (Cầu Gô) đến ngã tư công Quán	2.500
19.2	Đoạn còn lại đến ngã ba Bãi Đình	1.500
20	Từ Quốc lộ 37 đi đến ao Ngàn (tổ 2)	1.500
21	Từ Quốc lộ 37 đi đến hết đất Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề huyện Phú Bình	2.500
22	Từ Quốc lộ 37 đi vào Khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình đến hết đất thị trấn Hương Sơn	4.500
23	Từ cầu Đoàn Kết đến ngã ba đường đi bãi rác (Quyết Tiến II)	
23.1	Từ cầu Đoàn Kết + 100m vào tổ dân phố Đoàn Kết	2.000
23.2	Từ qua cầu Đoàn Kết 100m vào đến đất Nhà Văn hóa tổ dân phố Đoàn Kết	1.500
23.3	Từ đất Nhà Văn hóa Đoàn Kết đến ngã ba đường đi bãi rác (Quyết Tiến II)	800
24	Từ Quốc lộ 37 đến hết đường tổ dân phố Thơm	600
III	XÃ KHA SƠN	
1	Ngã tư Cầu Ca đi xã Hà Châu	
1.1	Ngã tư Cầu Ca (+) 150m	4.000
1.2	Từ ngã tư Cầu Ca (+) 150m đến 300m	3.000
1.3	Đoạn còn lại đến hết đất xã Kha Sơn	2.000
2	Từ ngã tư Cầu Ca đi xã Thanh Ninh	
2.1	Từ ngã tư Cầu Ca đến Cầu Ca	4.000
2.2	Từ Cầu Ca đến ngã ba xóm Hòa Bình	3.500
2.3	Đoạn còn lại đi xã Thanh Ninh đến hết đất xã Kha Sơn	3.000
3	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn đi xã Lương Phú	
3.1	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m	2.500
3.2	Đoạn còn lại đến hết đất xã Kha Sơn	1.500
4	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m đi vào Chợ Đồn	3.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5	Đường từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đến ngã ba đường xóm Tân Thành đi tổ dân phố Nguyễn (nằm trong dân cư và khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình, điểm công nghiệp Kha Sơn)	
5.1	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn vào đến ngã ba đầu tiên (thuộc địa phận đất xã Kha Sơn)	4.000
5.2	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất khu tái định cư nhà máy may TNG Phú Bình	3.500
5.3	Đoạn còn lại đến ngã ba đường xóm Tân Thành đi tổ dân phố Nguyễn	3.000
IV	XÃ DƯƠNG THÀNH	
1	Từ Cầu Đất (+) 200m đi Bưu điện văn hóa xã Dương Thành	1.500
2	Từ Bưu điện văn hóa xã (+) 300m đi xã Thanh Ninh	1.700
3	Từ Bưu điện văn hóa xã đến kênh 4, đường Cầu Ca - Lữ Vân (Tỉnh lộ 261C)	1.500
4	Từ giáp địa giới xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (+) 300m đi xã Thanh Ninh (Tỉnh lộ 261C)	1.500
5	Các đoạn còn lại của đường Cầu Ca - Lữ Vân (Tỉnh lộ 261C)	1.100
6	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã Dương Thành đến cống Phẩm	
6.1	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã (+) 100m đến kênh 4	1.000
6.2	Đoạn còn lại đến cống Phẩm	800
7	Đường WB3 thuộc địa phận xã Dương Thành	
7.1	Từ giáp đất xã Thanh Ninh (+) 700m đi máng Cộc	1.000
7.2	Từ giáp đất xã Thanh Ninh + 700m đến cống Sấm	1.100
7.3	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi máng Cộc	800
7.4	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi cống Sấm	1.000
7.5	Các đoạn còn lại của đường WB3	700
8	Từ Tỉnh lộ 261C đi vào xóm Ngụen 300m	700
9	Từ Tỉnh lộ 261C đi núi Ba đến hết đất nhà bà Thao	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
10	Từ Tỉnh lộ 261C đi đến hết đất Nhà Văn hóa xóm Núi 2	800
V	XÃ LƯƠNG PHÚ	
1	Từ cầu Thanh Lang đi 2 phía	
1.1	Từ cầu Thanh Lang đi xã Tân Đức đến hết đất xã Lương Phú	1.800
1.2	Từ cầu Thanh Lang đi đến Cầu Thủng	1.800
1.3	Từ Cầu Thủng đi thị trấn Hương Sơn đến hết đất xã Lương Phú	1.500
2	Từ cầu Lang Tạ đi xã Kha Sơn đến hết địa phận xã Lương Phú	2.000
3	Từ cầu Lang Tạ đi xã Tân Đức (qua ngã ba đường vào xóm Phú Hương)	
3.1	Từ cầu Lang Tạ đến cầu Phú Mỹ	2.000
3.2	Từ cầu Phú Mỹ đi xã Tân Đức đến ngã ba xóm Lương	1.500
4	Từ cầu Lang Tạ đi ngược sông Đào lên Cầu Thủng	
4.1	Từ cầu Lang Tạ đến ngã ba đường rẽ xóm Chiềng	1.500
4.2	Từ ngã ba đường rẽ xóm Chiềng đến Cầu Thủng	1.000
5	Từ cầu Lang Tạ đi xóm Việt Ninh (theo bờ đê) đến hết đất xã Lương Phú	1.500
6	Từ ngã tư Trạm Y tế xã Lương Phú đi xóm Mảng đến bờ sông Đào	
6.1	Từ ngã tư Trạm y tế xã Lương Phú đến đất nhà ông Bình	1.500
6.2	Từ đất nhà ông Bình đến hết đất nhà ông Mạnh xóm Lân	800
6.3	Đoạn còn lại từ hết đất nhà ông Mạnh xóm Lân đến bờ sông Đào	1.000
7	Từ cổng làng Chiềng đến ngã tư xóm Chiềng	650
8	Từ đất nhà ông Cường xóm Lương Trình đến Nhà Văn hóa xóm Lương Trình	650
9	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Lương Phú đi ngã tư xóm Phú Hương	650
10	Từ ngã ba đường rẽ vào nhà ông Thăng xóm Lương Tạ 1 đến hết đất nhà ông Thử xóm Lương Thái	650
VI	XÃ ÚC KỲ	
	Tỉnh lộ 266:	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1	Từ giáp đất xã Diềm Thụy đến hết đất xã Úc Kỳ (Tỉnh lộ 266)	1.000
2	Từ Quốc lộ 37 đi đường liên xã Úc Kỳ từ giáp đất xã Nhã Lộng đến qua Nhà Văn hóa xóm Trại 200m	2.000
3	Từ cầu Úc Kỳ qua trụ sở UBND xã Úc Kỳ đến Tỉnh lộ 266	2.000
4	Từ Trường Mầm non xóm Làng, Tân Lập đến hết đất nhà bà Kim Gia	2.000
5	Từ ngã ba nhà bà Kim Gia đến cầu Úc Kỳ	1.500
6	Từ ngã ba cạnh UBND xã (điểm rẽ xóm Tân Sơn) đến ngã ba rẽ vào xóm Tân Sơn	1.500
VII	XÃ NGA MY	
1	Tỉnh lộ 266	
1.1	Từ giáp đất xã Úc Kỳ qua Chợ Quán Chè đến cột không chế đê	2.000
1.2	Từ cột không chế đê đến hết đất xã Nga My	1.300
2	Từ ngã ba đường Tỉnh lộ 266 qua Cầu Mới đi ngã ba Kho Quán, ngược đi xã Úc Kỳ đến hết địa phận xã Nga My	800
3	Từ ngã ba chợ Quán Chè đến hết đất trụ sở mới của UBND xã Nga My	1.000
4	Từ Nhà Văn hóa xóm Kén đến bậc nước Phú Xuân	800
5	Từ bậc nước Phú Xuân đi ngã ba vườn Ươm đến Nhà Văn hóa xóm Làng Nội	600
6	Từ ngã ba vườn Ươm đi ngã ba Tam Xuân xuôi xóm Đồng Hòa đến hết địa phận xã Nga My	600
7	Từ ngã ba Trạm Y tế đi xóm An Châu đến đường rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Thái Hòa	600
8	Từ điểm cầu đi làng Nội đến Nhà Văn hóa xóm Làng Nội	600
9	Từ ngã ba giáp đất nhà ông Thêm đi Con Chê đến hết địa phận xã Nga My	600
VIII	XÃ HÀ CHÂU	
1	Đê Hà Châu	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.1	Từ giáp đất xã Nga My đến hết đất ông Mai (thửa đất số 35 tờ 10, bản đồ địa chính số 10 xã Hà Châu)	900
1.2	Từ đất ông Bé (thửa đất số 76, tờ bản đồ địa chính số 10, xã Hà Châu - ngã ba vào xóm Ngòi) đến Kè số 1 xã Hà Châu	1.600
1.3	Từ Kè số 1 đến Hạt quản lý đê	1.300
1.4	Từ Hạt quản lý đê đến hết đất xã Hà Châu (giáp đất Phở Yên)	1.100
2	Từ đóc vào UBND xã đến ngã tư xóm Hương Chúc rẽ phải, rẽ trái 50m	1.000
3	Từ đóc đê Hà Trạch đến đất Nhà Văn hóa xóm Chùa Gia	600
4	Từ đóc Chợ Đòn đến đất Nhà Văn hóa xóm Sau	600
5	Từ đất nhà bà Đông xóm Ngòi đến hết đất nhà ông Quân xóm Đắc Trung	600
6	Từ đất nhà ông Ước xóm Trung đến hết đất nhà ông Thi xóm Đắc Trung	600
IX	XÃ TÂN HÒA	
1	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Thanh Lương, đi xóm Ngò, đi xóm Trụ Sở và đi xóm Hân	
1.1	Từ ngã tư Trung tâm đi Thanh Lương đến cầu Thanh Lang	
1.1.1	Từ ngã tư Trung tâm xã đến hết Trường Tiểu học xã Tân Hòa	1.500
1.1.2	Từ hết đất Trường Tiểu học xã Tân Hòa đến ngã 3 ông Thân	600
1.1.3	Từ ngã 3 ông Thân đến cầu Thanh Lang	1.200
1.2	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Ngò, xóm U đến gặp đường tỉnh 269B	
1.2.1	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Ngò đến cầu xóm Ngò	800
1.2.2	Từ cầu xóm Ngò đi xóm U đến gặp đường tỉnh 269B	600
1.3	Từ ngã tư trung tâm đi xã Tân Thành	
1.3.1	Từ ngã tư Trung tâm xã (+) 550m đi xóm Trụ Sở	1.000
1.3.2	Qua ngã tư Trung tâm xã 550m đi trụ sở đến đất nhà ông Khánh	700
1.3.3	Từ đất nhà ông Khánh đến ngã tư xóm Trụ Sở	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.3.4	Từ ngã tư xóm Trụ Sở (+) 200m đi xã Tân Thành	700
1.3.5	Đoạn còn lại đến hết đất xã Tân Hòa	500
1.4	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Hân đi xã Tân Đức đến cầu Bọm	
1.4.1	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xã Tân Đức đến ngã tư xóm Hân	800
1.4.2	Từ Ngã tư xóm Hân đi xã Tân Đức đến Cầu Bọm	600
2	Tỉnh lộ 269b từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đi xã Tân Thành	
2.1	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đi xã Tân Thành + 200m	1.500
2.2	Từ ngã ba xóm U + 300m đi thị trấn Hương Sơn và đi xã Tân Thành	1.500
2.3	Các đoạn còn lại	1.000
3	Từ ngã ba ông Thân đi xóm Hân đến ngã ba đi xã Tân Đức	500
4	Từ ngã tư xóm Trụ sở đi xóm Vo xã Tân Thành đến hết đất xã Tân Hòa	500
X	XÃ TÂN THÀNH	
1	Từ cầu ông Tanh qua UBND xã đến cầu Suối Giữa (đường tỉnh lộ 269b)	2.500
2	Từ cầu ông Tanh đi huyện Phú Bình qua ngã tư La Lẻ 100m (đường tỉnh lộ 269b)	1.500
3	Từ cầu Suối Giữa (+) 400m đi xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ (đường tỉnh lộ 269b)	1.200
4	Từ ngã ba Trung tâm xã (+) 300m đi xóm Đồng Bón	800
5	Từ ngã tư La Lẻ (+) 100m đi xóm Vo	600
6	Từ ngã tư La Lẻ đến bờ đập Kim Đĩnh	600
7	Từ Trạm điện cầu Muối (+300m) đi vào xã Hợp Tiến	600
8	Từ ngã ba Na Bì (+) 300m đi vào đình Na Bì	1.000
9	Từ trạm điện cầu Muối đến Trạm điện đồng Bầu 2 (200m)	600
XI	XÃ TÂN KIM	
1	Từ giáp UBND xã (+) 300m đi xã Tân Khánh	900

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ cách UBND xã 300m đi xã Tân Khánh đến hết địa phận xã Tân Kim	700
3	Từ giáp UBND xã đến đường rẽ Bệnh viện Phong	1.100
4	Từ đường rẽ Bệnh viện Phong đi cầu Mây đến hết đất xã Tân Kim	1.000
5	Từ ngã 3 xóm Mỏn Hạ đến ngã tư Kim Đĩnh	700
6	Từ ngã tư Kim Đĩnh đi 3 hướng đến ngã ba xóm Bạch Thạch; đến trại giống; đến hồ sinh thái	600
7	Từ đất UBND xã đến qua đất Trường Tiểu học 50m	1.000
8	Từ qua đất Trường Tiểu học 50m đến dốc gènh làng Châu	700
9	Từ dốc gènh làng Châu đi Đèo Khê hết đất xã Tân Kim	600
10	Từ qua Trường Tiểu học 50m đến trạm điện La Dao	600
XII	XÃ TÂN KHÁNH	
1	Từ ngã ba Trung Tâm đi xã Bảo Lý đến đường rẽ vào xóm Kim Bảng	2.000
2	Từ đường rẽ xóm Kim Bảng đến cầu Đồng Tiến	1.500
3	Từ ngã ba xóm Đồng Tiến đi xã Tân Kim, đi xã Bảo Lý (hết địa phận xã Tân Khánh), đi đến cầu Đồng Tiến	600
4	Từ ngã ba Trung Tâm đi đến Trường Trung học cơ sở Tân Khánh	2.000
5	Từ Trường Trung học cơ sở Tân Khánh đến ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng	800
6	Từ ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng đến hết đất nhà ông Nghĩa	600
7	Từ ngã ba trung tâm đi ngã ba đường rẽ xóm La Tú	
7.1	Từ ngã ba Trung Tâm đi xóm La Tú đến đường rẽ vào cổng chợ	2.000
7.2	Từ đường rẽ vào cổng chợ đến ngã ba đường rẽ xóm La Tú (đường từ ngã ba Trung tâm xã đi La Tú)	1.500
8	Từ ngã ba đường rẽ Trạm Y tế xã (+) 80m đi Trạm Y tế xã	1.500
9	Từ ngã ba La Tú đi Trại Cau đến hết đất nhà bà Phong (hết thửa đất số 447, tờ bản đồ địa chính số 21 xã Tân Khánh)	800
10	Từ ngã ba Làng Cà đến cụm mầm non xóm Cà	500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
11	Từ nhà Huy Đào đến đường rẽ vào nhà ông Hưng xóm Na Ri	600
12	Từ đất nhà ông Nam xóm Cầu Ngâm đến hết đất nhà ông Quyền xóm Na Ri	600
XIII	XÃ TÂN ĐỨC	
1	Từ đầu cầu Bằng đi ngược, xuôi 100m hai bờ sông Đào	1.800
2	Từ cổng chính của chợ (+) 200m đi xóm Diễn	2.000
3	Từ cổng chính của chợ đi xóm Ngoài	
3.1	Từ cổng chính của chợ (+) 200m	1.800
3.2	Cách cổng chính chợ 200m đến 300m	1.200
4	Từ cổng chính chợ đến đầu cầu Bằng	1.500
5	Từ ngã ba xóm Ngoài đi Nhà Văn hóa xóm Ngọc Lý	
5.1	Từ ngã ba xóm Ngoài (+) 200m	800
5.2	Từ qua 200m đến Nhà Văn hóa xóm Ngọc Lý	600
6	Từ cách đầu cầu Bằng 100m đi Lữ Vân, đi xã Lương Phú đến hết đất xã Tân Đức	1.000
7	Từ ngã ba Nhà Văn hóa xóm Quấn đi xã Tân Hòa; đi xóm Viên; đi xã Tiến Thắng (huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang)	
7.1	Từ ngã ba Nhà Văn hóa xóm Quấn (+) 200m đi các phía trên	600
7.2	Từ cách ngã ba Nhà Văn hóa xóm Quấn 200m đi xã Tân Hòa, đi xóm Viên, đi xã Tiến Thắng (Yên Thế, Bắc Giang)	550
8	Từ ngã ba xóm Ngọc Lý đi đến Nhà Văn hóa xóm Tân Ngọc	550
9	Từ đầu cầu vòng đi xóm Lệnh, đi xóm Quại đến giáp đất xã Thanh Ninh	800
10	Từ cầu Vòng đi ngã ba xóm Diễn, đi xã Tân Hòa, đi ngã ba xóm Diễn (nhà ông Trường Thịnh)	600
11	Từ cổng Chợ Gì đi Lữ Vân, từ cầu Vòng đi xã Lương Phú đến hết đất xã Tân Đức	600
12	Từ cầu Lũa đi ngã ba xóm Ngò Thái	550
13	Từ đất nhà ông Đăng đi ngã ba xóm Diễn (đết đất nhà ông Trường Thịnh)	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
XIV	XÃ XUÂN PHƯƠNG	
1	Từ đất Trường Trung học cơ sở xã Xuân Phương đến cống Na Oan	2.500
2	Từ đất Trường Trung học cơ sở xã Xuân Phương đi cầu Cống	2.000
3	Từ ngã ba UBND xã đến chợ Đình	2.000
4	Từ cống Na Oan đến gặp Quốc lộ 37	
4.1	Từ cống Na Oan đến cống Ao Phán đường rẽ xóm Tân Sơn 8	2.500
4.2	Từ cống Ao Phán đường rẽ vào xóm Tân Sơn 8 đến Quốc Lộ 37	3.000
5	Từ cầu Bằng gốc đa đi xã Tân Kim hết đất xã Xuân Phương	
5.1	Từ cầu Bằng gốc đa đến cầu Núi Cao	2.000
5.2	Từ cầu Núi Cao đi hết địa phận xã Xuân Phương	1.500
6	Từ ngã ba Quốc lộ 37 (Nhà Lan - Mạnh) đi Bảo Lý đến hết đất xã Xuân Phương	4.500
7	Từ Cầu Cống đi dốc Mái Trai đến hết đất Xuân Phương	1.000
8	Từ ngã ba Lò Mằm đi thị trấn Hương Sơn đến hết đất xã Xuân Phương	1.000
9	Từ gốc đa cầu Mây đi bên phà cầu Mây cũ	2.000
XV	XÃ NHÃ LỘNG	
1	Đất phía sau giáp đất chợ Cầu	1.000
2	Từ Quốc lộ 37 (đi qua Nhà Thờ) đến ngã ba xóm Náng, xóm Xúm	1.000
3	Từ ngã tư đằm Từ đi qua Trạm Y tế đến hết đất Chợ Cầu	1.000
4	Từ Quốc lộ 37 rẽ đến ngã ba xóm Chiễn 2	700
5	Từ Quốc lộ 37 rẽ xóm Soi 2 đến ngã ba (hết đất nhà ông Vị)	800
6	Từ Quốc lộ 37 rẽ xóm Soi 1 đến ngã ba (hết đất nhà bà Lục)	800
7	Đường liên xã Diềm Thụy - Úc Kỳ: Từ Cầu Đá đến giáp đất xã Diềm Thụy	1.000
8	Từ Quốc lộ 37 đi đường liên xã Úc Kỳ đến hết đất xã Nhã Lộng	3.000
9	Từ Quốc lộ 37 rẽ vào đến Cầu Na Mĩ	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
10	Từ Quốc lộ 37 rẽ đến ngã ba Nhà Văn hóa xóm Hanh Nón	1.000
XVI	XÃ ĐIỀM THỤY	
	Tỉnh lộ 266 (từ giáp đất Phổ Yên đến ngã ba núi Căng)	
1	Từ giáp đất Phổ Yên đến cầu Kênh	5.000
2	Từ cầu Kênh đến ngã tư Điềm Thụy	6.000
3	Từ ngã tư Điềm Thụy đến gặp Tỉnh lộ 261C (ngã ba núi cặng)	4.000
4	Từ ngã ba núi Căng đến hết đất xã Điềm Thụy	3.000
	Trục phụ	
1	Đường liên xã Điềm Thụy - Úc Kỳ: Từ Tỉnh lộ 266 đi Trường Mầm non Điềm Thụy đến giáp đất Nhã Lộng	2.000
2	Tỉnh lộ 266 rẽ đến hết đất Nhà Văn hóa xóm Ngọc Sơn	1.500
3	Tỉnh lộ 266 rẽ đến hết đất Nhà Văn hóa xóm Trung	1.000
4	Tỉnh lộ 266 rẽ đến hết đất Nhà Văn hóa xóm Trạng	2.000
	Các đường khác	
1	Từ Quốc lộ 37 đi qua Trường Tiểu học xã Điềm Thụy đến gặp Tỉnh lộ 266	
1.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trường Tiểu học xã Điềm Thụy	3.000
1.2	Đoạn còn lại	2.000
2	Từ Quốc lộ 37 (Chợ Hanh) rẽ đến Nhà Văn hóa xóm Trạng	1.500
3	Tỉnh lộ 261C: Từ ngã ba Núi Căng đi Phổ Yên đến hết đất Điềm Thụy	2.000
4	Đường rẽ từ khu công nghiệp Điềm Thụy đến hết đất Nhà Văn hóa xóm Bình 1	1.000
5	Từ Cầu Kênh xóm Bình 1 + 300 m hướng đi xóm Bình 2	1.000
6	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư khu công nghiệp Điềm Thụy (phần 180 ha)	2.000
7	Các đường quy hoạch trong khu dân cư và Chợ phổ thương mại	5.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
XVII	XÃ THƯỢNG ĐÌNH	
1	Từ Quốc lộ 37 qua UBND xã Thượng Đình đến bờ kênh xóm Đông Yên	1.000
2	Từ cổng Trường Tiểu học xã Thượng Đình (+) 150m đi hai phía	1.000
3	Từ cổng số 2 Trường Quân sự Quân Khu I đi Quốc lộ 3	
3.1	Từ cổng số 2, Trường Quân sự Quân Khu I + 300m	800
3.2	Từ sau 300m đến hết đất xã Thượng Đình	600
XVIII	XÃ BẢO LÝ	
1	Từ đất Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp (+) 200m đi UBND xã Bảo Lý	2.000
2	Từ cầu Vạn Giã (+) 200m đi ngược UBND xã Bảo Lý; từ cầu Vạn Giã (+) 200m đi xuôi cầu Mây	1.200
3	Từ cầu Bằng Bảo Lý đi xuôi 200m; đi ngược xã Đào Xá 300m	2.000
4	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến ngã ba xóm Thượng	2.000
5	Từ ngã ba phố Quyên đi ngược xã Tân Khánh 200m, đi xuôi UBND xã Bảo Lý 200m	1.000
6	Từ cầu Cỏ Dạ đi xuôi UBND xã 300m, đi ngược xã Đào Xá 300m	1.200
7	Từ Cầu Vạn Giã đi ngược, đi xuôi vào cơ sở tư vấn cai nghiện tự nguyện 100m	600
8	Từ Cầu cũ Bảo Lý đến nhà ông Chính xóm Thượng	1.000
9	Từ Cầu Bằng Bảo Lý mới đi xóm Đại Lễ 200m	1.000
10	Từ Cầu Bằng Bảo Lý đi ngược đến giáp đất nhà ông Lợi Suốt xóm Cầu Gõ	1.200
11	Từ Cầu Bằng Bảo Lý đi xuôi cống ngầm giáp đất ông Tây Giang Cầu Gõ	1.200
12	Từ Cầu Cỏ Dạ đi ngược, đi xuôi đi, đi xóm Hóa 100m	800
XIX	XÃ ĐÀO XÁ	
1	Đường bờ đê sông Đào (cầu Mây - Đồng Liên, địa phận xã Đào Xá)	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.1	Từ ngã ba kè Lũ Yên đi xuôi, đi ngược 200m	3.000
1.2	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi xuôi xã Bảo Lý đến 800m	2.000
1.3	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi ngược dòng chảy đến 300m	1.500
1.4	Từ đầu cầu Vòng xóm Dẫy đi ngược, đi xuôi sông 200m	800
1.5	Các đoạn còn lại thuộc xã Đào Xá	600
1.6	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 1000m đi xuôi đến cầu Cứng, xóm Đoàn Kết	800
1.7	Ngõ rẽ đi vào đường trụ sở mới UBND xã Đào Xá đến sân bóng xã Đào Xá	600
2	Từ đầu kè Lũ Yên đi xã Bàn Đạt đến ngã ba đường đi xã Tân Khánh	800
XX	XÃ THANH NINH	
1	Tỉnh lộ 261C	
1.1	Từ UBND xã đi Cầu Ca đến hết địa phận xã Thanh Ninh	3.500
1.2	Từ UBND xã đến hết đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Thanh Ninh	3.000
1.3	Từ hết đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Thanh Ninh đến giáp đất xã Dương Thành	2.000
2	Tỉnh lộ 261D (xã Thanh Ninh - xã Lương Phú)	
2.1	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong (+) 100m	2.000
2.2	Từ cách ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong 100m đến 300m	1.500
2.3	Đoạn còn lại đi xã Lương Phú	800
3	Tỉnh lộ 269D (xã Thanh Ninh - xã Dương Thành)	
3.1	Từ đất UBND xã Thanh Ninh (+) 100m	1.800
3.2	Từ qua UBND xã Thanh Ninh 100m đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình	1.000
3.3	Từ ngã ba rẽ xóm Hòa Bình đến giáp đất xã Dương Thành	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
4	Đường liên xã Thanh Ninh - Tân Đức	
4.1	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m hướng đi xã Tân Đức	1.000
4.2	Từ qua ngã ba xóm Nam Hương 200m đến giáp đất xã Tân Đức	800
4.3	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m hướng đi cầu Đất	1.000
4.4	Cách ngã ba xóm Nam Hương 200m đi đến cầu Đất	800
5	Đường liên xã Kha Sơn - Thanh Ninh - Hoàng Thanh	
5.1	Từ giáp đất Kha Sơn đến hết đất Đình Phao Thanh	800
5.2	Từ hết đất Đình Phao Thanh đến giáp đất Tân Định	700
6	Từ trạm biến áp trung tâm đến hết đất Trường Mầm non xã Thanh Ninh	1.500
7	Đường liên xóm trong xã	
7.1	Đoạn từ ngã ba Nam Hương đến đất nhà ông Lâm xóm Đồng Phú	700
7.2	Đoạn từ ngã ba nhà ông Mai đi Phú Thanh 300m	800
7.3	Các đoạn đường liên xóm còn lại trên địa bàn xã	600
XXI	XÃ BÀN ĐẠT	
1	Từ đất UBND xã Bàn Đạt đi xuôi xóm Bàn Đạt 200m	800
2	Từ qua đất UBND xã 200m đến cầu Cuồng, xóm Tân Minh	500
3	Từ đất UBND xã đến ngã ba Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng	700
4	Từ cầu Trắng (+) 200m đi xóm Đồng Vỹ	700
5	Từ cách cầu Trắng 200m đến Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng, đi xóm Việt Long	450
6	Từ đất Trạm Y tế xã đi Tân Lợi + 300m	700
7	Từ đường tàu xóm Việt Long đi Đồng Liên 300m	500
8	Từ đường tàu xóm Diềm Long đi Đồng Liên đến hết đất xã Bàn Đạt	500

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Hương Sơn	550	500	450	400

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Bảo Lý, Đào Xá, Diềm Thụy, Dương Thành, Hà Châu, Kha Sơn, Lương Phú, Nga My, Nhã Lộ, Thanh Ninh, Thượng Đình, Úc Kỳ, Xuân Phương, xã Tân Đức	500	450	400	350
Xã Tân Khánh	430	380	330	280
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hòa, Tân kim, Tân Thành	400	350	300	250

Phụ lục số 06**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN ĐỒNG HỖ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
A	TRỤC QUỐC LỘ 1B	
1	Từ giáp đất xã Cao Ngạn đến cách ngã ba xã Hóa Thượng 200m	3.000
2	Từ cách ngã ba xã Hóa Thượng 200m đến công La Gianh	4.000
3	Từ công La Gianh đến Km7 + 150m	3.000
4	Từ Km7 + 150m đến Km8	1.800
5	Từ Km8 đến qua công UBND xã Hóa Trung 100m	1.500
6	Từ qua công UBND xã Hóa Trung 100m đến Km9 + 500m	1.000
7	Từ Km9 + 500m đến qua đường rẽ thị trấn Sông Cầu 100m	1.500
8	Từ qua đường rẽ thị trấn Sông Cầu 100m đến Km12+ 300m	1.200
9	Từ Km12 + 300m đến Km13	1.700
10	Từ Km13 đến cầu Đồng Thu	2.200
11	Từ cầu Đồng Thu đến công Trung tâm Dạy nghề Trại Phú Sơn 4	1.700
12	Từ công Trung tâm Dạy nghề Trại Phú Sơn 4 đến hết đất xã Quang Sơn	1.000
B	QUỐC LỘ 1B CŨ	
1	Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên (gần Trạm vật tư Nông nghiệp) đến đường rẽ vào Bộ Tư lệnh Quân khu I	6.000
2	Từ đường rẽ vào Bộ Tư lệnh Quân khu I đến đường rẽ vào Lữ đoàn 575	5.000
3	Từ đường rẽ vào Lữ đoàn 575 đến ngã ba xã Hóa Thượng	4.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
C	QUỐC LỘ 17	
1	Từ Cầu Đỏ đến hết đất kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm	4.500
2	Từ hết đất kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm đến cầu Linh Nham	3.500
3	Từ Cầu ngòi Chẹo đến đường rẽ Trạm Y tế xã Nam Hòa	2.000
4	Từ đường rẽ Trạm Y tế xã Nam Hòa đến cách cổng Chợ Nam Hòa 200m	3.000
5	Từ cách cổng Chợ Nam Hòa 200m đến qua cổng Chợ Nam Hòa 200m	3.500
6	Từ qua cổng Chợ Nam Hòa 200m đến cầu Thác Lạc	2.000
7	Từ cầu Thác Lạc đến đường tàu quặng	2.500
8	Từ đường tàu quặng đến ngã ba Bách Hóa	4.500
9	Từ ngã ba Bách Hóa đến cầu Đọi Chờ	3.000
10	Từ cầu Đọi Chờ đến đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi	1.500
11	Từ đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi đến cầu Đã	1.000
12	Từ cầu Đã đến cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m	800
13	Từ cách UBND xã Hợp Tiến 500m đến qua UBND xã Hợp tiến 500m	1.000
14	Từ qua UBND xã Hợp Tiến 500m đi Bắc Giang đến hết đất xã Hợp Tiến	800
D	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CÒN LẠI CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN	
I	XÃ HÓA THƯỢNG	
1	Trụ phụ Quốc lộ 1B	
1.1	Các nhánh rẽ từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn từ đường rẽ đối diện cổng Trường Trung học phổ thông đến đường rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Hưng Thái), đường bê tông hoặc nhựa $\geq 2,5m$	1.500
1.2	Đường rẽ Quốc lộ 1B cũ ngõ rẽ cạnh Huyện đội (địa phận xã Hóa Thượng)	1.300

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.3	Từ Quốc lộ 1B cũ đi qua Nhà Văn hóa xóm Hưng Thái đến ngã tư giáp đất phường Chùa Hang	
1.3.1	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Nhà Văn hóa xóm Hưng Thái	1.500
1.3.2	Từ Nhà Văn hóa xóm Hưng Thái đến ngã tư giáp đất chùa Hang	1.100
1.4	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Trường Mầm Non Quân khu I	
1.4.1	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Trạm 88 cũ	2.000
1.4.2	Từ Trạm 88 cũ đến Trường Mầm non Quân khu I	1.300
1.5	Quốc lộ 1B cũ đến ngã 3 (đường giáp nhà ông Hoàng Sính)	1.700
1.6	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Bệnh xá 43 (đường giáp Xí nghiệp may 20)	1.700
1.7	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 400m) đi vào Núi Kháo	1.300
1.8	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 500m) đi vào Đồi Pháo cũ	1.300
1.9	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 600m) đi vào Núi Cái	1.300
1.10	Quốc lộ 1B cũ đến cổng chính Bộ Tư lệnh Quân khu I	2.500
1.11	Đường rẽ từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng Quân khu I (đường vào cổng cũ Quân khu I)	1.500
1.12	Ngõ rẽ từ Km4+800 đi vào xóm Đồng Thái (đoạn giáp Trường Trung học cơ sở Hóa Thượng): Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m	1.300
1.13	Từ Quốc lộ 1B cũ (Km4 + 900m) vào 200m đi xóm Đồng Thái (đoạn giáp Trường Trung học cơ sở xã Hóa Thượng đến đường vào Lữ đoàn 575)	1.300
1.14	Từ Quốc lộ 1B cũ đi Lữ đoàn 575 (hết địa đất xã Hóa Thượng)	1.500
1.15	Từ Quốc lộ 1B cũ rẽ ngõ đi Trạm nước sạch: Vào 200m	1.300
1.16	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Lò vôi Nha Trang	1.500
1.17	Từ Quốc lộ 1B cũ đến đồi chùa và đến hết dốc nhà ông Thiêm	1.500
2	Trục phụ Quốc lộ 17	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2.1	Từ Quốc lộ 17 đi xóm Ấp Thái (đường vào nhà ông Luật) đến hết xóm Ấp Thái	
2.1.1	Từ Quốc lộ 17 vào 200m	1.700
2.1.2	Từ qua 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	1.300
2.2	Từ Quốc lộ 17 vào 200m (đi nhà thờ họ đạo Ấp Thái)	1.400
2.3	Từ Quốc lộ 17 đi hết đất xóm Ấp Thái (rẽ cạnh kiôt xăng)	
2.3.1	Từ Quốc lộ 17 vào 200m	1.400
2.3.2	Từ qua 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	1.200
2.4	Từ Quốc lộ 17 đến giáp đất đất Vườn ươm của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (đồi bệnh viện cũ)	1.500
2.5	Từ Quốc lộ 17 đi đến hết xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hòa)	
2.5.1	Từ Quốc lộ 17 vào 200m	1.300
2.5.2	Từ qua 200m đến hết đất xóm Tân Thái	1.000
2.6	Từ Quốc lộ 17 đi khu dân cư xóm Tân Thái 200m (đối diện đường rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Tân Thái)	1.300
2.7	Từ Quốc lộ 17 đến cổng trại chăn nuôi Tân Thái	1.300
2.8	Các ngõ rẽ còn lại từ Quốc lộ 1B mới vào 200m (thuộc đoạn từ ngã ba Hóa Thượng đến cầu Cao Ngạn), đường bê tông $\geq 3m$	1.200
3	Đường từ đường 359 cũ đi qua Nhà Văn hóa xóm Luông đến đất Ban Chỉ huy Quân sự huyện trong Khu hành chính mới	700
4	Từ ngã ba Km7, Quốc lộ 1B đi Lữ đoàn 601 - Góc Vôi	
4.1	Từ ngã ba Km7, Quốc lộ 1B đến ngã tư Gò Cao (rẽ đi Minh Lập)	1.500
4.2	Từ ngã tư Gò Cao đi Góc Vôi (hết địa phận xã Hóa Thượng)	1.000
5	Các tuyến rẽ từ ngã ba Km7, Quốc lộ 1B đi Góc vôi	
5.1	Từ ngã ba đường đi Hòa Bình đi Cầu Mơn (đường ĐT 273)	
5.1.1	Từ ngã ba (đường đi Hòa Bình) vào 200m	1.500
5.1.2	Từ qua ngã ba (đường đi Hòa Bình) 200m đến đỉnh dốc Văn Hữu	1.100

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5.1.3	Từ đỉnh dốc Văn Hữu đến Cầu Môn	1.000
5.2	Từ ngã tư Gò Cao đi Minh Lập (hết địa phận xã Hóa Thượng)	
5.2.1	Từ ngã tư Gò Cao vào 200m	1.000
5.2.2	Từ qua ngã tư Gò Cao 200m đến hết địa phận xã Hóa Thượng	800
6	Các tuyến đường trong khu quy hoạch Quân khu I	
6.1	Khu Trạm phòng dịch E 651; Khu Xí nghiệp may 20 (khu trong tuyến giáp đường nhà ông Hoàng Sính)	1.500
6.2	Khu Công ty Việt Bắc cũ	800
6.3	Khu Cục Hậu Cần; Khu Cổng gác số 3 (cạnh quy hoạch khu dân cư số 5 Hưng Thái)	1.000
7	Đường tránh Chùa Hang (Quốc lộ 1B nối Quốc lộ 17)	
7.1	Từ Quốc lộ 1B cũ rẽ vào 150m	3.300
7.2	Từ qua 150m đến cách Quốc lộ 17	3.000
7.3	Các đường bê tông rẽ từ đường tránh Chùa Hang (Quốc lộ 1B nối Quốc lộ 17): Vào 200m	1.200
8	Từ ngã tư xóm Việt Cường đến ngã 3 Nhà Văn hóa xóm Sông Cầu 3	
8.1	Từ ngã tư xóm Việt Cường vào 100m	1.000
8.2	Từ qua ngã tư xóm Việt Cường 100m đến ngã 3 Nhà Văn hóa xóm Sông Cầu 3	800
9	Từ Trường Mầm non số 2 Hóa Thượng đến gặp ngõ rẽ cạnh Ban Chỉ huy Quân sự huyện (địa phận xã Hóa Thượng)	1.000
10	Từ Lò vôi Nha Trang đến đường rẽ Bộ Tư lệnh Quân khu	1.000
11	Các đường quy hoạch thuộc khu dân cư số 3, số 4, Hóa Thượng	1.500
12	Các đường quy hoạch khu dân cư Hồng Thái (không gồm đường tránh Chùa Hang từ Quốc lộ 1B sang Quốc lộ 17)	2.500
13	Các đường quy hoạch khu tái định cư khu Hành chính huyện Đồng Hỷ	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
14	Các đường quy hoạch trong khu dân cư xã Hóa Thượng (Dốc Đỏ) không bám Quốc lộ 1B	1.200
15	Các đường rẽ còn lại từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng chính Quân khu I vào 200m (đường bê tông $\geq 2,5$ m)	1.200
II	XÃ HÓA TRUNG	
1	Đường rẽ từ Quốc lộ 1B đi trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu (địa phận xã Hóa Trung)	1.300
2	Đường rẽ từ Quốc lộ 1B (giáp đất xã Hóa Thượng) đến cổng Lữ đoàn 575	1.200
3	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 1B vào 200m: Đoạn từ Km7 đến cổng UBND xã Hóa Trung	
3.1	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5$ m	1.000
3.2	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng ≥ 3 m	800
4	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 1B vào 200m: Đoạn từ cổng UBND xã Hóa Trung đến Km12	
4.1	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5$ m	800
4.2	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng ≥ 3 m	600
III	XÃ QUANG SƠN	
1	Từ Quốc lộ 1B đi xã Tân Long đến hết địa phận xã Quang Sơn	500
2	Từ Quốc lộ 1B qua UBND xã Quang Sơn đến Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	1.800
3	Từ Quốc lộ 1B vào xóm Đồng Thu I đến cổng Trường Tiểu học Quang Sơn	500
4	Từ Quốc lộ 1B vào xóm Viên Ván đi Mỏ đá La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	500
5	Đường nhựa từ đường 135 xóm Na Oai đi đến Trường Tiểu học xã Quang Sơn	500
6	Từ đường nhựa xóm Na Oai đi Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
7	Từ Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn đến cổng Trường Tiểu học xã Quang Sơn	500
8	Từ đường nhựa xóm Xuân Quang I vào xóm Na Lay đi xã Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	300
9	Đường từ xóm Viên Ván vào xóm Đồng Chuồng đi xã La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	300
IV	THỊ TRẤN SÔNG CẦU	
1	Từ Quốc lộ 1B, giáp đất xã Hóa Trung đến đảo tròn thị trấn Sông Cầu	1.500
2	Từ đảo tròn thị trấn Sông Cầu đến bình phong xóm Liên Cơ đi xóm 9	1.500
3	Từ đảo tròn thị trấn Sông Cầu đến hết đường nhựa xóm 5	
3.1	Từ ngã tư đảo tròn thị trấn Sông Cầu vào 200m	1.500
3.2	Từ qua đảo tròn thị trấn Sông Cầu 200m đến chân đồi Cây Trám, xóm Tân Tiến	1.200
3.3	Từ chân đồi Cây Trám, xóm Tân Tiến đến hết đường nhựa xóm 5	800
4	Từ đảo tròn thị trấn Sông Cầu đến cổng Trung tâm Văn hóa thể thao thị trấn Sông Cầu	
4.1	Từ đảo tròn thị trấn Sông Cầu vào 200m	1.500
4.2	Từ qua đảo tròn thị trấn Sông Cầu 200m đến cổng Trung tâm Văn hóa thể thao thị trấn	1.200
5	Từ bình phong xóm Liên cơ đi xóm 4 đến Quốc lộ 1B	1.000
6	Từ bình phong xóm Liên cơ đến cầu treo xóm 7	600
6.1	Từ bình phong xóm Liên cơ đến đỉnh dốc đồi Cây Giang	600
6.2	Từ đỉnh dốc đồi Cây Giang đến cầu treo xóm 7	500
7	Từ bình phong xóm 4 đi xóm La Mao đến ngã ba xóm 9	500
8	Từ ngã ba Trạm Y tế đến Trạm bơm	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
9	Từ ngã ba Trạm Y tế đến cổng Trường Trung học cơ sở thị trấn Sông Cầu	700
10	Các tuyến đường rẽ bê tông, nhựa từ đường chính vào 300m có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	500
11	Các đường bê tông, nhựa còn lại mặt đường rộng $\geq 2,5m$	400
V	XÃ NAM HÒA	
1	Từ Quốc lộ 17 đi xã Huống Thượng (hết địa phận xã Nam Hòa)	800
2	Từ Quốc lộ 17 đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Nam Hòa)	800
3	Các đường rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m, đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	500
4	Các đường rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m đường đất có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	300
VI	THỊ TRẤN TRẠI CAU	
1	Từ Quốc lộ 17 vào đến cổng UBND xã Tân Lợi	600
2	Từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau	2.000
3	Từ ga 48 đến ngầm xã Cây Thị	500
4	Từ cổng Mỏ sắt Trại Cau đến Nhà Văn hóa tổ 7, tổ 8	800
4.1	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 4) có mặt đường bê tông hoặc nhựa rộng $\geq 2,5m$	500
4.2	Các nhánh rẽ còn lại (thuộc đoạn 4)	400
5	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m (đường nội thị Trại Cau): Từ cầu Thác Lạc đến đầu đường nội thị Trại Cau	
5.1	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	500
5.2	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	400
5.3	Từ Quốc lộ 17 (rẽ cạnh Trạm Y tế) vào 200m	600
6	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m (đường nội thị Trại Cau): Từ đầu đường nội thị Trại Cau đến cầu Đợi Chờ	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
6.1	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	800
6.2	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	600
7	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m (đường nội thị Trại Cau): Từ cầu Đợi Chờ đến Cầu Đã	
7.1	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	500
7.2	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	400
8	Các tuyến đường rẽ trên đoạn đường từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau vào 200m	
8.1	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	500
8.2	Các tuyến đường còn lại	400
9	Đường tránh thị trấn Trại Cau	800
10	Các đường trong khu tái định cư Mỏ tầng sâu Núi Quặng	
10.1	Đường chính từ Quốc lộ 17 đi vào	1.000
10.2	Các nhánh rẽ từ đường chính	800
VII	XÃ TÂN LỢI	
1	Các tuyến rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m	
1.1	Đường bê tông hoặc nhựa mặt đường rộng $\geq 2,5m$	400
1.2	Đường chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,0m$)	300
2	Từ UBND xã Tân Lợi đi Phú Bình đến hết đất xã Tân Lợi	500
VIII	XÃ HỢP TIẾN	
1	Từ ngã ba Quốc lộ 17 đi qua Chợ Hợp Tiến 50m (hướng đi Tân Thành, Phú Bình)	1.000
2	Từ qua Chợ Hợp tiến 50m đi Tân Thành, Phú Bình đến hết đất Hợp Tiến	500
3	Từ ngã ba Chợ Hợp Tiến + 200m theo hướng đi Ga Hợp Tiến	1.000
4	Từ ngã ba Chợ Hợp Tiến + 200m đến Ga Hợp Tiến	500
5	Các nhánh rẽ từ Quốc lộ 17 vào 200m	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5.1	Đường bê tông hoặc nhựa mặt đường rộng $\geq 2,5m$	400
5.2	Đường chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,0m$)	300
IX	XÃ CÂY THỊ	
1	Từ giáp đất Trại Cau đến cổng UBND xã Cây Thị	500
2	Từ cổng UBND xã Cây Thị đến cổng Khe Tuyền I	400
3	Từ cổng Khe Tuyền I đến ngàm tràn đê Ông Thị	350
4	Từ ngàm tràn đê Ông Thị đến chân dốc Cổng Trời (đường đi xã Văn Hán)	300
5	Đường từ tổ 14, thị trấn Trại Cau đi xã Cây Thị (từ Km00 đường tránh thị trấn Trại Cau đến Km00+ 828,8m giao với đường đi xã Cây Thị)	800
X	XÃ HÒA BÌNH	
1	Cổng chợ Hòa Bình + 200m về ba phía	1.500
2	Từ cổng chợ Hòa Bình + 200m đến giáp đất xã Văn Lăng	500
3	Từ cổng chợ Hòa Bình + 200m đến giáp đất xã Tân Long	500
4	Từ cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Minh Lập	
4.1	Từ cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp cầu Phó Hích	1.200
4.2	Từ cầu phó Hích đến giáp đất xã Minh Lập	500
XI	XÃ MINH LẬP	
1	Từ cổng chợ Trại Cài + 200m về 2 phía	1.500
2	Từ ngã tư chợ Trại Cài + 200m đi ngã ba Cà Phê 2	1.000
3	Từ cách cổng chợ Trại Cài 200m đi Cầu Môn (đến hết đất xã Minh Lập)	700
4	Từ ngã tư chợ Trại Cài đi xã Hòa Bình (đến hết xã Minh Lập)	700
5	Từ cách ngã tư Chợ Trại Cài 200m đi cổng làng Cà Phê 2	700
6	Từ ngã ba Sông Cầu đến Nhà Văn hóa xóm Sông Cầu	400
7	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến bến đò Cà Phê 2 (Toàn Thắng)	400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
8	Từ Cổng làng Cà phê 2 đến cách ngã tư rẽ UBND xã Minh Lập 200m	600
9	Từ điểm đầu đường rẽ đi UBND xã Minh lập + 200m về 2 phía (Chợ Trại Cài và Tiểu đoàn 31)	1.000
10	Từ cách điểm đầu đường rẽ đi UBND xã Minh Lập 200m đến giáp đất xã Hóa Thượng	700
11	Từ đường Hóa Thượng - Hòa Bình rẽ đến Nhà Văn hóa xóm Hang Ne	400
12	Từ cổng UBND xã Minh Lập + 200m đi xóm Ao Sơn	400
13	Từ ngã ba xóm Na Ca đến ngã ba Trường Trung học cơ sở xã Minh Lập	500
14	Từ ngã ba gốc đa đi Tân Lập (hết đất xã Minh Lập)	500
15	Từ ngã ba xóm Đoàn Kết + 200m đi làng Chu, Theo Cày	400
16	Từ ngã ba xóm Cầu Mơn 2 + 200m đi La Đà	400
17	Từ ngàm Cà Phê vào 200m đi Đồng Sẻ	400
18	Từ ngã ba xóm Bà Đanh vào 200m đi xóm Bà Đanh 1+2	500
XII	XÃ KHE MO	
1	Đường từ cầu Linh Nham đi Văn Hán (Tỉnh lộ 269D)	
1.1	Từ cầu Linh Nham + 200m đi về phía Khe Mo	1.000
1.2	Từ qua cầu Linh Nham 200m đến cách UBND xã Khe Mo 200m	700
1.3	Cách UBND xã Khe Mo 200m đến qua ngã ba xã Khe Mo 200m (hướng đi xã Văn Hán)	1.000
1.4	Qua ngã ba xã Khe Mo 200 m đến hết đất xã Khe Mo (hướng đi xã Văn Hán)	600
2	Đường ngã ba xã Khe Mo đi Đèo Khế gặp Quốc lộ 1B	
1.1	Từ ngã ba Khe Mo đến qua Chợ Khe Mo 100m	1.000
1.2	Từ qua Chợ Khe Mo 100m đi Đèo Khế gặp Quốc lộ 1B (hết địa phận xã Khe Mo)	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Các đường liên xã	
3.1	Từ Tỉnh lộ 269D (ngã ba xóm Hải Hà) đi cầu sắt Hải Hà đến dốc 3 chân (La Nưa - La Dẫy)	400
3.2	Tuyến đường từ cổng Làng Cháy, xã Khe Kho đến giáp đất thị trấn Sông Cầu	400
3.3	Tuyến đường từ đường Tỉnh lộ 269D (Trạm biến áp 1) đi xóm La Nưa, La Dẫy đến giáp đất xã Nam Hòa	400
3.4	Tuyến đường từ Cầu Sắt đến ngã ba La Nưa	400
3.5	Tuyến đường xóm Tiên Phong - Khe Mo đi Sông Cầu	400
3.6	Từ đường nhựa ngã ba xóm Ao Rôm II đến D1 Lữ đoàn 575	400
XIII	XÃ VĂN HÁN	
1	Tuyến Khe Mo - Đèo Nhâu (tuyến Tỉnh lộ 269D)	
1.1	Từ giáp đất Khe Mo đến cách chợ Văn Hán 200m	500
1.2	Từ cách Chợ Văn Hán 200m đến qua UBND xã Văn Hán 100m	1.500
1.3	Từ qua UBND xã Văn Hán 100m đến đỉnh đèo Nhâu (hết đất xã Văn Hán)	400
2	Tuyến ngã ba Phả Lý đi đến hết xóm Thịnh Đức (đi xã Cây Thị)	
2.1	Ngã ba Phả Lý + 200m đi Thịnh Đức	1.000
2.2	Từ ngã ba Phả Lý + 200m đi Thịnh Đức đến hết đất Văn Hán	500
3	Tuyến ngã ba Vân Hòa đi xã Nam Hòa đến hết đất xã Văn Hán	500
4	Tuyến đường từ xóm Phả Lý xã Văn Hán đi xóm Thống Nhất xã Khe Mo (đến giáp đất xã Khe Mo)	400
XIV	XÃ VĂN LĂNG	
1	Từ giáp đất xã Hòa Bình đến hết xóm Liên Phương	
1.1	Từ giáp đất xã Hòa Bình đi cầu treo Văn Lăng	400
1.2	Từ cầu treo Văn Lăng đi đến ngã ba Văn Lăng	300

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.3	Ngã ba Văn Lãng đến qua UBND xã 200m	600
1.4	Từ qua UBND xã Văn Lãng 200m đến hết xóm Liên Phương	300
2	Đường ngã ba Văn Lãng đến giáp đất xã Phú Đô (Phú Lương)	
2.1	Ngã ba Văn Lãng đi hết đất Trường Trung học cơ sở Văn Lãng	500
2.2	Từ hết đất Trường Trung học cơ sở Văn Lãng đến giáp đất xã Phú Đô huyện Phú Lương	400
3	Từ ngã ba xóm Tân Thịnh đến hết xóm Dạt	300
XV	XÃ TÂN LONG	
1	Từ cổng UBND xã Tân Long đi 200m về hai phía	800
2	Từ cách cổng UBND xã Tân Long 200m về phía xã Hòa Bình và về phía xã Quang Sơn (địa phận xã Tân Long)	400
3	Từ ngã ba cầu tràn đến Đài tưởng niệm xã Tân Long	400
4	Từ Đài tưởng niệm xã Tân Long đến cầu tràn liên hợp, xóm Đồng Mây	300
5	Từ cầu tràn liên hợp, xóm Đồng Mây đến ngã ba Nhà Văn hóa xóm Làng Giếng	300
6	Từ ngã ba xóm Luông đi xã Quang Sơn đến hết đất xã Tân Long	400
7	Từ ngã ba Nhà Văn hóa xóm Làng Mới đến ngã ba Nhà Văn hóa xóm Ba Đình	300
8	Từ ngã ba cầu Tràn đến Nhà Văn hóa xóm Đồng Mẫu	300

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Sông Cầu, thị trấn Trại Cau	350	330	310	290

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Xã: Hóa Thượng	350	330	310	290
Các xã: Quang Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	240	220	200	180
Các xã: Văn Hán, Văn Lãng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	220	200	180	160

Phụ lục số 07**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN ĐẠI TỪ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
A	TRỤC QUỐC LỘ 37	
I	TRỤC CHÍNH TỪ GIÁP ĐẤT HUYỆN PHÚ LƯƠNG ĐẾN ĐÈO KHẾ GIÁP ĐẤT HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG	
1	Từ giáp đất huyện Phú Lương đến đường tàu (giáp Cầu Tây) xã Cù Vân	2.000
2	Từ đường tàu (giáp Cầu Tây) ngã ba đường Cù Vân - An Khánh	2.500
3	Từ ngã ba đường Cù Vân - An Khánh đến Cầu Rùm xã Cù Vân	3.500
4	Từ Cầu Rùm xã Cù Vân đến giáp đất kiốt xăng dầu số 58 xã Hà Thượng	3.000
5	Từ giáp đất kiốt xăng dầu số 58 xã Hà Thượng đến đường tàu cắt ngang xóm 11, xã Hà Thượng	5.500
6	Từ đường tàu cắt ngang xóm 11, xã Hà Thượng đến kiốt xăng dầu Dốc Đình thị trấn Hùng Sơn (Quốc lộ 37 cải dịch mới)	3.500
7	Từ kiốt xăng dầu dốc Đình đến cầu Đầm Phủ	4.500
8	Từ cầu Đầm Phủ đến đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	6.000
9	Từ đường rẽ vào Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Huy Ngạc	7.000
10	Từ đầu cầu Huy Ngạc đến đường rẽ xóm Táo thị trấn Hùng Sơn	8.900
11	Từ đường rẽ xóm Táo thị trấn Hùng Sơn đến cống Cầu Bò	9.500
12	Từ cống Cầu Bò đến đường rẽ vào xóm Trung Hòa	11.800
13	Từ đường rẽ vào xóm Trung Hòa đến đường rẽ vào Khu di tích 27/7	10.600
14	Từ đường rẽ vào Khu di tích 27/7 đến kiốt xăng dầu số 19	10.100
15	Từ kiốt xăng dầu số 19 đến đường rẽ vào Chi cục Thuế	8.900
16	Từ đường rẽ vào Chi cục Thuế đến Cầu Đen	8.400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
17	Từ Cầu Đen đến cầu Suối Long	5.600
18	Từ cầu Suối Long đến đường rẽ vào xã Hoàng Nông (đốc Đò)	5.000
19	Từ đường rẽ vào xã Hoàng Nông (đốc Đò) đến Cầu Điệp	4.500
20	Từ Cầu Điệp đến đến công tiêu Ba Giăng	3.500
21	Từ công tiêu Ba Giăng đến qua đường rẽ vào xã La Bằng 50m	3.000
22	Từ qua đường rẽ vào xã La Bằng 50m đến hết đất xã Bản Ngoại	2.500
23	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến cách ngã ba Khuôn Ngàn 150m (về phía xã Bản Ngoại)	2.000
24	Từ cách ngã ba Khuôn Ngàn 150m (về phía xã Bản Ngoại) đến qua đường tàu cắt ngang 100m	3.500
25	Từ qua đường tàu cắt ngang 100m đến đỉnh dốc Mon	2.000
26	Từ đỉnh dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng) đến qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m	3.500
27	Từ qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m đến Cầu Trà (hết đất xã Phú Xuyên)	3.000
28	Từ Cầu Trà đến Cầu Tây xã Yên Lãng	2.500
29	Từ Cầu Tây xã Yên Lãng đến ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc	3.000
30	Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc đến cổng Trường Tiểu học Yên Lãng 1	4.000
31	Từ cổng Trường Tiểu học Yên Lãng 1 đến qua kiốt xăng Yên Lãng 300m	2.500
32	Từ qua kiốt xăng Yên Lãng 300m đến hết đất xã Yên Lãng (giáp đất huyện Sơn Dương - Tuyên Quang)	1.000
II	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 37	
1	Từ Quốc lộ 37 đi vào xã An Khánh	
1.1	Từ Quốc lộ 37 đến cầu Suối Huyền (hết đất xã Cù Vân)	2.000
1.2	Từ cầu Suối Huyền (giáp đất xã Cù Vân) đến đường rẽ Trại giống lúa An Khánh	1.200
1.3	Từ đường rẽ Trại giống lúa An Khánh đến đường rẽ Trường Trung học cơ sở xã An Khánh	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.4	Từ ngã 3 làng Ngò xã An Khánh đến cầu Bà Yểng (hết đất xã An Khánh)	
1.4.1	Từ Trường Trung học cơ sở xã An Khánh đến cầu Xạc Bi	1.300
1.4.2	Từ cầu Xạc Bi đến ngã tư xóm Tân Tiến	1.500
1.4.3	Từ ngã tư xóm Tân Tiến đến cầu Bà Yểng (hết đất An Khánh)	1.500
1.5	Đường Cù Vân - An Khánh	
1.5.1	Từ ngã ba (Trung tâm giống thủy sản Thái Nguyên, đường rẽ vào đường Cù Vân - An Khánh, đoạn bỏ sung) đến cầu xóm Đát	500
1.5.2	Từ cầu xóm Đát đến cầu Đồng Khuôn	600
1.5.3	Từ cầu Đồng Khuôn đến ngã ba xóm Đầm (tiếp giáp đường Cù Vân - An Khánh giai đoạn 1)	700
1.5.4	Từ ngã ba trạm bơm xóm Đồng Sầm đến ngã ba đường rẽ vào Trường Tiểu học xã An Khánh	500
2	Từ Quốc lộ 37 vào Kho K9 xã Cù Vân	
2.1	Từ Quốc lộ 37 vào 100m	1.200
2.2	Qua 100m đến 300m	1.000
2.3	Qua 300m đến cổng Kho K9	600
2.4	Từ cổng Kho K9 đến ngã ba bảng tin xóm 12 + 13 xã Cù Vân	400
3	Từ Quốc lộ 37 đi xóm 4, 5, 6	
3.1	Từ Quốc lộ 37 (cổng trào xóm 2) đến đường tàu	500
3.2	Từ đường tàu xóm 2 đến cầu Đát Ma hết đất xóm 5 xã Cù Vân (giáp xã Phục Linh)	320
4	Từ Quốc lộ 37 đi vào Mỏ than Phấn Mễ	
4.1	Từ Quốc lộ 37 đến nhà cân Mỏ than Phấn Mễ	2.000
4.2	Từ nhà cân Mỏ than Phấn Mễ đến hết đất xã Hà Thượng	1.000
4.3	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến giáp đất vành đai M3 - BLC	600
4.4	Từ giáp đất vành đai M3 - BLC đến cầu Đát Ma (giáp đất huyện Phú Lương)	500
5	Từ Quốc lộ 37 vào đến Nhà Văn hóa xóm 13, và lô 2, lô 3 khu quy hoạch Văn phòng mỏ than Làng Cẩm	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
6	Từ Quốc lộ 37 vào hết đường bê tông xóm 5 xã Hà Thượng	1.700
7	Đường từ Quốc lộ 37 rẽ vào khu tái định cư Đồng Bông	
7.1	Từ Quốc lộ 37 + 200m (hết đất khu tái định cư Đồng Bông)	2.000
7.2	Nhánh rẽ từ Quốc lộ 37 + 200m vào khu tái định cư Đồng Bông 100m	1.700
7.3	Các tuyến còn lại của khu tái định cư Đồng Bông	1.400
8	Từ Quốc lộ 37 vào đến Cầu Cau, xóm 9 xã Hà Thượng	1.000
9	Từ Quốc lộ 37 vào Trường Tiểu học xã Hà Thượng	1.000
10	Từ Quốc lộ 37 vào kho Muối xã Hà Thượng (xóm 6 + 7)	
10.1	Từ Quốc lộ 37 vào tới đường tàu cắt ngang (bao gồm khu quy hoạch dân cư xóm 6 + 7)	1.000
10.2	Từ đường tàu cắt ngang đến cổng kho Muối	500
11	Từ Quốc lộ 37 (đường Mỏ Thiếc) đi qua UBND xã Phục Linh sang xã Tân Linh	
11.1	Từ Quốc lộ 37 vào đến hết đất xã Hà Thượng	700
11.2	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến qua cổng UBND xã Phục Linh 200m (đường đi Tân Linh)	1000
11.3	Từ qua cổng UBND xã Phục Linh 200m đến ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh	600
11.4	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh đến giáp đất xã Tân Linh (hết đất xã Phục Linh)	700
11.5	Từ ngã ba xóm Soi đến Cầu Sung	600
11.6	Từ ngã ba xóm Khuôn 3 đến Trạm điện số 35	500
11.7	Từ ngã ba xóm Mạn (đi qua cổng Kho KV3) đến hết đất xã Phục Linh giáp đất xã Hà Thượng	700
11.8	Đường từ nhà ông Vũ Văn Phong, xóm Cẩm 1 (giáp bờ moong Mỏ than Phấn Mễ) đến nhà ông La Quang Đại, xóm Ngọc Tiên hết đất xã Phục Linh (giáp đất xã Phấn Mễ)	320
11.9	Từ nhà ông Trần Văn Thâm, xóm Khuôn 2 đến Góc Sung, xóm Khu 2	320
12	Từ Quốc lộ 37 vào xã Tân Linh đi Phục Linh	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
12.1	Từ đỉnh dốc Đá đến cách ngã ba cầu Suối Bột 150m	500
12.2	Từ ngã ba cầu Suối Bột + 150m về ba phía	700
12.3	Qua ngã ba cầu Suối Bột 150m đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phục Linh)	600
12.4	Qua ngã ba cầu Suối Bột 150m đến cống nước cạnh Nhà Văn hoá xóm 12 cũ	600
12.5	Từ cống nước cạnh Nhà Văn hoá xóm 12 cũ đến cầu Vực Xanh xã Tân Linh	800
12.6	Từ cầu Vực Xanh đến qua UBND xã Tân Linh 350m	1.000
12.7	Qua UBND xã Tân Linh 350m đến ngã ba Kiến Linh	700
12.8	Từ ngã ba Kiến Linh đến cống xóm 6, xã Tân Linh	1.000
12.9	Từ cống xóm 6, xã Tân Linh đến cách ngã tư Thái Linh 150m	600
12.10	Từ cách ngã tư Thái Linh 150m đến cầu bê tông xóm 3, xã Tân Linh	800
12.11	Từ cầu bê tông xóm 3, xã Tân Linh đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phú Lạc)	500
13	Từ Quốc lộ 37 đến giáp đất quy hoạch dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (Quốc lộ 37 cũ đi tổ dân phố Liên Giới)	2.600
14	Đường bê tông từ tổ dân phố Liên Giới (giáp dự án Núi Pháo) đến ngã ba đường đi xóm Hàm Rồng và xóm Vân Long	1.500
15	Từ Quốc lộ 37 vào khu quy hoạch dân cư sau Xí nghiệp chè Đại Từ	2.200
16	Từ Quốc lộ 37 vào Trường Tiểu học Hùng Sơn I	
16.1	Từ Quốc lộ 37 đến cống làng nghề xóm Hàm Rồng	3.500
16.2	Từ cống làng nghề xóm Hàm Rồng đến hết Trường Tiểu học Hùng Sơn I	2.500
16.3	Từ Trường Tiểu học Hùng Sơn I qua Nhà Văn hóa xóm Hàm Rồng đến nhà bà Nguyễn Bích Thủy xóm Hàm Rồng	1.500
17	Từ Quốc lộ 37 qua tổ dân phố An Long, xóm Hàm Rồng đi xóm Vân Long (đường liên xã Hùng Sơn - Phú Lạc)	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
17.1	Từ Quốc lộ 37 vào đường bê tông tổ dân phố An Long qua nhà ông Phạm Khắc Dũng đến nhà bà Nguyễn Bích Thủy, xóm Hàm Rồng	1.000
17.2	Từ nhà ông Trần Quang Mân theo đường liên xã đi xóm Vân Long đến hết đất thị trấn Hùng Sơn	800
18	Từ Quốc lộ 37 vào khu tái định cư Hùng Sơn III	
18.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất lô M4	5.000
18.2	Từ lô N9 đến lô A1	4.500
18.3	Các tuyến đường còn lại trong khu quy hoạch tái định cư Hùng Sơn III	4.000
19	Từ Quốc lộ 37 đến Nhà Văn hóa tổ dân phố Cầu Thành 2, thị trấn Hùng Sơn	5.000
20	Trục đường Nam Sông Công	
20.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Nhà thờ Sơn Hà	7.000
20.2	Từ hết đất Nhà thờ Sơn Hà đến Suối Mang	5.600
20.3	Từ trục chính đường Nam Sông Công vào đường bê tông qua nhà ông Trường ra đường trục chính Nam Sông Công	2.200
20.4	Từ đường trục chính Nam Sông Công vào khu quy hoạch điều chỉnh chợ Nam Sông Công	4.000
20.5	Nhánh đường Nam Sông Công vào trong khu dân cư điều chỉnh đất chợ Nam Sông Công	3.000
21	Từ Quốc lộ 37 đi qua Trường Trung học cơ sở thị trấn Hùng Sơn đến giáp đường đi xóm Đồng Cả	3.500
22	Từ Quốc lộ 37 (qua Nhà Văn hóa tổ dân phố Cầu Thành 1) đến hết đất nhà ông Nguyễn xóm Xuân Đài	2.000
23	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Trung học phổ thông Đại Từ	4.900
24	Từ Quốc lộ 37 vào 100m (nhà ông Lưu) tổ dân phố Cầu Thành 2 - thị trấn Hùng Sơn (đối diện đường rẽ vào Trường Trung học phổ thông Đại Từ)	2.000
25	Các lô đất ở thuộc khu quy hoạch sau bến xe khách Đại Từ cũ	2.800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
26	Từ Quốc lộ 37 vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	
26.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường rẽ Trường Mầm non Hoa Sen	7.000
26.2	Từ đường rẽ Trường Mầm non Hoa Sen đến giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	5.500
26.3	Từ cổng Công an huyện đến tường rào Trường Trung học phổ thông Đại Từ	2.500
27	Từ Quốc lộ 37 (nhánh giáp đất ở nhà bà Phạm Thị Tâm, tổ dân phố Chợ 1) vào đường bê tông đến hết đất nhà ông Đào Quang Chung, tổ dân phố Trung Hòa	2.000
28	Từ Quốc lộ 37 đường rẽ vào xóm Trung Hòa (qua khỏi đoàn thể) ra Quốc lộ 37 (đèn xanh đèn đỏ)	2.200
29	Từ ngã ba cổng Chùa Minh Sơn đến đường tròn khu dân cư 1A	2.200
30	Từ Quốc lộ 37 (cầu Tây Phố Mới) đến cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ	3.500
31	Từ Quốc lộ 37 (đối diện Ngân hàng nông nghiệp huyện Đại Từ) vào đến khu dân cư 1A	2.200
32	Từ Quốc lộ 37 vào đến cổng UBND huyện Đại Từ	6.000
33	Từ Quốc lộ 37 vào Nhà máy nước	
33.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Nhà máy nước	3.500
33.2	Từ hết đất Nhà máy nước đến giáp bờ sông	2.500
34	Từ Quốc lộ 37 đến Nhà Văn hóa xóm Phô Dầu xã Tiên Hội	1.500
35	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Tiểu học xã Tiên Hội	1.500
36	Từ Quốc lộ 37 (Dốc Đò) vào xã Hoàng Nông	
36.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội	1.000
36.2	Từ hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội đến hết đất xã Tiên Hội	800
36.3	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông	700
36.4	Từ ngã tư làng Đảng, xã Hoàng Nông đến Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông	1.250

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
36.5	Từ Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông đến đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông	700
36.6	Từ đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông đến công qua đường (giáp nhà ông Ngôn)	400
36.7	UBND xã Hoàng Nông cũ (+, -) 200m về hai phía	350
37	Nhánh của tuyến đường liên xã Tiên Hội - Hoàng Nông	
37.1	Từ Trạm điện số 3 xã Hoàng Nông đến cầu tràn số 7 (giáp đất xã Khôi Kỳ) - tuyến đường 5 xã	400
37.2	Từ Trạm điện số 2 xã Hoàng Nông đến giáp đất xã La Bằng (tuyến đường 5 xã)	400
37.3	Từ ngã ba làng Đàng + 100m đi xóm An Sơn (tuyến nhánh Hoàng Nông - Bản Ngoại)	550
37.4	Từ ngã ba làng Đàng + 100m đến giáp xã Bản Ngoại (tuyến nhánh Hoàng Nông - Bản Ngoại)	400
38	Từ Quốc lộ 37 vào 150m (đường bê tông xóm Đại Quyết)	800
39	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến cầu treo xã Phú Lạc	
39.1	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh)	1.000
39.2	Từ đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến cầu treo xã Phú Lạc	400
39.3	Từ đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp xã Phú Thịnh)	500
40	Từ Quốc lộ 37 (cổng Trạm Y tế cũ) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	
40.1	Từ Quốc lộ 37 (cổng Trạm Y tế cũ) đến ngã tư xóm Phố xã Bản Ngoại	1.000
40.2	Từ ngã tư xóm Phố, xã Bản Ngoại đi Đầm Bàng hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	600
40.3	Từ Quốc lộ 37 đến Khu di tích lịch sử xóm Đầm Mua xã Bản Ngoại	350
41	Từ ngã ba nhà ông Việt xóm Đầm Bàng đến hết đất xã Bản Ngoại giáp xã Tân Linh	320

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
42	Từ giáp đất nhà ông Thi (xóm Na Mận) đi xóm Cao Khả giáp xã Tiên Hội	320
43	Từ công tiêu Ba Giăng đi xã Tiên Hội - Hoàng Nông đến hết đất xã Bản Ngoại (đường liên xã Bản Ngoại - Tiên Hội - Hoàng Nông)	400
44	Từ ngã 3 (nối Quốc lộ 37 đi di tích Đàm Mua) đến hết đất Bản Ngoại và hết đất xã Hoàng Nông)	400
45	Từ ngã ba (nhà ông Chiến - Hoan) đi vào Trường Tiểu học xã Bản Ngoại đến ngã tư công Đổ (giáp nhà ông Hiệp xóm Phô)	320
46	Từ Quốc lộ 37 đi vào xã La Bằng	
46.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết xã Bản Ngoại (giáp đất xã La Bằng)	600
46.2	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến Trạm biến áp xóm Lau Sau	500
46.3	Từ Trạm biến áp xóm Lau Sau đến cổng Trường Mầm non xã La Bằng	600
46.4	Từ cổng Trường Mầm non xã La Bằng đến ngã ba cây Si + 100m (đi Phú Xuyên) + 100m đi xóm Rừng Vần	1000
46.5	Từ ngã ba cây Si + 100m (đường đi xã Phú Xuyên) đến hết đất xã La Bằng	500
46.6	Từ ngã ba cây Si + 100m đến Trạm biến áp xóm Rừng Vần	450
46.7	Từ Trạm biến áp xóm Rừng Vần đến đường rẽ xóm Tiến Thành xã La Bằng	350
46.8	Từ đường rẽ xóm Tiến Thành xã La Bằng đến Đập Kẹm xã La Bằng	320
46.9	Nhánh của trục đường từ Quốc lộ 37 đi xã La Bằng	
46.9.1	Từ trục đường chính của xã đến Khu di tích thành lập Đảng (xã La Bằng)	500
46.9.2	Giáp đất xã Hoàng Nông đến cầu tràn Non Bọ	320
47	Từ Quốc lộ 37 (đốc Mon) đến hết đất xã Phú Xuyên (giáp xã La Bằng)	700
48	Nhánh của đường Từ Quốc lộ 37 (đốc Mon đến hết đất xã Phú Xuyên) giáp xã La Bằng: Từ ngã ba nhà ông Thắng đến Nhà Văn hóa xóm Chính Phú 1	320

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
49	Từ Quốc lộ 37 vào Trạm Y tế cũ xã Phú Xuyên	500
50	Trục phụ Quốc lộ 37, từ Quốc lộ 37 xóm 8, xã Phú Xuyên đến giáp đất xã Na Mao	320
51	Từ Quốc lộ 37 đến Nhà Văn hóa xóm 2 xã Phú Xuyên	320
52	Từ Quốc lộ 37 (cây đa đôi) đến nhà bà Đồi (khu quy hoạch chợ cũ)	500
53	Từ Quốc lộ 37 (cây Đa đôi) vào UBND xã Na Mao	
53.1	Từ Quốc lộ 37 (cây Đa đôi) đi xã Na Mao, vào 200m	800
53.2	Từ qua 200m đến UBND xã Na Mao	320
53.3	Từ UBND xã Na Mao đến ngã tư (giáp đường Na Mao - Phú Cường - Đức Lương)	350
54	Từ Quốc lộ 37 (xóm 4) đến giáp đất xã Phú Thịnh (qua xóm 13)	350
55	Từ Quốc lộ 37 (xóm 4) đến ngã ba xóm Tân Lập (qua xóm 5)	350
56	Từ Quốc lộ 37 (biển cấm rừng) đến nhà ông Hoàng xóm 11	350
57	Từ nhà ông Hoàng xóm 11 đến ngã ba Yên Tử (hết đất xã Phú Xuyên)	350
58	Từ Trạm biến áp xóm 11 đến giáp Nhà máy Chè xã La Bằng qua xóm Tân Lập	350
59	Từ Quốc lộ 37 (đường đi Tượng đài thanh niên xung phong) đến hết đất xã Yên Lãng	
59.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường đi Tượng đài thanh niên xung phong	900
59.2	Từ đường đi Tượng đài thanh niên xung phong đến hết đất xã Yên Lãng	700
60	Từ Quốc lộ 37 (đường Nguyễn Huệ) đến ngã tư xóm Giữa, xã Yên Lãng	700
61	Từ Quốc lộ 37 đến Nhà Văn hóa xóm Khuôn Nanh	400
62	Từ Quốc lộ 37 đi vào Mỏ than Núi Hồng xã Yên Lãng	
62.1	Từ Quốc lộ 37 (từ ngã ba Chợ Yên Lãng) đến hết đất Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Yên Lãng	2.800
62.2	Từ giáp đất Chi nhánh Ngân hàng đến công Văn phòng Mỏ than Núi Hồng	2.300

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
62.3	Từ cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng đến đường rẽ vào Bàn Cân	1.000
62.4	Từ đường rẽ vào Bàn Cân đến núi đá Voi (xóm Cây Hồng)	600
63	Nhánh từ cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng đến tập thể Mỏ (khu B)	500
B	TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	TỈNH LỘ 270 (từ Quốc lộ 37 Hồ Núi Cốc)	
1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất nhà ông Đặng Văn Anh	4.000
2	Từ hết đất nhà ông Đặng Văn Anh đến dốc Thái Lan	3.500
3	Từ dốc Thái Lan đến hết đất thị trấn Hùng Sơn	2.000
4	Từ giáp đất thị trấn Hùng Sơn đến cổng qua đường nhà ông Năm Thúy	800
5	Từ cổng qua đường nhà ông Năm Thúy đến Suối Lạc	1.100
6	Từ Suối Lạc đến cổng qua đường đèo Ông Cầu	1.600
7	Từ cổng qua đường đèo Ông Cầu đến cổng qua đường nhà ông Ninh xóm Góc Mít	3.000
8	Từ cổng qua đường nhà ông Ninh xóm Góc Mít đến hết đất xã Tân Thái	2.000
II	TRỤC PHỤ TỈNH LỘ 270	
1	Từ Tỉnh lộ 270 đến Đầm Nhội (thuộc tổ dân phố An Long - thị trấn Hùng Sơn)	1.500
2	Từ ngã ba nhà ông Đinh Trọng Tấn đến ngã ba nhà ông Vũ Thanh Huân	1.000
3	Từ ngã ba nhà ông Đặng Ngọc Chinh đến ngã ba nhà ông Hường Hà	500
4	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Thanh đến ngã ba nhà ông Oanh Chính	320
5	Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Đức Ân đến cổng nhà ông Trường Vượng	1.000
III	TỈNH LỘ 261 (ngã ba Bưu điện huyện Đại Từ đi Quân Chu)	
1	Từ Quốc lộ 37 đến đường rẽ vào khu dân cư tổ dân phố Chợ 1	11.800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ đường rẽ vào khu dân cư tổ dân phố Chợ 1 đến đường rẽ vào khu dân cư Đồng Khóc	7.000
3	Từ đường rẽ vào khu dân cư Đồng Khóc đến ngã ba sân vận động	6.000
4	Từ ngã ba sân vận động đến cầu Suối Tám	6.500
5	Từ cầu Suối Tám đến cầu Cỏ Trâu	4.200
6	Từ cầu Cỏ Trâu đến hết đất xã Bình Thuận	3.000
7	Từ giáp đất xã Bình Thuận đến Cầu Đầu xã Lục Ba (Km 3 + 600)	1.500
8	Từ Cầu Đầu xã Lục Ba (Km3 + 600) đến đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa, xóm Đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300)	2.000
9	Từ đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm Đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300) đến đường rẽ vào xóm Gò Lớn xã Lục Ba (Km5 + 500)	1.400
10	Từ đường rẽ vào xóm Gò Lớn (Km5 + 500) đến hết đất xã Lục Ba (Km7 + 100)	1.300
11	Từ giáp đất xã Lục Ba đến đường rẽ vào xã Văn Yên	2.000
12	Từ đường rẽ vào xã Văn Yên đến đường rẽ vào hồ Gò Miếu	1.800
13	Từ đường rẽ vào hồ Gò Miếu đến hết đất xã Ký Phú	1.500
14	Từ giáp đất xã Ký Phú đến đường rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Trung Nhạng	800
15	Từ đường rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Trung Nhạng đến đồng Đàm Tranh, xóm Nông Trường	1.000
16	Từ đồng Đàm Tranh, xóm Nông Trường đến ngầm tràn 3 Gò (hết đất xã Cát Nê)	600
17	Từ ngầm tràn 3 Gò đến đường rẽ UBND xã Quân Chu	500
18	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu đến hết đất Trường Trung học cơ sở xã Quân Chu	900
19	Từ hết đất Trường Trung học cơ sở xã Quân Chu đến đường rẽ xóm Hùng Vương xã Quân Chu	1.000
20	Từ đường rẽ xóm Hùng Vương xã Quân Chu đến cột mốc Km20	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
21	Từ Km20 đến cầu Suối Đồi	1.000
22	Từ cầu Suối Đồi đến cầu Suối Liếng, xã Quân Chu	800
IV	TRỤC PHỤ TỈNH LỘ 261	
1	Từ Tỉnh lộ 261 (cầu Gò Sơn) đến công phụ Trường Trung học phổ thông Đại Từ	4.000
2	Từ công Đài tưởng niệm huyện Đại Từ đến công Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ	5.000
3	Từ Tỉnh lộ 261 qua công Bệnh viện Đa khoa đến cầu Thanh Niên đi xóm Đồng Cả	
3.1	Từ Tỉnh lộ 261 đến hết đất Trường Nguyễn Tất Thành	5.000
3.2	Từ giáp đất Trường Nguyễn Tất Thành công Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	7.000
3.3	Từ công Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ đến nhà bà Nguyễn Thị Hạnh, tổ dân phố Sơn Tập 3	3.500
3.4	Từ nhà bà Nguyễn Thị Hạnh, tổ dân phố Sơn Tập 3 đến cầu Thanh Niên đi xóm Đồng Cả	2.000
3.5	Các tuyến đường bê tông khác sau Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	1.000
4	Từ đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ đến Trung tâm Y tế Đại Từ	3.000
5	Từ Tỉnh lộ 261 vào Trường Dân tộc Nội trú (xóm Phú Thịnh, thị trấn Hùng Sơn)	
5.1	Từ Tỉnh lộ 261 vào 100m	2.000
5.2	Từ sau 100m đến giáp Trường Dân tộc nội trú huyện Đại Từ	1.500
6	Từ Tỉnh lộ 261 vào 300m đi xóm Bình Xuân, xã Bình Thuận	1.000
7	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m đi xóm Trại, xã Bình Thuận	600
8	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m đi Trường Mầm non, Tiểu học Bình Thuận	1.500
9	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m đi xóm Chùa, xã Bình Thuận	1.000
10	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m, đi xóm Thanh Phong xã Bình Thuận	500
11	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m, đi xóm Thuận Phong, xã Bình Thuận	500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
12	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m, đi xóm Tiến Thành, xã Bình Thuận	600
13	Từ Tỉnh lộ 261 vào 350m đến Nhà Văn hóa xóm Thuận Phong	500
14	Từ Tỉnh lộ 261 đi Trường Trường Trung học cơ sở xã Lục Ba	
14.1	Từ Tỉnh lộ 261 vào đến Trường Trường Trung học cơ sở xã Lục Ba	700
14.2	Từ giáp đất Trường Trường Trung học cơ sở xã Lục Ba đến ngã ba ông Ky, xóm Thành Lập	350
14.3	Từ giáp đất Trường Trường Trung học cơ sở xã Lục Ba đến Trạm biến áp xóm Văn Thanh	350
15	Từ Tỉnh lộ 261 đến ngã ba nhà ông Úy (đường đi xóm Gò Lớn)	350
16	Từ Tỉnh lộ 261 đến ngã tư nhà ông Huỳnh	350
17	Từ Tỉnh lộ 261 (Chùa Cam Lam) đến ngã ba nhà ông Thắng (xóm Đàm Giáo)	500
18	Từ ngã ba ông Ky (xóm Thành Lập) đến trạm biến áp xóm Văn Thanh	350
19	Từ ngã ba nhà bà Nguyễn (xóm Bình Hương) đến ngã ba ông Ky (xóm Thành Lập)	350
20	Từ Tỉnh lộ 261 vào xã Vạn Thọ	
20.1	Từ Tỉnh lộ 261 vào đến cầu treo xã Vạn Thọ	1.200
20.2	Từ tràn Vạn Thọ đến trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m	800
20.3	Từ trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m đến cầu Vai Say	500
21	Nhánh của trục đường Tỉnh lộ 261 vào xã Vạn Thọ	
21.1	Từ đường trục xã (trạm điện xóm 5) vào 100m	420
21.2	Từ đường trục xã vào 100m (đường vào xóm 6)	420
22	Từ ngã tư (ông Thử Đậu) đến ngã ba xóm 9 (ông Học)	380
23	Từ Tỉnh lộ 261 vào xã Văn Yên	
23.1	Từ đường 261 đến ngã tư Gò Quếch	600
23.2	Từ ngã tư Gò Quếch đến đường vào Trường Mầm non xã Văn Yên (đường rẽ vào xóm Đình 2)	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
23.3	Từ đường vào Trường Mầm non xã Văn Yên đến Nhà Văn hóa xóm Cầu Găng	600
23.4	Từ Nhà Văn hóa xóm Cầu Găng đến hết đất xã Văn Yên (giáp đất xã Mỹ Yên)	400
23.5	Nhánh của trục phụ (đường Tỉnh lộ 261 vào xã Văn Yên)	
23.5.1	Từ đường trục xã đến Chùa Già	320
23.5.2	Từ đường rẽ Trường Tiểu học đến Trường Mầm non (xóm Đình 2)	320
24	Từ đường 261 vào đến giáp hồ Gò Miếu xã Ký Phú	500
25	Từ đường Tỉnh lộ 261 (sau nhà ông Sơn Cảnh) + 120m - vào xóm Đạn 1, xã Ký Phú	500
26	Từ đường Tỉnh lộ 261 (nhà ông Cầu Uyên) đường bê tông xóm Soi, xã Ký Phú đến Ngã ba đường rẽ sang xã Vạn Thọ (giáp nhà ông Trần Văn Thức)	500
27	Từ Tỉnh lộ 261 đến cổng Trường Mầm non xã Ký Phú	500
28	Từ Tỉnh lộ 261 đến ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Định (xóm Duyên)	350
29	Từ Tỉnh lộ 261 đến Trạm điện xóm Duyên	400
30	Từ ngã ba giáp đường Tỉnh lộ 261 (nhà ông Bính) đến ngã ba nhà ông Tiến Lượng xóm Nương Cao, xã Cát Nê	350
31	Từ ngã ba nhà ông Tiến Lượng xóm Nương Cao xã Cát Nê đến cầu bê tông (giáp đất nhà ông Đình Công Dũng xóm Thâm Thịnh giáp đất thị trấn Quân Chu)	320
32	Từ Tỉnh lộ 261 đến UBND xã Quân Chu	320
33	Từ Tỉnh lộ 261 (ngã 3 rẽ xóm 2) đến suối xóm 2	370
34	Từ Tỉnh lộ 261 (ngã ba rẽ xóm Chiểu) đến ngã ba (nhà ông Nhâm) +100m	360
35	Từ Tỉnh lộ 261 (ngã ba đi xóm 5) đến cầu xóm 5	360
36	Từ Tỉnh lộ 261 xóm 3 (nhà ông Toán) đến ngã ba xóm 2 (nhà ông Y Sáu)	360

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
V	TỈNH LỘ 263B	
1	Từ Quốc lộ 37 (đèn xanh, đèn đỏ) đến Cầu Thông	6.000
2	Từ Cầu Thông đến hết đất Khu di tích 27/7	5.000
3	Từ hết đất Khu di tích 27/7 đến đường rẽ xóm Gò	4.500
4	Từ đường rẽ xóm Gò đến hết đất thị trấn Hùng Sơn	3.500
5	Từ giáp đất thị trấn Hùng Sơn đến đường rẽ Nhà Văn hóa xóm Hòa Bình, xã Khôi Kỳ	2.500
6	Từ đường rẽ Nhà Văn hóa xóm Hòa Bình đến đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thủy	2.200
7	Từ đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thủy đến cầu Đức Long xã Khôi Kỳ	1.700
8	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến qua UBND xã Mỹ Yên 200m	
8.1	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến Trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn)	1400
8.2	Từ Trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn) đến qua UBND xã Mỹ Yên 200m	1.000
9	Từ qua UBND xã Mỹ Yên 200m đến giáp đất xã Văn Yên	600
VI	TRỤC PHỤ TỈNH LỘ 263B	
1	Từ đường 263B đến đường Phố Mới	3.000
2	Từ đường 263B qua Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự huyện	4.000
3	Từ Nhà Văn hoá tổ dân phố Bàn Cờ - thị trấn Hùng Sơn đến tiếp giáp đường vào Trường Dân tộc Nội trú huyện	2.200
4	Từ đường 263B đến cổng Trường Dân tộc Nội trú huyện	2.500
5	Từ đường 263B đi qua Nhà Văn hóa xóm Giữa đến ngã tư đường vào Trường Dân tộc Nội trú huyện	2.000
6	Đường bê tông từ giáp đất nhà ông Thủy đến UBND xã Khôi Kỳ	1.000
7	Từ Trạm điện số 2, xã Khôi Kỳ đến ngã ba Nhà Văn hóa xóm Gò Miều (tiếp giáp đường 5 xã)	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
8	Từ ngã ba (giáp nhà ông Lê Bá Đông - xóm Đức Long) đến Trạm điện số 2 xã Khôi Kỳ	1.200
9	Từ tràn 2 (tiếp giáp đất xã Mỹ Yên) đến tràn 7 giáp đất xã Hoàng Nông (đường 5 xã)	800
10	Từ ngã tư (ông Hòa) đến ngã ba tràn Na Giai	
10.1	Từ ngã tư (ông Hòa) + 500m	350
10.2	Qua ngã tư (ông Hòa) + 500m đến ngã ba tràn Na Giai	320
10.3	Từ Trạm điện Na Hang đến giáp đất xã Khôi Kỳ	320
VII	TỈNH LỘ 264 TỪ NGÃ BA KHUÔN NGÀN ĐI MINH TIẾN	
1	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Khuôn Ngàn) đến hết đất xã Phú Xuyên	3.000
2	Từ giáp đất xã Phú Xuyên đến hết đất Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	2.500
3	Từ hết đất Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ đến hết đất Trường Trung học cơ sở xã Phú Thịnh	800
4	Từ giáp đất Trường Trung học cơ sở xã Phú Thịnh đến cầu Phú Minh	700
5	Từ cầu Phú Minh đến ngã ba Phú Minh	1.500
6	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp đất xã Phú Cường)	500
7	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 800m	
7.1	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 200m (nhà ông Ước)	800
7.2	Từ Km5 + 200m trước cửa nhà ông Ước đến Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ)	900
8	Từ Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ) đến Km 6 (nhà ông Quyền)	1.000
9	Từ Km6 (thổ cư nhà ông Quyền) đến Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng)	1.000
10	Từ Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng) đến Km8 + 300m	750
11	Từ Km 8 + 300m đến hết đất xã Phú Cường (Km8 + 900)	360
12	Từ giáp đất xã Phú Cường đến đầm Thảm Mỡ xã Minh Tiến	480

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
13	Từ đằm Thảm Mỡ xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	
13.1	Từ hết đằm Thảm Mỡ đến cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến	800
13.2	Từ cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	1.500
14	Từ Trạm bơm điện xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất huyện Định Hóa)	500
VIII	TRỤC PHỤ TỈNH LỘ 264	
1	Nhánh từ ngã ba chợ cũ xã Minh Tiến đến Trạm điện xóm 8, xã Minh Tiến	700
2	Từ Trạm điện xóm 8, xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất xã Phúc Lương)	400
3	Từ ngã ba (giáp nhà ông Khiên) đến cầu treo sắt (đường vào Trạm Y tế xã Minh Tiến)	600
4	Từ cầu sắt (đường rẽ vào xóm Lưu Quang) đến Nhà Văn hóa Xóm 1 Lưu Quang, xã Minh Tiến	320
IX	TỈNH LỘ 263, TỪ NGÃ BA PHÚ MINH – ĐI HUYỆN PHÚ LƯƠNG	
1	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp xã Phú Lạc)	400
2	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Đức Lương)	600
3	Từ ngã ba Chợ Trung tâm xã Phú Lạc đến Cầu Đá xóm cây Nhừ	500
4	Từ Cầu Đá xóm Cây Nhừ đến hết đất xã Phú Lạc (giáp đất xã Tân Linh)	400
5	Từ Cầu Đá, xóm Cây Nhừ đi xóm Phương Nam 2, xóm Phương Nam 3 đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Bản Ngoại)	500
6	Từ ngã ba trung tâm xóm Na Hoàn đến cầu treo Làng Vòng, xã Phú Lạc	500
7	Từ giáp đất xã Phú Lạc đến cách UBND xã Đức Lương 200m	350
8	Từ UBND xã Đức Lương + 200m về 2 phía	700

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
9	Từ qua UBND xã Đức Lương 200m đến ngàm Cầu Tuất xã Phúc Lương	350
10	Từ ngàm Cầu Tuất đến hết khu quy hoạch (giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương)	500
11	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương đến cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m	320
12	Từ cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m đến ngã ba đường đi cầu Đá Dài	350
13	Từ ngã ba đi cầu Đá Dài đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất huyện Phú Lương)	320
C	ĐƯỜNG NA MAO - PHÚ CƯỜNG - ĐỨC LƯƠNG	
1	Từ cầu tràn, xóm Đồng Ôm, xã Yên Lãng đến hết đất xã Na Mao (giáp đất xã Phú Cường)	320
2	Từ giáp đất xã Na Mao đến bờ Sông Công, xã Phú Cường	450
3	Từ Tỉnh lộ 264 đến ngã ba xóm Na Quýt, xã Phú Cường (nhà ông Hoàng Văn Đường)	450
4	Từ ngã ba xóm Na Quýt xã Phú Cường (nhà ông Hoàng Văn Đường) đến Km số 6 (nhà ông Chư)	400
5	Km số 6 (nhà ông Chư) đến hết đất xã Phú Cường (giáp đất xã Đức Lương)	320
6	Từ giáp đất xã Phú Cường đến Tỉnh lộ 263 (thuộc xã Đức Lương)	350
D	ĐƯỜNG PHÚC LƯƠNG - MINH TIẾN	
1	Từ ngã ba Mặt Giăng đến cầu Đồng Lốc, xóm Bắc Máng	350
2	Từ cầu Đồng Lốc đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất xã Minh Tiến)	320
E	ĐƯỜNG PHÚ CƯỜNG - MINH TIẾN	
1	Từ giáp Tỉnh lộ 264 đến cầu tràn xóm Chiềng xã Phú Cường	380
2	Từ cầu tràn, xóm Chiềng, xã Phú Cường đến hết đường bê tông xóm Chiềng (cổng nhà ông Thịnh)	320

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
F	ĐƯỜNG NA MAO - PHÚ CƯỜNG	
1	Từ đầu cầu treo xóm Đèo đến cách Trạm điện xóm Đèo 50m (về phía cầu treo xóm Đèo) xã Phú Cường	350
2	Từ cách Trạm điện xóm Đèo 50m (về phía cầu treo xóm Đèo) xã Phú Cường đến cầu Đầm Vuông giáp xã Na Mao	350
3	Từ cầu Đầm Vuông, xã Na Mao đến ngã tư ông Trần Đoàn Thắng	320
G	ĐƯỜNG ĐỨC LƯƠNG - PHÚ CƯỜNG	
1	Từ Tỉnh lộ 263 (Bưu điện Văn hoá xã) + 200m	400
2	Từ qua Bưu điện Văn hoá xã 200m đến hết xóm Thống nhất giáp với đất xã Phú Cường	300
H	ĐƯỜNG ĐỨC LƯƠNG - PHÚC LƯƠNG	
1	Từ Tỉnh lộ 263 (nhà ông Toàn Văn Nguyên) + 200m	400
2	Từ qua nhà ông Toàn Văn Nguyên 200m đến hết xóm Cây Xoan giáp với đất xã Phúc Lương	300
I	ĐƯỜNG ĐỨC LƯƠNG - PHÚ LẠC	
1	Từ Tỉnh lộ 263 (đường bê tông xóm Đồi) đến giáp với đất xã Phú Lạc	300
J	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHÁC	
1	Đường vào Chùa Thiên Tây Trúc: Từ Trạm Kiểm lâm Quân Chu đến ngã ba Ông Cham	400
2	Đường vào Chùa Thiên Tây Trúc: Từ ngã ba Ông Cham đến cầu Đá Trắng	350
3	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu đến ngã ba ông Cham	320
4	Từ đường suối Ông Cảnh Tàn đến cầu xóm Chiêm 1, xã Quân Chu	320
5	Đường liên xã Cát Nê - Thâm Thành Quân Chu từ cầu Khuôn Gà đến hết đất thị trấn Quân Chu (giáp xóm Thâm Thành xã Cát Nê)	320
6	Từ giáp Khu di tích Đầm Mua (xã Bản Ngoại) đến Nhà Văn hóa xóm Non Bèo	320

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
7	Nhà ông Lý Văn Mạnh xóm Đồng Đình đến đập Kẹm xã La Bằng	320
8	Nhà ông Nguyễn Văn Bằng xóm La Bằng đến nhà ông Trần Công Viết xóm La Bằng	500
9	Từ nhà Nguyễn Văn Cửu xóm Đồng Tiến đến nhà ông Trần Văn Biển xóm La Cút	500
10	Từ ngã tư Đồng Cháy đến hết xóm Đàm Pháng (hết đất xã Mỹ Yên, giáp xã Lục Ba	350
11	Từ ngã ba đi vào Trường Tiểu học Bản Ngoại đến ngã tư Cống Đỏ	350
12	Từ ngã tư xóm Phố đến cầu treo La Dạ xã Bản Ngoại	400
13	Từ cầu treo La Dạ đi Đàm Bằng đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất Phú Lạc)	350
K	ĐƯỜNG LIÊN XÃ TÂN LINH - BẢN NGOẠI	
1	Từ ngã ba Đồng Thị đến nương nước cửa nhà bà Tư cắt ngang đường liên xã	800
2	Từ nương nước cửa nhà bà Tư cắt ngang đường liên xã đến cổng làng nghề chè truyền thống xóm 11	600
3	Từ cổng làng nghề chè truyền thống xóm 11 đến hết đất ở nhà ông Quy xóm 11	400
4	Từ hết đất ở nhà ông Quy xóm 11 đến hết đất xã Tân Linh, giáp xã Bản Ngoại	320
L	XÃ PHÚC LƯƠNG	
1	Từ cầu Na Trâu xóm Nhất Tâm đến hết xóm Cây Hồng (giáp xóm Cây Xoan xã Đức Lương)	300
2	Từ Chợ Diên Hồng xóm Cầu Tuất đến xóm Hàm Rồng	300
3	Từ đầu xóm Na Khâm đi xóm Phúc Sơn đến hết xóm Hàm Rồng	300
4	Từ ao Đồng Lốc đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất xã Bộc Nhiêu huyện Định Hóa)	300
5	Từ dốc ông Kỳ đến trạm điện số 5 xóm Cỏ Rôm	300

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Hùng Sơn	500	480	460	440
Thị trấn Quân Chu	350	330	310	290

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Khôi Kỳ, Tân Thái, Tiên Hội, Bản Ngoại, Phú Xuyên, Yên Lãng	310	290	270	250
Các xã: Hoàng Nông, Ký Phú, La Bằng, Lục Ba, Cát Nê, Mỹ Yên, Phú Cường, Phú Thịnh, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Quân Chu	300	280	260	240
Các xã: Na Mao, Minh Tiến, Đức Lương, Phúc Lương	290	270	250	230

Phụ lục số 08**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
A	QUỐC LỘ	
I	QUỐC LỘ 3 CŨ (Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến hết đất xã Yên Ninh)	
1	Từ Km78 + 200 (giáp đất xã Sơn Cẩm) đến Km79 + 400	3.500
2	Từ Km79 + 400 đến Km80	4.500
3	Từ Km80 đến Km83 + 600	4.000
4	Từ Km83 + 600 đến Km85	4.500
5	Từ Km85 đến Km85 + 660 (hết đất thị trấn Giang Tiên)	4.000
6	Từ Km85 + 660 đến cầu Thủy Tinh	5.000
7	Từ cầu Thủy Tinh đến đến Km88 + 700	3.500
8	Từ Km88 + 700 đến Km89 + 400	4.000
9	Từ Km89 + 400 đến Km90 (cổng Bệnh viện Đa khoa huyện)	5.000
10	Từ Km90 (cổng Bệnh viện Đa khoa huyện) đến Km91 + 200	8.000
11	Từ Km91 + 200 đến Km91 + 500	5.000
12	Từ Km91 + 500 đến Km92 + 450 (cổng Huyện đội)	6.500
13	Từ Km92 + 450 đến Km93 + 100 (hết đất thị trấn Đu)	5.000
14	Từ Km93 + 100 đến Km95	4.000
15	Từ Km95 đến Km96	3.500
16	Từ Km96 đến Km97 + 500	2.000
17	Từ Km97 + 500 đến Km99 (khu chợ xã Yên Đổ)	3.500
18	Từ Km99 (khu chợ xã Yên Đổ) đến Km99 + 900	2.000
19	Từ Km99 + 900 đến Km100 + 100 (ngã ba cây số 31)	2.500
20	Từ Km100 + 100 đến Km110 + 400 (cầu Suối Bén)	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
21	Từ Km110 + 400 (cầu Suối Bén) đến Km112	2.500
22	Từ Km112 đến Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc)	1.500
23	Từ Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc) đến Km113 + 200	2.000
24	Km113 + 200 đến Km113 + 800 (hết đất xã Yên Ninh)	2.500
*	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đi Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	
1.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200m	1.500
1.2	Sau 200m đến Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	800
2	Từ Quốc lộ 3 đi làng Ngói, xã Cổ Lũng	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	1.500
2.2	Sau 150m đến 500m	800
3	Từ Quốc lộ 3 đi làng Phan, xã Cổ Lũng	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	1.700
3.2	Sau 150m đến 500m	900
4	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi Đình Cháy, xã Cổ Lũng	1.500
5	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Tân Long, xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng	
5.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	1.800
5.2	Sau 150m đến 500m	900
6	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên, địa phận xã Cổ Lũng	1.800
7	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên, địa phận Giang Tiên	1.500
8	Từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên	
8.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300m	1.700
8.2	Sau 300m đến đường rẽ Nhà Văn hóa tiểu khu Giang Long	1.100
8.3	Từ đường rẽ Nhà Văn hóa tiểu khu Giang Long đến cầu Đất Ma	800
9	Từ Quốc lộ 3 đi Bãi Bông	
9.1	Từ Quốc lộ 3 đến 100m	2.200
9.2	Sau 100m đến 300m đi Bãi Bông	1.500
10	Quốc lộ 3 đi Văn phòng mỏ than Phấn Mễ (hết đất thị trấn Giang Tiên)	2.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
11	Từ Quốc lộ 3 đến Bãi than 3, Mỏ than Phấn Mễ	1.600
12	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi khu hầm lò Mỏ Phấn Mễ	1.600
13	Từ Quốc lộ 3 đi Tân Bình (Vô Tranh)	
13.1	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa xóm Mỹ Khánh	2.500
13.2	Từ Nhà Văn hóa xóm Mỹ Khánh đến đầm Thiểu nhi	1.550
14	Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học Phấn Mễ 1	2.000
15	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hoá xóm Giá 1	2.200
16	Từ Quốc lộ 3 đến đất Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương	3.600
17	Từ giáp đất Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương + 500m đi Thọ Lâm (các hướng)	2.100
18	Từ Quốc lộ 3 đến Phòng Giáo dục huyện Phú Lương	4.000
19	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất khu dân cư Ngân hàng Thương nghiệp	4.000
20	Từ Quốc lộ 3 + 250m đi Thọ Lâm (ngã ba)	2.700
21	Từ Quốc lộ 3 đến giáp đường đi Yên Lạc	
21.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	3.000
21.2	Đoạn còn lại đến giáp đường đi Yên Lạc	2.000
22	Từ Quốc lộ 3 đi Trường Tiểu học thị trấn Đu	
22.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Trường Tiểu học thị trấn Đu	2.800
22.2	Từ giáp đất Trường Tiểu học thị trấn Đu vào 150m	1.600
23	Từ Quốc lộ 3 vào cổng Huyện đội Phú Lương	3.500
24	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung đoàn 677	2.000
25	Từ Quốc lộ 3 vào đền Khuôn	
25.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.800
25.2	Sau 75 m đến 300m	1.000
25.3	Sau 300m đến đền Khuôn	600
26	Quốc lộ 3 (đền Đuổm) đi xóm Ao Sen đến đường Đu - Yên Lạc	
26.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.800
26.2	Sau 75 m đến 300m	1.000
26.3	Sau 300m đến gặp đường Đu - Yên Lạc	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
27	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Góc Vải (hai hướng)	
27.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.200
27.2	Sau 75 m đến 300m	700
27.3	Sau 300m đến đến hết địa phận xóm Góc Vải	400
28	Đường từ Quốc lộ 3 đi kho K87B đến hết đất Yên Đổ	
28.1	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Phố Trào	2.000
28.2	Từ hết địa phận xóm Phố Trào đến hết địa phận xóm Kẽm	1.000
28.3	Từ hết địa phận xóm Kẽm đến cầu Khe Nác	500
28.4	Từ cầu Khe Nác đến hết đất Yên Đổ	400
29	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi đến Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	
29.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.500
29.2	Từ sau 75m đến 200m đi đến Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	900
II	ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH (từ Quốc lộ 3 qua cầu Bắc Bé đến hết đất Phú Lương)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Bắc Bé	2.000
2	Từ cầu Bắc Bé đến hết đất huyện Phú Lương	1.000
III	QUỐC LỘ 3 MỚI (từ Quốc lộ 3 cũ tại Km75+200, giáp đất xã Sơn Cẩm đến Km93 +320, hết đất Yên Lạc)	
1	Từ Km75 + 200 (giáp đất xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên) đến Km79 (hết đất xã Vô Tranh)	2.500
2	Từ Km79 đến Km80+600	2.500
3	Từ Km80 + 600 đến Km81+ 400	3.000
4	Từ Km81+ 400 đến Km87 (hết đất xã Tứ Tranh)	2.500
5	Từ Km87 đến Km87 + 900 (hết đất xã Phú Đô)	1.000
6	Từ Km87 + 900 đến Km88 + 700	2.000
7	Từ Km88 + 700 đến Km93 + 320 (hết đất xã Yên Lạc)	780
IV	QUỐC LỘ 37 (từ ngã ba Bờ Đậu đến hết đất xã Cổ Lũng)	
1	Từ ngã ba Bờ đậu đến 100m	4.000
2	Qua 100m đến 500m	3.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Qua 500m đến cầu Lò Bát	2.000
4	Từ cầu Lò Bát đến hết đất xã Cỏ Lũng (giáp đất huyện Đại Từ)	1.500
V	QUỐC LỘ 3C (từ Quốc lộ 3 đi Định Hóa đến giáp đất huyện Định Hóa)	
1	Từ Km0 đến Km0 + 500	1.800
2	Từ Km0 + 500 đến Km2	1.000
3	Từ Km2 đến Km2 + 400	1.200
4	Từ Km2 + 400 đến giáp đất huyện Định Hóa	800
B	CÁC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
	TỈNH LỘ 263 (từ Quốc lộ 3 đến hết đất xã Ôn Lương)	
1	Từ Km0 đến cầu tràn	4.000
2	Từ cầu tràn đến Km1 + 300 (lối rẽ đi Cỏ Cò)	2.000
3	Từ Km1 + 300 đến Km1 + 700 (hết đất thị trấn Đu)	1.500
4	Từ Km1 + 700 đến Km1 + 900 (hết đất xã Động Đạt)	1.200
5	Từ Km1 + 900 đến Km3	1.000
6	Từ Km3 đến Km4	1.500
7	Từ Km4 đến Km7 + 300	1.000
8	Từ Km7 + 300 đến qua ngã tư Ôn Lương 100m	2.000
9	Từ qua ngã tư Ôn Lương 100m đến hết đất xã Ôn Lương	1.000
C	CÁC ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
I	TỪ GIANG TIÊN - PHÚ ĐÔ - NÚI PHÁN GẶP QUỐC LỘ 3	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Lòng Bông (hết đất thị trấn Giang Tiên)	2.500
2	Từ cầu Lòng Bông đến Km2	1.500
3	Từ Km2 đến Km4 + 700m (giáp đất xã Tức Tranh)	1.000
4	Từ Km4 + 700 đến Km5 + 200m (hết cánh đồng Ao Xanh)	700
5	Từ Km5 + 200 đến Km6 + 100m (cầu Đồng Chùa, xã Tức Tranh)	2.000
6	Km6 + 100 đến Km7 + 300m (Xí nghiệp Chè)	2.500
7	Từ Km7 + 300 đến Km7 + 600 (cầu tràn)	1.000
8	Từ Km7 + 600 đến Km9 + 300 (ngã ba rẽ xóm Khe Vàng 1)	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
9	Từ Km9 + 300 đến Km11 + 300 (ngã ba rẽ xóm Cúc Lùng)	1.500
10	Từ Km11 + 300 đến Km16 + 600 (giáp đất xã Yên Lạc)	500
11	Từ Km16 + 600 (giáp đất xã Phú Đô) đến Km17 + 800	1.500
12	Từ Km17 + 800 đến Km18 + 300	1.000
13	Từ Km18 + 300 đến hết đất xã Yên Lạc	500
14	Từ giáp đất Yên Lạc đến ngã ba rẽ vườn ươm (Dự án 661)	800
15	Từ ngã ba rẽ vườn ươm (Dự án 661) đến công nhà máy Chè	1.000
16	Từ công nhà máy chè đến gặp Quốc lộ 3	1.500
II	ĐƯỜNG PHẤN MỄ - TỨC TRANH	
1	Từ Quốc lộ 3 + 100m đi dốc Ông Thọ	3.000
2	Sau 100m đến đến Nhà Văn hóa xóm Đồng Hút	2.000
3	Từ Nhà Văn hóa xóm Đồng Hút đến ngã ba gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	2.500
III	ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 3 (Phấn Mễ) - cầu Làng Giang - đến cầu treo Làng Cọ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến công Trường Trung học cơ sở Phấn Mễ 1	3.500
2	Từ công Trường Trung học cơ sở Phấn Mễ 1 đến qua ngã tư Làng Bò 100m đi Làng Giang	2.500
3	Từ cách ngã tư Làng Bò 100m đến khu quy hoạch dân cư cầu Làng Giang	1.500
4	Từ khu Quy hoạch dân cư cầu Làng Giang đến cầu treo Làng Cọ (giáp thị trấn Đu)	2.000
IV	ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 3 (thị trấn Đu) đi Làng Cọ	
1	Từ Quốc lộ 3 +200m	4.000
2	Từ 200m đến cầu treo Làng Cọ (giáp đất xã Phấn Mễ)	3.000
V	ĐƯỜNG ĐU – YÊN LẠC	
1	Từ Bưu điện Phú Lương + 250m (đến ngã ba)	4.000
2	Từ ngã ba đến hết đất thị trấn Đu (giáp xã Động Đạt)	2.500
3	Từ giáp đất thị trấn Đu đến Km3	2.000
4	Từ Km3 đến hết đất Động Đạt	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5	Từ giáp đất Động Đạt đến cách UBND xã Yên Lạc 200m	1.000
6	Từ cách UBND xã Yên Lạc 200m đến qua UBND xã Yên Lạc 200m	2.000
7	Từ qua UBND xã Yên Lạc 200m đến gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	1.000
VI	ĐƯỜNG LIÊN XÃ TỨC TRANH - YÊN LẠC - YÊN ĐỒ	
1	Từ cổng làng xóm Yên Thủy 4 đến hết đất xóm Yên Thủy 4	1.000
2	Từ hết đất xóm Yên Thủy 4 đến cầu Ông Mạch	600
3	Từ cầu Ông Mạch đến Nhà Văn hóa xóm Yên Thủy 2 + 100m	1.000
4	Từ Nhà Văn hóa xóm Yên Thủy 2 + 100m đến cầu Yên Thủy 1	600
5	Từ cầu Yên Thủy 1 đến Trung tâm UBND xã Yên Lạc (ngã 3 đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn)	800
6	Từ ngã 3 đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đến cách chợ xóm Ó 300m	600
7	Từ cách chợ xóm Ó 300m đến hết đất xã Yên Lạc	800
VII	TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN XÃ XÓM ĐỒNG BÔNG - YÊN LẠC ĐI XÓM QUYẾT THẮNG - TỨC TRANH	
1	Toàn tuyến	600
VIII	TRỤC QUỐC LỘ 3 - YÊN NINH - YÊN TRẠCH - PHÚ TIẾN	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu tràn (đi Yên Trạch)	1.200
2	Từ cầu tràn đến hết đất xã Yên Ninh	800
3	Từ cách Trường Trung học cơ sở Yên Trạch 100m đến qua Trường Trung học cơ sở Yên Trạch 250m, hướng đi Phú Tiến	1.200
4	Từ qua Trường Trung học cơ sở xã Yên Trạch 250m đến qua đường rẽ chợ Yên Trạch 100m, hướng đi xã Phú Tiến	800
5	Từ ngã 3 rẽ Bản Héo + 50m đi Yên Ninh, từ ngã 3 rẽ Bản Héo + 100m đi xã Phú Tiến	800
6	Các đoạn còn lại của đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (thuộc địa phận xã Yên Trạch)	800
IX	ĐƯỜNG ATK HỢP THÀNH - PHÚ LÝ	
1	Từ ngã ba Chợ Hợp Thành đến ngã ba Phú Thành	1.800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ ngã 3 Phú Thành đến Bru điện văn hóa xã	1.000
3	Từ Bru điện Văn hóa xã đi xóm Làng Mon đến giáp đất Phủ Lý	800
4	Từ giáp đất xã Hợp Thành đến cầu Na Lậu (gặp Tỉnh lộ 263)	1.000
X	TUYẾN ĐƯỜNG PHỦ LÝ - YÊN TRẠCH	
1	Từ nút giao Tỉnh lộ 263 đến cầu tràn Na Dau	1.000
2	Từ cầu tràn Na Dau đến hết đất xã Phủ Lý	800
3	Từ địa phận xóm Hạ xã Yên Đổ (giáp đất xã Phủ Lý) đến hết đất xóm Trung	800
4	Từ giáp đất xóm Trung qua Quốc lộ 3C đến công xóm Thượng	1.000
5	Từ công xóm Thượng qua xóm An Thắng đến hết địa phận xóm Ao Then	800
6	Từ hết địa phận xóm Ao Then đến Quốc lộ 3	1.000
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC	
I	THỊ TRẤN GIANG TIÊN	
1	Đất khu dân cư trong chợ Giang Tiên	2.500
2	Các trục đường liên phố, tiểu khu khác chưa kê tên	
2.1	Đường đầu nối với đường từ Quốc lộ 3 đi cầu Đát Ma Giang Tiên, đến hết khu di tích Bazuka	1.000
2.2	Từ Bãi than 3, Mỏ than Phấn Mễ rẽ hai phía đến hết đất thị trấn Giang Tiên	1.000
2.3	Từ nhà cơ điện mỏ than đi xóm Làng Bún xã Phấn Mễ (hết đất thị trấn Giang Tiên)	700
3	Các đường bê tông còn lại có đầu nối với Quốc lộ 3, đường rộng $\geq 2,5m$	
3.1	Từ Quốc lộ 3 vào 150m	1.500
3.2	Từ sau 150m đến 300m	1.000
4	Các đường bê tông còn lại không đầu nối với Quốc lộ 3, đường rộng $\geq 2,5m$	800
5	Các đường còn lại không đầu nối với Quốc lộ 3: Đường đất rộng $\geq 2,5m$	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
II	THỊ TRẤN ĐU	
1	Trục phụ Quốc lộ 3 (đường bê tông)	
1.1	Từ Quốc lộ 3 (Km88 + 50 đi xóm Hoa 1, xã Phấn Mễ) đến hết đất thị trấn Đu	2.500
1.2	Từ Quốc lộ 3 (Km89 + 700) đi tiểu khu Cầu Trắng, đến hết đường bê tông	2.000
1.3	Từ Quốc lộ 3 (Km89 + 810) đi tiểu khu Cầu Trắng, vào 250m	1.500
1.4	Từ Quốc lộ 3 (Km90 + 50, cạnh phía Nam Bệnh viện Đa khoa huyện) vào 150m	1.500
1.5	Quốc lộ 3 (Km90 + 250, cạnh Điện lực Phú Lương) vào 250m	2.000
1.6	Từ Quốc lộ 3 (Km90 + 500) vào 230m hướng đi Tiểu khu Cầu Trắng và Tiểu khu Thái An	3.000
1.7	Từ Quốc lộ 3 vào kho 24+200m	1.500
1.8	Từ Quốc lộ 3 (Km90 + 550) đến Nhà Văn hóa tiểu khu Thái An	2.000
1.9	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 50) vào đến đường Đu - Yên Lạc	3.000
1.10	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 580, đường vào Nhà máy nước) đến hết đất thị trấn Đu	3.000
1.11	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 690, đường vào Đền Liệt sỹ) vào đến hết đường bê tông	3.000
1.12	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 850, giáp Hạt Giao thông Quốc lộ 3) vào đến hết đường bê tông	2.500
1.13	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 950) đi tiểu khu Lê Hồng Phong vào đến hết đường bê tông	3.000
1.14	Từ Quốc lộ 3 (Km92 + 230) đi tiểu khu Lê Hồng Phong đến hết đường bê tông	2.000
1.15	Từ Quốc lộ 3 (Km92 + 780) đi tiểu khu Lê Hồng Phong đến hết đường bê tông	2.500
2	Trục phụ Tỉnh lộ 263	
2.1	Tỉnh lộ 263 Km0 + 550 đi xóm Làng Chảo, xã Động Đạt) đến hết đường bê tông	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2.2	Tỉnh lộ 263 Km0 + 650 rẽ từ Tiểu khu Tân Lập đi tiểu khu Cây Châm) vào đến hết đường bê tông	1.000
2.3	Tỉnh lộ 263 (Km0 + 950 đi xóm Đồng Nghè, xã Động Đạt) đến hết đất thị trấn Đu	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 đến công phân hiệu Trường Mầm non thị trấn Đu (tiểu khu Lân 2)	2.500
4	Đường còn lại	
4.1	Đường bê tông rộng $\geq 3,5m$	1.300
4.2	Đường bê tông rộng $< 3,5m$ nhưng $\geq 2,5m$	1.000
4.3	Đường đất rộng $\geq 3,5m$	800
4.4	Đường đất rộng $< 3,5m$ nhưng $\geq 2,5m$	600
III	XÃ PHÁN MẾ	
1	Từ ngã ba xóm Hoa 2 đi tiểu khu Lân 2, thị trấn Đu	1.000
2	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng Mai, Làng Bò	
2.1	Từ Quốc lộ 3 vào 300m	2.200
2.2	Từ sau 300m đến ngã tư Làng Bò	1.500
3	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng Trò	
3.1	Từ Quốc lộ 3 vào 400m	2.000
3.2	Từ sau 400m đến giáp đất xã Vô Tranh	1.200
IV	XÃ YÊN ĐỒ	
1	Các đường quy hoạch dân cư sau Chợ Trào, Yên Đồ	1.500
2	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng, xóm Kẽm (khu chợ xã Yên Đồ) gần nhà nghỉ Gia Linh)	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200 m	1.500
2.2	Sau 200 m đến 500 m	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng, xóm Thanh Thề	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150 m	2.000
3.2	Sau 150m đến Nhà Văn hóa xóm Làng	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
4	Từ Quốc lộ 3 đi Trạm Y tế xã Yên Đổ đến Nhà Văn hóa xóm Thanh Thế	
4.1	Từ Quốc lộ 3 đến Trạm Y tế xã Yên Đổ	2.000
4.2	Từ Trạm Y tế xã Yên Đổ đến Nhà Văn hóa xóm Thanh Thế	1.500
V	XÃ ÔN LƯƠNG	
1	Trục phụ Tỉnh lộ 263 đi xã Ôn Lương	
1.1	Từ Tỉnh lộ 263 đến hết đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba)	2.000
1.2	Từ giáp đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba) + 100m đi 2 nhánh	1.500
2	Đường làng nghề xã Ôn Lương	
2.1	Từ ngã ba xóm Thâm Đông đi Nhà Văn hóa xóm Đàm Rum	800
2.2	Đoạn đường còn lại thuộc đường làng nghề xã Ôn Lương	700
2.3	Từ Nhà Văn hóa xóm Na Tún đến nhánh 3 đường làng nghề	600
3	Nhánh rẽ Tỉnh lộ 263 + 200m đi Trạm Y tế xã Ôn Lương	1.500
4	Đường du lịch làng nghề hồ Na Mạt	
4.1	Từ Tỉnh lộ 263 + 150m đi xóm Na Pặng	1.000
4.2	Từ ngã ba xóm Thâm Đông + 100m đi hồ Na Mạt	800
4.3	Từ qua ngã ba xóm Thâm Đông đi hồ Na Mạt đến 100m	700
5	Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gãy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị	800
6	Đường bê tông nối nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gãy, xã Ôn Lương đi đến giáp đất xóm Cây Thị	600
7	Từ Tỉnh lộ 263 (Km8 + 780, xóm Khau Lai) đến ngã ba sau Trạm Y tế	700
8	Từ Tỉnh lộ 263 (Km9 + 300) qua Nhà Văn hóa xóm Xuân Trường nối Tỉnh lộ 263 (Km9 + 900)	600
VI	XÃ HỢP THÀNH	
1	Từ ngã ba làng Mon đến Nhà Văn hóa Khuôn Lân + 400	700
2	Tuyến bê tông liên xóm Kết Tiến Thành (đường nối đường Tỉnh lộ 263 với đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành)	600
3	Tuyến trục B từ đất xóm Phú Thành đến giáp đất xóm Làng Mới	700

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
4	Từ ngã 3 Đình Làng Mới + 100m đến giáp xóm Hàm Rồng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	700
5	Đường bê tông liên xóm Tiến Bộ - Bo Chè (nối đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành đến nhà ông Tổng, xóm Bo Chè)	600
6	Đường bê tông liên xóm Tiến Thành - Bo Chè - Tiến Bộ (từ Nhà Văn hóa xóm Kết - Tiến Thành đến Bưu điện Văn hóa xã)	600
7	Đường bê tông Đồng Đào - xóm Khuân Lân	600
8	Đường bê tông trung tâm xóm Làng Mới	600
9	Đường bê tông xóm Mãn Quang (nối đường trục B Phú Thành đi Làng Mới đến giáp xóm Phúc Sơn, xã Phúc Lương)	600
10	Đường bê tông xóm Quyết Tiến (từ Trường Tiểu học Hợp Thành đến đường trục B Phú Thành đi Làng Mới)	600
11	Đường bê tông xóm Phú Thành (đường nối Tỉnh lộ 263 với đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành)	700
VII	XÃ VÔ TRANH	
1	Từ ngã ba Bình Long + 100m đi UBND xã Vô Tranh	1.500
2	Trục đường từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) đi xóm Toàn Thắng	
2.1	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) vào 300m	1.200
2.2	Từ qua 300m đến cầu Xoan Đào đi xóm Toàn Thắng	1.000
2.3	Từ cầu Xoan Đào đến ngã ba đường rẽ đi xóm Thống Nhất	1.100
3	Đường từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn 100m	
3.1	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) cũ vào 300m	1.200
3.2	Đoạn còn lại đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn 100m	1.000
4	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) đi Trại giam Phú Sơn 4	
4.1	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ)	1.400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
	+ 400m	
4.2	Từ qua ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) 400m đến cổng phân trại K4, Phú Sơn 4	1.000
5	Từ qua ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) cũ 400m đến Cầu Húng (giáp xã Sơn Cẩm)	1.000
6	Từ ngã ba (lớp mẫu giáo khu lẻ Trường mầm non xóm Thống Nhất 4, xã Vô Tranh) đến Phân trại K3, Phú Sơn 4	1.000
7	Từ ngã tư xóm Tân Bình 3 + 150m đi 3 phía (trừ phía đi xóm Tân Bình 4)	1.100
8	Đường từ ngã ba đi xóm Toàn Thắng giáp Trạm biến áp xóm Toàn Thắng đi xã Tức Tranh	800
VIII	XÃ TỨC TRANH	
1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Tiến (từ ngã ba chợ Tức Tranh đi xóm Đồng Tiến)	
1.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 200m	1.300
1.2	Từ sau 200m đến hết đầu nối với Quốc lộ 3 mới	1.000
2	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Lòng (từ Nhà máy Chè đi xóm Đồng Lòng)	
2.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 300m	1.500
2.2	Từ sau 300m đến giáp đất xóm Đồng Lòng	1.000
3	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Minh Hợp	
3.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Minh Hợp	1.000
3.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	800
4	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Thâm Găng	
4.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 300m	1.000
4.2	Từ sau 300 đến hết đường bê tông xóm Thâm Găng	800
5	Đường bê tông từ đường Dốc Vỡng - Vô Tranh - Tức Tranh đi xóm Ngoài Tranh - Đồng Lòng	
5.1	Từ giáp xã Vô Tranh đến hết đường bê tông xóm Ngoài Tranh	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5.2	Đoạn còn lại đến cầu tràn xóm Đồng Lòng	1.000
6	Đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Khe Xiêm	
6.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 300 m	1.200
6.2	Sau 300m hết đường bê tông (giáp đất xóm Thâm Găng)	800
7	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh đi xóm Tân Thái	
7.1	Từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh + 300m đi xóm Tân Thái	1.000
7.2	Từ sau 300m đến gặp đường Phấn Mễ - Túc Tranh	800
8	Đường Túc Tranh - Yên Thủy - Yên Đổ: Từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh đến cổng làng Yên Thủy	1.000
9	Từ đường Túc Tranh - Yên Thủy - Yên Lạc đi xóm Bãi Bằng	800
10	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh đi xóm Đập Tràn	
10.1	Từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh + 300m đi xóm Đập Tràn	1.000
10.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông (đến đập tràn)	800
11	Từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh đi xóm Quyết Thắng	
11.1	Từ đường Phấn Mễ - Túc Tranh + 300m đi xóm Quyết Thắng	1.000
11.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông (giáp đất xã Yên Lạc)	800
IX	XÃ PHÚ ĐÔ	
1	Trục phụ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
1.1	Đoạn Km9 đến hết xóm Khe Vàng 1	
1.1.1	Từ Km9 + 300 đến hết đường bê tông xóm Khe Vàng 1 + 300m	1.000
1.1.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Khe Vàng 1	800
1.2	Đoạn Km9 + 700 đi xóm Khe Vàng 3	
1.2.1	Từ Km9 + 700 đến hết đường bê tông xóm Khe Vàng 3 + 300m	700
1.2.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Khe Vàng 3	600
1.3	Đoạn Km9 + 800 đi hết các xóm Phú Nam 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Cúc Lùng và đến Trường Trung học cơ sở xã Phú Đô)	
1.3.1	Từ Km9 + 800 đến cầu Phú Nam 2	700
1.3.2	Các tuyến còn lại	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.4	Km10+ 400 đi đến hết Trường THCS Phú Đô (đi xóm Ao Cống)	1.000
1.5	Từ Km10 + 600 đến hết trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã	1.000
1.6	Đoạn Km10 + 800) đi nhà ông Hoàng Minh Luận đi Trường Trung học cơ sở xã Phú Đô	
1.6.1	Từ Km10 + 800 đi hết nhà ông Hoàng Minh Luận	800
1.6.2	Đoạn còn lại	600
1.7	Đoạn Km10 + 800) đi Thao trường huấn luyện dân quân	
1.7.1	Từ Km10 + 800 vào 300m	800
1.7.2	Đoạn còn lại	600
1.8	Đoạn Km12 + 500 (ngã tư Bản Chang) đi xã Văn Lãng (trừ vị trí nằm trong đoạn từ Km11 + 300 đến Km12 + 700)	800
1.9	Đoạn Km13 + 400 đi hết xóm Núi Phật	
1.9.1	Từ đoạn đầu nối +500m	800
1.9.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Núi Phật	600
1.10	Đoạn Km15 + 300 (cầu tràn Phú Đô 2) đi hết xóm Phú Thọ	
1.10.1	Từ đoạn đầu nối + 300m	800
1.10.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Phú Thọ	600
1.11	Đoạn Km15 + 600 đi hết xóm Na Sàng	
1.11.1	Từ đoạn đầu nối + 300m	800
1.11.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Na Sàng	600
2	Đường từ cổng UBND xã Phú Đô đi cổng Làng nghề chè Phú Nam 1 đến hết xóm Phú Nam 1	
2.1	Từ UBND xã Phú Đô đến cổng Làng nghề chè Phú Nam 1	1.000
2.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Phú Nam 1	800
3	Đường bê tông từ Quốc lộ 3 mới đi hết xóm Phú Đô 1	
3.1	Từ Quốc lộ 3 mới vào 200m (trừ vị trí nằm trong đoạn Từ Km87 đến Km87 + 900)	800
3.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Phú Đô 1	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
X	XÃ CỎ LŨNG	
1	Quốc lộ 3 đi xóm Bá Sơn, xã Cỏ Lũng	
1.1	Quốc lộ 3 đến 150 m	2.000
1.2	Sau 150 m đến 500 m	1.500
2	Quốc lộ 3 đi trụ sở cũ của UBND xã Cỏ Lũng	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300 m	2.500
2.2	Sau 300 m đến 500 m	2.000
3	Quốc lộ 3 đi xóm Đường Goòng	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300 m	2.500
3.2	Sau 300 m đến 500 m	2.000
4	Quốc lộ 3 đi xóm Cỏ Lũng	
4.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300 m	2.500
4.2	Sau 300 m đến 500 m	2.000
5	Quốc lộ 37 đi xóm Công Điền, Bãi Nha (gần Nhà Văn hóa xóm Công Điền): Từ Quốc lộ 37 đến ngã ba	1.000
XI	CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN	
1	Các đường quy hoạch trong khu dân cư Dương Tự Minh, thị trấn Đu, đường rộng 12,5m	2.500
2	Các đường quy hoạch trong khu dân cư 677 - thị trấn Đu, đường rộng 11,5m	2.000
3	Các đường quy hoạch trong khu dân cư xã Cỏ Lũng, đường rộng 11,5m	2.500
4	Các đường quy hoạch trong khu dân cư xóm Đồng Hút xã Tức Tranh, đường rộng 15m	1.800
5	Các đường quy hoạch trong khu dân cư Trung tâm xã Động Đạt, đường rộng 11,5m	1.500
6	Các đường quy hoạch trong khu dân cư Đồng Đình xã Yên Ninh, đường rộng 11,5m	1.500
7	Các đường quy hoạch trong khu dân cư chợ Tức Tranh, đường rộng 7-8m	1.500

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Đu	450	430	410	390
Thị trấn Giang Tiên	420	400	380	360

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	400	370	340	310
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương Tức Tranh, Yên Đổ	350	320	290	260
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phú Lý, Yên Lạc	300	270	240	210

Phụ lục số 09**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN ĐỊNH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
I	TRỤC QUỐC LỘ 3C	
1	XÃ PHÚ TIẾN	
1.1	Từ Km2 + 950 (giáp đất Phú Lương) đến Km3+300	800
1.2	Từ Km3 + 300 đến Km4	900
1.3	Từ Km4 đến Km5+120	1.500
1.4	Từ Km5 + 120 đến Km8	900
1.5	Từ Km8 đến Km8 + 820 (giáp đất Bộc Nhiêu)	1.000
2	XÃ BỘC NHIÊU	
2.1	Từ Km8 + 820 (giáp đất Phú Tiến) đến Km9 + 500	1.000
3	XÃ TRUNG HỘI	
3.1	Từ Km9 + 500 (giáp đất Bộc Nhiêu) đến Km10 + 900	700
3.2	Từ Km10 + 900 đến Km11 + 600	750
3.3	Từ Km11 + 600 đến Km12 + 200	800
3.4	Từ Km12 + 200 đến Km12 + 630	900
3.5	Từ Km12 + 630 đến Km13 + 30	1.000
3.6	Từ Km13 + 30 đến Km13 + 270	1.200
3.7	Từ Km13 + 270 đến Km13 + 500	1.500
3.8	Từ Km13 + 500 đến Km13 + 900	2.500
3.9	Từ Km13 + 900 đến cách Trung tâm ngã ba Quán Vuông 50m về phía Phú Tiến (Km14)	3.000
3.10	Trung tâm ngã ba Quán Vuông đi các phía 50m (hướng đi Thái Nguyên; Chợ Chu; Bình Yên)	5.000
3.11	Từ Trung tâm ngã ba Quán Vuông + 50m đến Km14 + 200	4.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3.12	Từ Km14 + 200 đến Km14 + 300	4.000
3.13	Từ Km14 + 300 đến Km14 + 500	3.500
3.14	Từ Km14 + 500 đến Km14 + 800	3.000
3.15	Từ Km14 + 800 đến Km15 + 500	2.800
3.16	Từ Km15+ 500 đến Km16+ 400 (giáp đất Bảo Cường)	1.000
4	XÃ BẢO CƯỜNG	
4.1	Từ Km16 + 400 (giáp đất Trung Hội) đến đường rẽ UBND xã Bảo Cường Km16+500 (nhà ông Thao)	1.300
4.2	Từ đường rẽ Bảo Cường Km16 + 500 đến Km17	1.800
4.3	Từ Km17 đến ngã ba đường rẽ xã Bảo Cường - Đồng Thịnh Km17+400 (nhà ông Sơn)	2.800
4.4	Từ ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh Km17+400 đến cầu Ba Ngạc (giáp đất Chợ Chu)	4.000
5	THỊ TRẤN CHỢ CHU (trục Quốc lộ 3C)	
5.1	Từ cầu Ba Ngạc đến đường rẽ vào xóm Thâm Tý, xã Bảo Cường	5.000
5.2	Từ đường rẽ xóm Thâm Tý, xã Bảo Cường đến đường rẽ xóm Bãi Á 2	5.500
5.3	Từ đường rẽ xóm Bãi Á 2 đến qua ngã tư trung tâm huyện 50m	7.000
5.4	Từ qua ngã tư Trung tâm huyện 50m đến qua ngã tư Lương thực 50m đi phía xã Kim Sơn và phía đi Thái Nguyên	6.500
5.5	Từ qua ngã tư Lương thực 50m đến hết Cửa hàng xăng dầu số 22	6.000
5.6	Từ Cửa hàng xăng dầu số 22 đến qua ngã ba xóm Nà Lài 50 m	5.000
5.7	Từ qua ngã ba Nà Lài 50m đến đường rẽ vào xóm Nà Lài (đường rẽ vào nhà ông Thịnh)	3.500
5.8	Từ đường rẽ vào xóm Nà Lài đến đường rẽ Ao Nặm Cắm	3.000
5.9	Từ đường rẽ Ao Nặm Cắm đến Km20 + 600 (giáp đất xã Kim Sơn)	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
6	XÃ KIM SƠN	
6.1	Từ Km20 + 600 (giáp đất Chợ Chu) đến Km24 + 300m	500
6.2	Từ Km24 + 300 đến Km24 + 700 (cách ngã ba Quy Kỳ 50m)	650
6.3	Từ Km24 + 700 đến Km24 + 800	700
6.4	Từ Km24 + 800 đến Km25	450
6.5	Từ Km25 đến Km25 + 300 (giáp đất Quy Kỳ, đường đi Chợ Đồn)	350
7	XÃ QUY KỲ	
7.1	Từ Km25 + 300 đến giáp đất huyện Chợ Đồn	210
II	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 3C	
1	XÃ PHÚ TIẾN	
1.1	Đường Phú Tiến - Yên Trạch	
1.1.1	Từ ngã ba Quốc lộ 3C + 200 m trên trục đường Phú Tiến - Yên Trạch	800
1.1.2	Từ ngã ba Quốc lộ 3C + 200 m đến đường rẽ Nhà Văn hóa xóm 1	600
1.1.3	Từ đường rẽ Nhà Văn hóa xóm 1 đến cầu Giáp Danh (giáp đất Yên Trạch)	400
1.2	Đường Phú Tiến – Ôn Lương	
1.2.1	Từ ngã ba Quốc lộ 3C + 400 m trên trục đường Phú Tiến - Ôn Lương	800
1.2.2	Từ ngã ba Quốc lộ 3C + 400 m đến ngã ba xóm 3, xóm 10 + 150 m	700
1.2.3	Từ ngã ba xóm 3, xóm 10 + 150 m đến giáp đất Ôn Lương	400
2	XÃ BẢO CƯỜNG	
2.1	Từ Quốc lộ 3C + 30m (cạnh nhà ông Thao) đến cách ngã tư trung tâm xã 50m	800
3	THỊ TRẤN CHỢ CHU	
3.1	Từ Quốc lộ 3C rẽ vào Xóm Bãi Á 2	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3.1.1	Từ Quốc lộ 3C rẽ vào xóm Bãi Á 2 đến ngã ba đường rẽ Nhà Văn hóa xóm Bãi Á 2 (ngõ quán Hoa Sữa)	2.500
3.1.2	Từ Quốc lộ 3C rẽ vào xóm Bãi Á 2 đến ngã ba đường rẽ Nhà Văn hóa xóm Bãi Á 2 (ngõ rẽ từ quán Hiền Hà)	2.500
3.1.3	Từ giáp đường nhựa Quốc lộ 3C rẽ vào xóm Thâm Tý hết đất thị trấn Chợ Chu (giáp đất xã Bảo Cường)	2.000
3.1.4	Các đoạn đường bê tông còn lại đi xóm Bãi Á 2 và xóm Bãi Á 3	1.500
3.2	Đường bê tông rẽ vào Huyện ủy	
3.2.1	Từ Quốc lộ 3C rẽ vào đường bê tông cổng Huyện ủy	5.000
3.2.2	Nhánh rẽ từ đường bê tông Huyện ủy đến đường rẽ xóm Bãi Á 2 (đường quanh nhà Thiếu nhi)	3.500
3.2.3	Ngõ rẽ số 62 từ đầu đường bê tông đến hết đất Nhà Văn hóa phố Tân Lập	2.500
3.2.4	Từ giáp đất Nhà Văn hóa phố Tân Lập đến hết đường vào khu dân cư phố Tân Lập	1.500
3.2.5	Ngõ rẽ số 15 giáp đường bê tông vào Huyện ủy đến hết đường vào khu dân cư phố Tân Lập	2.000
3.3	Đường từ ngã tư trung tâm huyện đến Đài tưởng niệm	
3.3.1	Ngã tư trung tâm huyện đến cổng UBND huyện	6.000
3.3.2	Từ cổng UBND huyện đến giáp Đài tưởng niệm	5.000
3.4	Ngã tư trung tâm huyện đi phố Tân Thành	
3.4.1	Từ Ngã tư trung tâm huyện + 100m về hướng đi ngã ba Dốc Châu	6.000
3.4.2	Cách ngã tư trung tâm huyện 100m đến ngã ba Dốc Châu	5.000
3.5	Từ Quốc lộ 3C rẽ vào đến xóm Hợp Thành	
3.5.1	Từ Quốc lộ 3C đến cổng Trường Trung học phổ thông Định Hóa	4.000
3.5.2	Đoạn đường bê tông (từ đường vào Trường Trung học phổ thông Định Hóa sang đến đường vào UBND huyện)	3.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3.5.3	Đoạn giáp đường bê tông vào Trường Trung học phổ thông Định Hóa rẽ vào ngõ 110 đi hết đường bê tông khu dân cư phố Trung Thành	2.000
3.5.4	Từ cổng Trường Trung học phổ thông Định Hóa đến giáp ngã ba ngõ số 131 rẽ sang 2 bên	2.000
3.5.5	Các đoạn đường bê tông còn lại xóm Hợp Thành, chiều rộng \geq 3m	1.500
3.5.6	Đường bê tông từ giáp xóm Hợp Thành đi xóm Phúc Thành (từ hết xóm Hợp Thành đến giáp đập Đồng Phủ xóm Phúc Thành)	1.000
3.6	Đường bê tông xóm Hồ Sen	
3.6.1	Quốc lộ 3C rẽ vào xóm Hồ Sen đi đến giáp đường nội thị Chợ Chu đi Dốc Châu	2.000
3.6.2	Các nhánh đường còn lại của xóm Hồ Sen, chiều rộng \geq 3m	1.500
3.7	Đường từ ngã 5 phố Trung Kiên đi hướng Bệnh viện đa khoa huyện đến giáp Quốc lộ 3C	
3.7.1	Ngã 5 phố Trung Kiên đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện (đường qua UBND thị trấn Chợ Chu)	4.000
3.7.2	Cổng bệnh viện đa khoa huyện + 50m hướng đường bê tông xóm Trung Việt	3.000
3.7.3	Đường bê tông xóm Trung Việt (tiếp theo) đến giáp đường nhựa Quốc lộ 3C	1.500
3.8	Đường bê tông từ cổng Bệnh viện Đa khoa huyện đến giáp đường nội thị ATK (hướng đi cầu Góc Găng)	5.000
3.9	Đường từ ngã 5 phố Trung Kiên đi hướng Góc Đa Chợ Chu cũ đến cầu Ba Ngạc (đường nội thị)	
3.9.1	Đường từ ngã 5 phố Trung Kiên (ngã tư Lương thực cũ) đến đường lên Nhà tù Chợ Chu	6.000
3.9.2	Từ đường lên Nhà tù Chợ Chu đến đầu cầu Góc Găng	3.000
3.9.3	Từ cầu Góc Găng đến cách Nhà Văn hóa 3 phố Hòa Bình, Thống nhất, Đoàn Kết 50m (Góc Đa Chợ Chu)	3.500
3.9.4	Từ Nhà Văn hóa 3 phố Hòa Bình, Thống nhất, Đoàn Kết + 50m (góc Đa Chợ Chu) đi hết phố Hòa Bình, Thống Nhất	3.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3.9.5	Từ Nhà Văn hóa 3 phố Hòa Bình, Thống nhất, Đoàn Kết + 50m (góc Đa Chợ Chu) đi hết phố Đoàn Kết đến cầu Góc Sung (hướng đi Tân Dương)	3.000
3.9.6	Từ Nhà Văn hóa 3 phố Hòa Bình, Thống nhất, Đoàn Kết + 50m đi hết phố Đoàn Kết đến giáp đường Hồ Chí Minh hướng đi Dốc Châu	3.000
3.9.7	Từ giáp đường Hồ Chí Minh đến hết đất Chi cục thuế mới	3.000
3.9.8	Từ giáp ngã tư Chi cục thuế đến ngã ba đường rẽ ra Quốc lộ 3C (cầu Ba Ngạc)	3.500
3.10	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư xóm Trường, xóm Dốc Trâu	3.000
3.11	Đoạn đường từ Quốc lộ 3C đi qua chợ Tân Lập đến ngã tư Chi cục thuế mới	4.500
3.12	Đường cầu góc Sung đi Chùa Hang - Xóm Đồng Chùa	
3.12.1	Đoạn từ đường rẽ cầu Góc Sung đi đến giáp đất Chùa Hang Chợ Chu	1.800
3.12.2	Đường từ Chùa Hang Chợ Chu đi hết xóm Đồng Chùa	1.500
3.13	Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Chu	
3.14.1	Đường rộng $\geq 3,5m$ (từ trục chính vào 150m)	1.400
3.14.2	Đường rộng $< 3,5m$ nhưng $> 2,5m$ (từ trục chính vào 150m)	1.000
4	XÃ KIM SƠN	
4.1	Từ ngã ba Quy Kỳ + 50m (đi chợ Quy Kỳ)	700
4.2	Cách ngã ba Quy Kỳ 50m đến giáp đất Quy Kỳ (đường vào chợ Quy Kỳ)	700
III	ĐƯỜNG 264 (hướng Bình Thành đi Quán Vuông)	
1	XÃ BÌNH THÀNH	
1.1	Từ Km12 + 800 (giáp Đại Từ) đến Km13 + 700	400
1.2	Từ Km13 + 700 đến Km14 + 600	350
1.3	Từ Km14 + 600 đến Km15 + 700	400
1.4	Từ Km15 + 700 đến Km16 + 500	350

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.5	Từ Km16 + 500 đến Km17 + 200	600
1.6	Từ Km17 + 200 đến Km17 + 900	400
1.7	Từ Km17 + 900 đến Km19 + 100	550
1.8	Từ Km19 + 100 đến Km19 + 600 (giáp đất Sơn Phú)	400
2	XÃ SƠN PHÚ	
2.1	Từ Km19 + 600 (giáp đất Bình Thành) đến Km21 + 300	500
2.2	Từ Km21 + 300 đến Km21 + 700	700
2.3	Từ Km21 + 700 đến Km22 + 200	1.000
2.4	Từ Km22 + 200 đến Km22 + 700	800
2.5	Từ Km22 + 700 đến Km23 + 400 (giáp đất Trung Lương)	600
3	XÃ TRUNG LƯƠNG	
3.1	Từ Km23 + 400 (giáp đất Sơn Phú) đến Km24+ 200	400
3.2	Từ Km24 + 200 đến Km24 + 900	600
3.3	Từ Km24 + 900 đến Km26	700
4	XÃ BÌNH YÊN	
4.1	Từ Km26 đến Km26 + 100	950
4.2	Từ Km26 + 100 đến Km26 + 200	1.500
4.3	Từ Km26 + 200 đến Km26 + 250 (cách ngã ba Bình Yên 50m)	2.200
4.4	Từ Km26 + 250 đến Trung tâm ngã ba Bình Yên	3.200
4.5	Từ Trung tâm ngã ba Bình Yên đến Km26 + 400m (cách ngã ba Bình Yên 100m hướng đi Trung Hội)	3.000
4.6	Từ Km26 + 400 đến Km26 + 600	3.000
4.7	Từ Km26 + 600 đến Km26 + 700	2.000
4.8	Từ Km26 + 700 đến Km26 + 800	1.600
4.9	Từ Km26 + 800 đến Km27 + 200	1.300
5	XÃ TRUNG LƯƠNG	
5.1	Từ Km27 + 200 đến Km28 + 800	1.200
5.2	Từ Km28 + 800 đến Km29 + 300	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
5.3	Từ Km29 + 300 đến Km29 + 800 (giáp đất Trung Hội)	1.200
6	XÃ TRUNG HỘI	
6.1	Từ Km29 + 800 (giáp đất Trung Lương) đến Km30 + 400	1.500
6.2	Từ Km30 + 400 đến Km30 + 500	1.000
6.3	Từ Km30 + 500 đến Km30 + 850	1.700
6.4	Từ Km30 + 850 đến Km30 + 900	2.500
6.5	Từ Km30 + 900 đến Km30 + 950 (cách ngã ba Quán Vuông 50m)	3.000
IV	ĐƯỜNG 264B BÌNH YÊN - PHÚ ĐÌNH	
1	XÃ BÌNH YÊN	
1.1	Từ Km0 (ngã ba Bình Yên) đến Km0 + 100	3.000
1.2	Từ Km0 + 100 đến Km0 + 300	2.700
1.3	Từ Km0 + 300 đến Km0 + 600	1.200
1.4	Từ Km0 + 600 đến Km 1 + 500	800
1.5	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 900	700
1.6	Từ Km 1 + 900 đến Km2 (ngã ba Đá Bay)	1.000
1.7	Từ Km2 (ngã ba Đá Bay) + 100 về các phía	800
1.8	Từ Km2 + 100 đến Km3 (giáp đất xã Diềm Mặc)	500
2	XÃ ĐIỀM MẶC	
2.1	Từ Km3 (giáp đất Bình Yên) đến Km4 + 400	500
2.2	Từ Km4 + 400 đến Km4 + 600	600
2.3	Từ Km4 + 600 đến Km4 + 900	700
2.4	Từ Km4 + 900 đến Km5 + 500	1.200
2.5	Từ Km5 + 500 đến Km5 + 600	1.000
2.6	Từ Km5 + 600 đến Km5 + 800	800
2.7	Từ Km5 + 800 đến Km5 + 900	650
2.8	Từ Km5 + 900 đến Km6	600
2.9	Từ Km6 đến giáp đất xã Phú Đình (Km6 + 900)	500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	XÃ PHÚ ĐÌNH	
3.1	Từ Km6 + 900 (giáp đất Diềm MẶc) đến Km7 + 100	500
3.2	Từ Km7 + 100 đến Km7 + 200 (cầu Nạ Tiên)	600
3.3	Từ Km7 + 200 (Cầu Nạ Tiên) đến Km7 +750	700
3.4	Từ Km7 +750 đến Km8 +300	1.000
3.5	Từ Km8 + 300 đến Km8 + 900	1.100
3.6	Từ Km8 + 900 đến Km9 + 200	1.300
3.7	Từ Km9 + 200 đến Km9 + 600	2.000
3.8	Từ Km9 + 600 đến Km9 + 900	1.300
3.9	Từ Km9 + 900 đến Km10 + 150	1.000
3.10	Từ Km10 +150 đến Km11 + 800	800
3.11	Từ Km11+ 800 đến Km12 + 500	900
3.12	Từ Km12 + 500 đến Km13 + 750 (ngã ba đi Tuyên Quang)	1.000
3.13	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100m đi các phía	650
3.14	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100m đi Khuôn Tát (đến cây đa)	400
3.15	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100m đến giáp đất Tuyên Quang	300
V	ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH MỚI	
1	Từ Km 204+500 (gần cầu Khe Sở) đến Km210+775 (Cầu Tà Hôn)	1.000
2	Từ Km210+775 (cầu Tà Hôn) đến Km 212 (đường rẽ UBND xã)	1.500
3	Từ Km 212 (đường rẽ UBND xã) đến Km 213+728 (cầu tràn hết đất Tân Dương)	1.600
4	Từ giáp xã Tân Dương đến cầu Suối Nản	2.000
5	Từ giáp cầu Suối Nản đến cầu Chợ Chu phố Trung Kiên	3.000
10	Từ đầu cầu Chợ Chu đến ngã 5 phố Trung Kiên	6.000
VI	ĐƯỜNG BẢO CƯỜNG - ĐỒNG THỊNH	
1	Từ Quốc lộ 3C (Km17+400 nhà ông Sơn) vào 100m	1.200
2	Cách Quốc lộ 3C 100m đến cách ngã tư trung tâm xã 50m	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Ngã tư trung tâm xã + 50m về các phía	1.500
4	Từ qua ngã tư trung tâm xã Bảo Cường 50m + 100m tiếp theo	1.200
5	Từ qua ngã tư trung tâm xã Bảo Cường 15m + 200m tiếp theo	800
6	Đoạn còn lại đến giáp đất Đồng Thịnh	500
7	Từ giáp đất Bảo Cường đến cổng Trường Trung học cơ sở xã Đồng Thịnh	400
8	Từ cổng Trường THCS đến đập tràn Thác Lầm	600
9	Từ đập tràn Thác Lầm đến ngã ba An Thịnh 1	400
VII	ĐƯỜNG CHỢ CHU – LAM VỸ	
1	Từ Km4 đến cầu Đồng Khiếu	300
2	Từ cầu Đồng Khiếu đến cột điện cao thế 98 đường dây 376	400
3	Từ Cột điện cao thế 98 đường dây 376 đến trạm biến áp trung tâm	500
4	Từ trạm biến áp trung tâm đến giáp đất Lam Vỹ	350
5	Từ đất Lam Vỹ đến Cầu Nghiu	400
6	Từ cầu Nghiu đến Km9 + 840 (cột điện hạ thế nhà ông Thanh)	500
7	Từ Km9 + 840 (cột điện hạ thế nhà ông Thanh) đến Km10 (cột điện thoại nhà ông Xanh)	1.000
8	Từ Km10 (cột điện thoại nhà ông Xanh) đến Km10 + 300 (cột hạ thế nhà ông Hiệp)	1.200
9	Từ Km10 +300 (cột hạ thế nhà ông Hiệp) đến cầu Trung Tâm	1.000
10	Từ Km10 + 600 (cầu Trung Tâm) đến đường rẽ Trường Tiểu học (Km10+700 ngã ba Trung Tâm)	600
11	Từ Km10 + 700 (đường rẽ Trường Tiểu học) đến Km14 + 300 (cổng qua đường nhà ông Hoàn)	300
12	Từ Km14 + 300 (cổng qua đường nhà ông Hoàn) đến Km15 (cổng qua đường nhà ông Quý)	350
13	Từ Km15 (cổng qua đường nhà ông Quý) đến giáp đất xã Linh Thông	300
14	Từ ngã ba Trung tâm đến cổng Trường THCS xã Lam Vỹ	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
VIII	ĐƯỜNG THANH ĐỊNH - BẢO LINH	
1	Từ đầm Đá bay đến cột cao thế 473/04 (xóm Khuổi Nghè)	350
2	Từ cột cao thế 473/04 đến cột cao thế 473/07 (xóm Khuổi Nghè)	300
3	Từ cột cao thế 473/07 (xóm Khuổi Nghè) đến cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thảm Thia)	400
4	Từ cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thảm Thia) đến cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao	450
5	Từ cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao đến cầu Phươn Thanh Xuân	350
6	Từ cầu Phươn Thanh Xuân đến ngã ba Văn Lang + 100m hướng đi xã Bảo Linh	400
7	Từ ngã ba Văn Lang + 100m đến cột hạ thế số 5 (xóm Nạ Chèn)	350
8	Từ cột hạ thế số B9 xóm Nạ Chèn đến giáp đất xã Bảo Linh	300
IX	ĐƯỜNG QUY KỲ - LINH THÔNG – LAM VỸ	
1	Từ giáp đất Kim Sơn đến qua cổng chợ Quy Kỳ 100m	650
2	Từ qua cổng chợ Quy Kỳ 100m đến cầu tràn Kim Phượng	400
3	Từ cầu tràn Kim Phượng đến giáp Trạm Y tế xã Quy kỳ	450
4	Từ Trạm Y tế xã Quy Kỳ đến hết cổng Trường Mầm non xã Quy Kỳ	550
5	Từ trường Mầm non Quy Kỳ đến Km 4+200 (giáp đất xã Linh Thông)	250
6	Từ Km 4 + 200 đến Km 11 (giáp đất xã Lam Vỹ)	400
7	Nhánh từ cách ngã ba đường vào Trường Trung học cơ sở Quy Kỳ 30m đến cổng trường Trung học cơ sở Quy Kỳ (đường cạnh UBND xã Quy Kỳ)	300
X	ĐƯỜNG PHÚC CHU - BẢO LINH	
1	THỊ TRẤN CHỢ CHU	
1.1	Cách ngã ba Nà Lài 50m đến hết đất nhà ông Bạch	2.000
1.2	Từ hết đất nhà ông Bạch đến giáp đất Phúc Chu	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	XÃ PHÚC CHU	
2.1	Từ Km 0 + 660 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 1+ 130	1.000
2.2	Từ Km 1 + 130 đến Km 2	1.500
2.3	Từ Km 2 đến Km 2 + 290 (cầu Suối Pàù)	1.300
2.4	Từ Km 2 + 290 đến Km 3 + 60 (cầu Nà Khắt)	1.000
2.5	Từ Km 3 + 60 qua cầu Nà Mòn đến Km 6 (hết đất Phúc Chu)	800
3	XÃ ĐỒNG THỊNH	
3.1	Từ Km 6 + 200 đến đường rẽ đi Khuổi Chao	500
3.2	Từ đường rẽ đi Khuổi Chao đến cầu đập chính (hồ Bảo Linh)	600
4	XÃ ĐỊNH BIÊN	
4.1	Từ cầu đập chính đến ngã ba Đồng Rằm	600
4.2	Từ ngã ba Đồng Rằm đi các phía 50m	650
4.3	Từ cách ngã ba Đồng Rằm + 50m đến giáp đất Bảo Linh	400
5	XÃ BẢO LINH	
5.1	Từ giáp đất Định Biên đến cách ngã ba trạm điện số 1 (100m)	350
5.2	Từ cổng chợ trung tâm Cụm xã Bảo Linh đi Định Biên 50m; Đi UBND xã Bảo Linh 100m	450
5.3	Cách chợ trung tâm cụm xã 100m đến cách ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh 100m	350
5.4	Từ ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh về các phía 100m	700
5.5	Từ ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh đi các phía 40 m	650
5.6	Từ ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh + 40m đến cách đường rẽ lên chợ Bảo Hoa 177m	350
5.7	Từ cổng chợ Bảo Hoa đi về UBND xã 177m, về phía xã Thanh Định 107m	450
5.8	Từ qua cổng chợ Bảo Hoa 107m đến giáp đất xã Thanh Định	350
6	ĐƯỜNG NHÁNH ĐƯỜNG LIÊN XÃ PHÚC CHU - BẢO LINH	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
6.1	Xã Phúc Chu	
6.1.1	Đường nhánh vào Nà Lếch thôn Đồng Uẩn, xã Phúc Chu (dài 300m)	450
6.1.2	Đường nhánh vào Làng Gà đến chân hồ Làng Gà	300
6.1.3	Đường nhánh vào Cạm Quang + 300m	400
6.1.4	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ nhánh thôn Đồng Uẩn - Đồng Tùm	500
6.2	Xã Bảo Linh	
6.2.1	Cách ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh 40m đến cổng Trường Tiểu học	350
6.2.2	Đường vào nhà bia tưởng niệm bộ tổng tham mưu	300
6.2.3	Các đường bê tông còn lại có mặt đường $\geq 3,5m$	300
6.2.4	Các đường bê tông còn lại có đường $\geq 2,5m$ nhưng $< 3,5m$	250
XI	ĐƯỜNG NÀ GUÔNG - ĐỒNG THỊNH	
1	Từ Km 0 đến Km 0 + 60m	1.000
2	Từ Km 0 + 60 m đến Km 0 + 200	600
3	Từ Km 0 + 200 đến Km 0 + 500	450
4	Từ Km 0 + 500 (giáp đất Trung Lương) đến Km 1 + 500 (cách chợ 100m)	400
5	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 700	700
6	Từ Km 1 + 700 đến Km2 + 100	500
7	Từ Km2 + 100 đến đến cách ngã ba cầu Vàng Chương 100m	400
8	Từ cách ngã ba cầu Vàng Chương 100m đến đường rẽ xóm Noong Nia	450
9	Từ đường rẽ xóm Noong Nia đến giáp đường liên xã Phúc Chu - Bảo Linh	300
XII	ĐƯỜNG TÂN DƯƠNG - PHƯỢNG TIẾN – TRUNG HỘI	
1	Từ Km0 (cầu tràn Tân Dương) đến đường rẽ xóm Pải (nhà ông Việt)	350
2	Từ Đường rẽ xóm Pải đến cách ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến 50m	550

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến + 50m đi các phía	650
4	Từ ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến + 50m đến Km4	300
5	Từ Km4 đến Km9 (giáp xã Trung Hội)	300
6	Từ Km9 xã Phượng Tiến đến Quốc lộ 3C (xã Trung Hội)	400
XIII	ĐƯỜNG CHỢ CHU – KIM PHƯỢNG – LAM VỸ	
1	Đoạn đường bê tông $\geq 5m$ từ ngã ba khu tưởng niệm đến giáp đầu cầu Vườn Rau	1.500
2	Đoạn đường bê tông $\geq 5m$ từ cầu xóm Vườn Rau đi đến giáp đất Kim Phượng	1.000
3	Từ Km 0+800 (giáp chợ Chu) đến Km 1+400	300
4	Từ Km 1+400 đến Km 3+400 (gần trạm Y tế xã)	350
5	Từ Km 3+400 đến Km 4+100 (cầu Bản Mới)	500
6	Từ Km 4+100 đến Km 4+500 (Nhà Văn hóa bản Đa)	300
7	Từ Km 4+500 đến Km 7+ 200 (nhà bà Lương Thị Thủy)	250
8	Km 7+200 (Nhà bà Lương Thị Thủy) đến Km9+ 00(Nhà ông Hoàng Văn Quyền)	300
9	Km 9 (nhà ông Hoàng Văn Quyền) đến Km10+400 (đường rẽ ông Quân làng Giản)	250
10	Km 10+400 (đường rẽ nhà ông Quân làng Giản) đến cầu Trung tâm	300
XIV	ĐƯỜNG KIM PHƯỢNG – QUY KỶ	
1	Từ Km4+100 đến Km4+500 (ngã ba cổng trường Tiểu học)	350
2	Từ Km4+500 đến Km1+400 (cổng tiêu nước đồng lác)	300
3	Từ Km1+400 đến Km 2 +900 (giáp Quy Kỳ)	250
4	Km2 +900 (giáp Kim Phượng) đến cầu tràn Kim Phượng (địa phận xã Quy Kỳ)	400
XV	ĐƯỜNG BỘC NHIÊU – THANH BÌNH	
1	Từ trục Quốc lộ 3C rẽ đi Bộc Nhiêu + 50m đến Km4 + 200	345
2	Từ Km4 + 200 đến Km5 + 300	550

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
3	Từ Km5 + 300 đến Km8 + 400 (hết đất xã Bộc Nhiêu, giáp đất xã Bình Thành)	280
4	Từ Km8 + 400 (giáp xã Bộc Nhiêu) đến Km8 + 800 (nhà ông Đào Đình Miện)	250
5	Từ Km8 + 800 (nhà ông Đào Đình Miện) đến Km9 + 300 (nhà ông Hoàng Văn Sơn)	250
6	Từ Km9 + 300 (nhà ông Hoàng Văn Sơn) đến đường 264	250
XVI	ĐƯỜNG BÌNH THÀNH – PHÚ ĐÌNH	
1	Từ đường 264 Km12 + 900 (rẽ Bình Tiến) đến đến giáp đất Phú Đình	250
XVII	ĐƯỜNG SƠN PHÚ - ĐIỀM MẶC	
1	Từ đường ĐT 264 đến ngã ba đường rẽ vào thôn Sơn Vinh 2	250
2	Từ ngã ba đường rẽ vào thôn Sơn Vinh 2 đến giáp đất Điềm Mặc	250
XVIII	ĐƯỜNG SƠN PHÚ – PHÚ ĐÌNH	
1	Từ đường ĐT 264 đến giáp đất Phú Đình	250
2	Từ giáp đất xã Sơn Phú đến giáp đường 264B	300
XIX	ĐƯỜNG SƠN PHÚ – BỘC NHIÊU	
1	Đoạn đường từ ĐT 264 đến giáp đất xã Bộc Nhiêu	250
XX	ĐƯỜNG LIÊN THÔN CỐC LÙNG – KHẤU BẢO – LÀNG MỚI	
1	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ từ ngã tư trung tâm xã Bảo Cường + 200m tiếp theo (tuyến Cốc Lùng - Khẩu Bảo)	400
2	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ từ Quốc lộ 3C (cạnh nhà ông Trọng) vào 150m	500
3	Đường liên xóm Tân Dương	
3.1	Đường bê tông $< 3,5m$ nhưng $\geq 2,5m$	250
3.2	Đường bê tông rộng $\geq 3,5m$	400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
XXI	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ TÂN THỊNH	
1	Từ cầu tràn Tân Thịnh đến ngã ba rẽ đường bê tông vào xóm Thâm Yên	250
2	Từ ngã ba rẽ đường bê tông vào xóm Thâm Yên đến giáp đất Khe Thí, xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	250
XXII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ LINH THÔNG	
1	Từ Ngã ba Bản Chang đến cầu Đông Khán	350
2	Từ cầu Đông Khán đến ngã ba Cốc Móc	500
3	Trục đường bê tông Bản Chang - Nà Lá - Nà Chú	250
4	Trục đường bê tông Tân Vàng	250
5	Trục đường nhựa Nà My - Tân Thái - Tân Trào	250
6	Tuyến Nà Chát - Bản Lại - Làng Mới	
6.1	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ từ nhà ông Chung đến nhà ông Vỹ	300
6.2	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ nhà ông Vỹ đến nhà ông Toan xóm Làng Mới	250
XXIII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ PHƯỢNG TIẾN	
1	Đường liên thôn ngã ba Nạ Poọc đi xóm Héo đến hết đường nhựa (Nạ Poọc - Nà Lang - Xóm Héo)	250
2	Từ Ngã ba trung tâm xã + 50m đi xóm Pa Goải, xóm Đình	250
3	Ngã tư xóm Đình đến trạm biến áp xóm Đình	300
4	Trạm biến áp xóm Đình đi xóm Tổ (đường nhựa 3,5m), xóm Mầu (đường bê tông rộng $\geq 3m$)	250
5	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ Nạ Poọc, Héo, Nà Lang	250
6	Đường bê tông $\geq 3m$ từ trạm thủy luân đến Nhà ông Sáng, từ nhà ông Việt đến hết đường rẽ Nhà Văn hóa xóm Pải	250
7	Đường bê tông $\geq 3m$ xóm Pải, Hợp Thành (các đoạn còn lại)	250
8	Đường bê tông $\geq 3m$ xóm Pa Chò	250

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
9	Đường Hồ Chí Minh (đường gom, thuộc xã Phượng Tiến)	1.300
XXIV	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ BỘC NHIÊU	
1	Từ cầu trung tâm xã + 500m đi hướng xóm Vân Nhiêu	350
2	Từ cầu trung tâm xã + 500m đến hết đất Vân Nhiêu	280
3	Từ cầu trung tâm xã đi hướng xóm Đạo 1	350
4	Từ cầu trung tâm xã + 300m đi hướng xóm Chú 4	350
5	Đoạn bê tông rộng $\geq 3m$ từ Quốc lộ 3C qua Lạc Nhiêu, Đạo 2, Đạo 1 đến cầu trung tâm xã + 300m hướng đi xóm Đạo 1	250
6	Đoạn bê tông rộng $\geq 3m$ từ đường liên xã Bộc Nhiêu - Bình Thành rẽ đường Bực 3 - Minh Tiến đến hết đất Minh Tiến	250
XXV	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ ĐỒNG THỊNH	
1	Đoạn từ cầu treo xóm Đèo Tọt đến ngã ba trường Mầm Non xã Đồng Thịnh	400
XXVI	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ ĐỊNH BIÊN	
1	Đường bê tông rộng $\geq 3m$ từ đường rẽ xóm Noong Nia đến giáp đường liên xã Đồng Làn - Đồng Thịnh	250
2	Từ ngã ba Vàng Chương đường bê tông đến giáp Bảo Hoa xã Bảo Linh	250
3	Ngã Ba xóm Góc Thông đến giáp đường Đồng Quang xã Bình Yên (đường bê tông)	250
4	Ngã ba xóm Nà Dọ đến giáp đất xóm Bản Cái, xã Thanh Định	250
XXVII	ĐƯỜNG LÀNG HÁ – TAM HỢP (XÃ LAM VỸ)	
1	Đường Liên thôn Làng Há - Tam Hợp: Đoạn ngã 3 ông Kỳ - Cầu Treo	300
2	Đường Liên thôn Làng Há - Tam Hợp: Đoạn Cầu Treo - Ngã 3 ông Đắc	250
XXVIII	TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN THÔN LÀNG HÁ – NÀ TÁC (XÃ LAM VỸ)	
1	Tuyến đường liên thôn Làng Há - Nà Tác: Đoạn cổng Trường Trung học cơ sở - Cầu Nà Viên	300

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Tuyến đường liên thôn Làng Há - Nà Tác: Đoạn Cầu Nà Viên - Cây gạo Nà Tác	250
XXIX	ĐƯỜNG LIÊN THÔN THUỘC XÃ LAM VỸ	
1	Các tuyến đường nhánh thuộc Trung tâm cụm xã	300
2	Thôn Làng Quyên: Từ đường nhựa - Nhà Văn hóa thôn	250
3	Thôn Nà Toán: Theo nhánh đường bê tông Cầu Nà Buộc - Đường liên thôn đi Nà Tác	250
4	Thôn Nà Toán: Cầu Nà Viên Nhà Văn hóa thôn Nà Toán	250
5	Đất ở bám theo các tuyến đường bê tông của các thôn còn lại	250

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Chợ Chu	400	380	360	340

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phụng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội, Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Điềm Mạc, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Kim Sơn, Phụng Tiến	240	230	220	210

Phụ lục số 10**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN VÕ NHAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
A	QUỐC LỘ 1B (từ giáp đất Lạng Sơn đến giáp đất huyện Đông Hồ)	
1	Từ giáp đất Lạng Sơn Km100 + 500 đến Km102	500
2	Từ Km102 đến Km102 + 300	650
3	Từ Km102 + 300 đến Km102+600	850
4	Từ Km102 + 600 đến Km103	650
5	Từ Km 103 đến Cầu Vẽ (Km106)	850
6	Từ Km106 (Cầu Vẽ) đến Km107 + 150 (cầu Suối Cạn)	1.700
7	Từ Km107+ 150 (cầu Suối Cạn) đến Km107+ 550 (cầu Nà Trang)	4.500
8	Từ Km107 + 550 (cầu Nà Trang) đến Km107 + 750 (ngã tư thị trấn Đình Cả)	5.000
9	Từ Km107 + 750 (ngã tư thị trấn Đình Cả) đến Km108 + 120 (đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn Đình Cả)	7.000
10	Từ Km108 + 120 (đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn Đình Cả) đến Km108 + 700 (Cầu Rắn)	6.500
11	Từ Km108 + 700 (Cầu Rắn) đến Km109 + 400 (đường rẽ vào Trường Trung học phổ thông Võ Nhai)	3.400
12	Từ Km109 + 400 (rẽ Trường Trung học phổ thông Võ Nhai) đến Km109 + 900 (Trường Tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng)	1.700
13	Từ Km109 + 900 (cổng Trường Tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng) đến Km111 + 800	900
14	Từ Km111 + 800 đến Km112 + 400 (đường rẽ vào Trường Trung học cơ sở Lâu Thượng)	1.700

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
15	Từ Km112 + 400 (đường rẽ vào Trường Trung học cơ sở Lâu Thượng) đến Km115 + 500	700
16	Từ Km115 + 500 đến công khu công nghiệp Trúc Mai	800
17	Từ công khu công nghiệp Trúc Mai đến Km119 + 400	700
18	Từ Km119 + 400 đến Km124 + 100 (trạm Y tế xã La Hiên)	800
19	Từ Km124 + 100 (Trạm Y tế xã La Hiên) đến Km124 + 800 (đường rẽ vào Trường Trung học cơ sở La Hiên)	1.500
20	Từ Km124 + 800 (đường rẽ vào Trường Trung học cơ sở xã La Hiên) đến Km125 + 80 (đường rẽ vào UBND xã La hiên)	2.500
21	Từ Km125 + 80 (đường rẽ vào UBND xã La hiên) đến Km125+200 (cầu La Hiên)	4.500
22	Từ Km125 + 200 (cầu La Hiên) đến Km126 + 300 (nhà máy nước khoáng AVA La Hiên)	2.500
23	Từ Km126 + 300 (nhà máy nước khoáng AVA La Hiên) đến Km128 + 100 (giáp đất huyện Đồng Hỷ)	1.500
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ khu dân cư xóm Mỏ Gà, từ Quốc lộ 1B vào 300m	500
2	Ngõ rẽ cạnh Trường Phổ thông dân tộc nội trú Nguyễn Bình Khiêm, từ Quốc lộ 1B rẽ vào 300m	700
3	Từ Quốc lộ 1B (Km107 + 380) vào đến đường Bãi Lai	2.000
4	Từ Quốc lộ 1B (Km107 + 465) vào đến đường Bãi Lai	1.800
5	Từ Quốc lộ 1B (Km108) vào đến sau Trường Tiểu học Đình Cả	2.000
6	Từ cầu Sông Đào đến khu dân cư số 3, thị trấn Đình Cả	2.500
7	Từ Quốc lộ 1B (Km108 + 120) đến Trường Tiểu học Đình Cả	3.000
8	Từ Quốc lộ 1B (Km108 + 650) đến Trung tâm Y tế Võ Nhai	3.500
9	Từ Quốc lộ 1B (Km109 + 400) đến Trường THPT Võ Nhai	2.000
10	Từ Quốc lộ 1B đến Trung tâm bồi dưỡng Chính trị Võ Nhai	4.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
11	Các trục phụ đường bê tông $\geq 3m$ còn lại thuộc thị trấn Đình Cả từ Quốc lộ 1B vào 200m	500
12	Các trục phụ đường bê tông $\geq 3m$ còn lại thuộc các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng từ Quốc lộ 1B vào 200m	450
B	TUYẾN TỈNH LỘ	
I	TỈNH LỘ 265 ĐÌNH CẢ - BÌNH LONG	
1	Từ ngã tư Đình Cả đến cầu Sông Đào	6.200
2	Từ cầu Sông Đào đến cầu Đá Mài	1.500
3	Từ cầu Đá Mài đến cầu Suối Lũ	500
4	Từ cầu Suối Lũ đến Km7 (Trường Tiểu học Tràng Xá)	600
5	Từ Km7 (Trường Tiểu học Tràng Xá) đến Km8 (cầu Bắc Bén)	800
6	Từ Km8 (cầu Bắc Bén) đến Km8 + 400 (bưu điện xã Tràng Xá)	1.700
7	Từ Km8 + 400 (bưu điện xã Tràng Xá) đến Km10 + 400	1.400
8	Từ Km10 + 400 đến Km10 + 800 (cổng Trường Trung học cơ sở Tràng Xá + 200m về 2 phía)	1.000
9	Từ Km10 + 800 đến Km15 + 100	500
10	Từ Km15 + 100 đến Km15 + 500 (cổng chợ Dân Tiến + 200m về 2 phía)	1.400
11	Từ Km15 + 500 đến Km16 + 500	1.000
12	Từ Km16 + 500 đến Km21 + 100	550
13	Từ Km21+100 đến Km21+700 (chợ Bình Long+ 300m về 2 phía)	1.000
14	Từ Km21 + 700 đến giáp đất huyện Hữu Lũng - Lạng Sơn	500
	Trục phụ	
1	Từ Tỉnh lộ 265 (hiệu thuộc Tràng Xá) đến Trạm đa khoa khu vực	1.200
C	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHÁC	
I	ĐƯỜNG TRÀNG XÁ - PHƯƠNG GIAO	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1	Cổng chợ Mùng + 250m về 2 phía	1.000
2	Các đoạn còn lại của đường Tràng Xá - Dân Tiến - Phương Giao	500
3	Cổng UBND xã Phương Giao + 400m về 2 phía	600
II	ĐƯỜNG ĐÔNG BO XÃ TRÀNG XÁ - PHƯƠNG GIAO	
1	Cổng chợ Đông Bo + 200m về hai phía	600
2	Các đoạn còn lại	400
III	ĐƯỜNG LA HIÊN - VŨ CHẤN	
1	Từ Quốc lộ 1B đến Km0 + 150m	3.000
2	Từ Km0 + 150 đến Km 1 (dốc Suối Đất)	1.500
3	Từ Km 1 (dốc Suối Đất) đến Km7 + 600 (đường rẽ vào Trường Trung học phổ thông Trần Phú)	600
4	Từ Km7 + 600 (đường rẽ vào Trường Trung học phổ thông Trần Phú) đến Km8 + 100 (ngã ba Cúc Đường)	1.500
5	Từ Km8 + 100 (ngã ba Cúc Đường) đến qua UBND xã Cúc Đường 100m	800
6	Từ Km8 + 100 (ngã ba Cúc Đường) đi tiếp 200m đường đi Thần Sa, Thượng Nung	800
7	Từ qua UBND xã Cúc Đường 100m đến Km 9 (trạm Y tế xã Cúc Đường)	750
8	Từ Km9 đến Trường Mầm non xã Vũ Chấn	400
9	Từ Trường Mầm non xã Vũ Chấn đến đường rẽ vào xóm Khe Rịa	500
10	Từ đường rẽ vào xóm Khe Rịa đi xã Nghinh Tường đến hết đất xã Vũ Chấn	400
IV	KHU VỰC CHỢ ĐÌNH CẢ	
1	Từ đường Đình Cả Bình Long (Tỉnh lộ 265) đến hết đất Trường Trung học cơ sở Đình Cả	4.000
2	Từ đường Đình Cả Bình Long (Tỉnh lộ 265) vòng ra cổng chợ sau chợ (cổng phía đông)	4.000
3	Từ cổng sau chợ (cổng phía đông) + 150m đường đi Bãi Lai	3.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
4	Đoạn còn lại từ đường Bãi Lai đến Quốc lộ 1B	2.500
5	Từ cầu vào Chợ Đình Cả theo đường bê tông rẽ về hai phía	4.000
V	ĐƯỜNG NGÃ TƯ ĐÌNH CẢ - CÔNG HUYỆN ỦY	
1	Từ ngã tư Đình Cả đến Ban Chỉ huy quân sự huyện Võ Nhai	4.500
2	Từ Ban Chỉ huy quân sự huyện đến công Huyện uỷ Võ Nhai	3.500
VI	ĐƯỜNG TRÀNG XÁ - LIÊN MINH - ĐÈO NHÂU	
1	Từ cầu tràn Tràng Xá đi Liên Minh + 300m	500
2	Từ công UBND xã Liên Minh + 100 m về hai phía	550
3	Các đoạn còn lại thuộc đường Tràng Xá - Liên Minh - Đèo Nhâu	400
VII	ĐƯỜNG THƯỢNG NUNG - SÁNG MỘC	
1	Từ Công Chợ Thượng Nung + 500 m về hai phía	500
2	Các đoạn còn lại nằm trên trục đường Thượng Nung - Sáng Mộc	300
	Trục phụ	
1	Từ đường Thượng Nung - Sáng Mộc đến công Trường Trung học cơ sở Thượng Nung	300
VIII	ĐƯỜNG LIÊN XÃ NGHINH TƯỜNG - SÁNG MỘC	
1	Từ trạm Kiểm lâm Nghinh Tường đến cầu Na Mao	500
	Trục phụ	
1	Từ cầu Na Mao đến công UBND xã Nghinh Tường	400

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Đình Cả	350	330	310	290

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, Dân Tiến	260	230	200	180
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	230	200	180	170

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: www.congbaothainguyen.gov.vn